

30 18
Tháng 12, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON RÔLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN - QUYỀN SARRAUT

Ngày 17 tháng 11 ở Sài-gòn làm lễ mừng đình-chiến, quan Toàn-quyền ALBERT SARRAUT có ra trước tượng quan GAMBETTA đọc một bài diễn-thuyết lời-lẽ rất hùng hồn, thật là một đoạn văn-chương tuyệt-bút. Bản-báo xin dịch ra sau này, in cả nguyên-văn, để công-bố cho quốc-dân biết cái văn hay ý tốt của quan Toàn-quyền ta.

Xét quan GAMBETTA là một nhà đại-chánh-trị của nước Pháp, hồi trận Pháp-Phổ năm 1870 đã lấy lòng nhiệt-thành ái-quốc hết sức giúp việc quốc-phòng, sau chẳng may nước Pháp bị thua đem lời tâm-huyết khuyên nhủ quốc-dân nên nhớ cái thù chung mong có ngày rửa sạch. Nay đã đến ngày trả thù, cái nhục trước đã rửa sạch lâu lâu, cuộc vinh sau sẽ rực-rỡ biết bao, quốc-dân ai cũng nhớ đến công ngài trong buổi gian-nan và một lòng truy-cảm cái dạ cả trí-cao của người chí-sĩ, giữa lúc hiểm-nghèo vẫn biết tin cậy ở vận-mệnh Tổ-quốc. Bởi vậy nên được tin chiến-thắng bên Âu-châu, quan Toàn-quyền muốn nhân sự vui-mừng ngày nay ngợi-khen cái công-đức người trước, mới đặt lễ khánh-hạ trước tượng quan GAMBETTA và đọc bài diễn-thuyết dịch đây.

* * *

Voici l'heure sublime, l'heure sainte, l'heure justicière ! Voici le jour immortel que, pendant quarante-sept années, un grand peuple qui n'oubliait pas, n'a cessé d'espérer d'un inébranlable espoir ! Et parce que tu fus, pour le droit meurtri de ce peuple, la voix obstinément prophétique de sa revanche, parce que, dans le deuil de la Patrie mutilée, le cri de ton invincible foi domina le cri de sa douleur, parce que le geste puissant dont tu relevas la France blessée est resté tendu dans l'espace pour nous montrer l'étoile de l'Immanente Justice, voici, ô Gambetta,

Giờ này là cái giờ tuyệt-đích, giờ này là cái giờ thánh-thần, giờ này là cái giờ báo-thù đây ! Ngày nay là cái ngày muôn đời còn nhớ, cái ngày mà trong bốn mươi bảy năm trời một dân lớn không biết quên việc cũ vẫn một lòng kiên như đá vững như đồng mong đợi mãi đây ! Ôi quan GAMBETTA, đương buổi cái Công-lý trong nước bị dẫy-xé, vì ngài đã cất tiếng lên một lời báo trước rằng thù ấy có ngày trả được ; đương buổi Tổ-quốc bị lia-cắt như chìm đắm trong cuộc tang-tóc, vì tiếng ngài đóng-dã một lòng tin cậy không đời, át được cái tiếng kêu sâu-thẳm trong nhân-dân ; vì cái câu ngài nói : « Nước Pháp như người bị

que rassemblés devant ton image, les enfants de la Patrie triomphante viennent aujourd'hui chanter que le jour de gloire est arrivé.

Jour de gloire ! Jour de délivrance et d'ineffable bonheur ! La victoire équitable a vengé enfin la souffrance et l'outrage d'une trop longue iniquité. La France a repris ses frontières. La Mère Patrie a retrouvé les deux filles que la violence avait arrachées de ses bras. Dans la minute divine que nous vivons, le soleil qui éclaire ton front d'airain, Gambetta, fait jaillir là bas des millions d'éclairs parmi l'immense forêt des baïonnettes françaises qui accompagnent Foch sur les provinces reconquises ! Ecoute, ô toi qui n'as jamais désespéré, la clameur d'ivresse et de liberté qui monte en ce moment des côtes et des plaines de la Lorraine et de l'Alsace ! Ecoute, tout au long des vallées, dans les tours des clochers retenus, le bruit d'allégresse des carillons de tête ; écoute, dans les cités aux balcons débordants de fleurs, le rire innombrable des enfants et la chanson vibrante des jeunes filles ; écoute et regarde, sur le seul des maisons pavées enfin des couleurs si longtemps bannies, le sanglot de joie des vieilles et des vieux aux cheveux blanchis sous l'esclavage, et dont les mains tremblantes de gratitude et d'amour bénissent à présent le défilé

thuong, ta đã ra tay nâng cho đứng giậy », nghe đến như trông thấy cái tay hùng-cường của ngài lơ lửng trong không-gian mà chỉ cho chúng tôi cái ngôi sao Công-ly vẫn vằng-vặc trên trời ; vì vậy mà ngày nay Tổ-quốc đã đắc-thắng, các con em trong nước họp nhau lại trước hình-ảnh ngài để hoan-hô rằng cái buổi quang-vinh đã tới đây.

Buổi quang-vinh, mà là buổi giải-thoát, mà là buổi khoái-lạc vô-cùng ! Ta bị khổ bị nhục vì oan-uổng trong bấy lâu nay, tới nay cuộc chiến-thắng công-bằng mới thật báo đền được hết. Nước Đại-Pháp đã thu-phục được bờ-cõi cũ. Mâu-quốc đã lấy lại được hai người con gái ⁽¹⁾ mà quân tàn-bạo đã cướp mất năm xưa. Trong cái giây-phút thần-tiên này, mặt trời kia ở đây đương soi sáng cái trán đồng của ngời, hỡi GAMBETTA, mà ở bên kia chiếu rọi vào đám giáo dục grom trần của mấy trăm vạn quân-binh nước Pháp theo chân quan tướng Foch tiến vào đất những châu-quận mới thu-phục được. Hỡi ngời binh-sinh đã không hề thất-vọng lúc nào, nay hãy lắng-lặng mà nghe những tiếng kêu hoan-hỉ tự trên sườn núi dưới đồng-bằng đất Á-tân (Alsace) châu Lô-liên (Lorraine) nổi lên vang lừng trời đất ! Hãy lắng-lặng mà nghe ở suốt góc thung kia tiếng chuông kêu rền trong gác chuông các nhà thờ để báo-tin vui vẻ ; hãy lắng-lặng mà nghe lũ con trẻ cười ầm, gái thanh-tân réo-rắt trong những nơi thành-thị kia, nhà này nhà nấy chẳng hoa ngập gác ; hãy lắng-lặng mà nghe, hãy ngoảnh mặt lại nhìn ở trước cửa những nhà kia tới nay mới lại được treo cái hiệu cờ đã bị bỏ trong bấy lâu, những ông già bà lão đã bạc đầu dưới quyền áp-chế, nay quá mừng mà thành khóc, trông thấy đội quân

(1) Tức là chỉ hai châu Alsace Lorraine.

trionphal des libérateurs qui dans l'auguste splendeur des uniformes sanglants et déchirés par la bataille semblent vêtus chacun de la gloire même du drapeau.

Ah ! ces combattants, ces champions stoïques, ces soldats dont l'héroïsme méritait le victorieux génie de chefs tels que les Joffre et les Foch, ces sauveurs indomptables qui, pendant près de cinq ans, auront payé d'épreuves sans nom la rançon de notre honneur et de notre liberté, comme tu les aurais bénis toi-même, ô Patriote, et quels accents admirables ta parole aurait su trouver pour célébrer, au nom de la Patrie reconnaissante, la gloire des armées que la République a préparées !

Leurs aïeux, à l'aube de l'autre siècle avaient déjà ébloui l'Europe des rayons d'une Epopée dont l'éclat semblait ne jamais devoir être égalé. Croisés immortels du Droit Nouveau que la Révolution française apportait au monde, ils avaient jeté, dans les sillons des races humaines, les semences fécondes de justice et de liberté qu'après le soleil de Valmy faisaient germer encore les soleils d'Austerlitz et de Marengo. Et la Patrie leur devait l'orgueil impérissable d'apparaître à l'U-

đến giải-phóng cho mình chẩy qua lâm-liệt, người nào người nấy trên quân-phục còn vết đạn vết máu nơi chiến-trường như bọc bằng cái quang-vinh tẩm quốc-kỳ, mà các già lão trong lòng cảm-kích yêu-mến quá tay run lên cầm-cáp còn dơ ra để chào mừng.

Ô ! nhà ái-quốc kia (tức chỉ quan GAMBETTA), ví người còn sống thì cảm-phục biết dường nào những bọn chiến-sĩ đó, cái chí anh-hùng thật là xứng-đáng cái tài thiện-thắng của những tướng như tướng JOFFRE tướng FOCH, những bọn chiến-sĩ đó tức là những tay cứu-thế vô-địch, trong ngót năm năm trời đã chịu lâm-than khổ-nhục biết bao nhiêu để mua chuộc cho ta cái danh-dự, cái tự-do bây giờ ; ví người còn sống thì tất đọc nên những giọng hùng-hồn biết dường nào để thay mặt Tổ-quốc mà cảm ơn, mà khen ngợi các quân-đội của chánh-phủ Dân-quốc đã gây-dựng và tập-luyện nên !

Bạc tiền-bối những bọn chiến-sĩ đó về đầu thế-kỷ trước kia đã làm nên những sự-nghiệp oanh-liệt rực rỡ cả Toàn-Âu, tưởng cái vẻ vang ấy không bao giờ lại sánh tầy. Cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp ta đã mở mang cho thế-giới một nền Công-pháp mới, thì những bạc tiền-bối kia tức là những tay võ-sĩ để hộ-trì cho cái Công-pháp ấy, đem cái mầm công-nghĩa tự-do mà rắc vào trong những luống cày của các dân-tộc, nhờ có mặt trời trận Valmy⁽¹⁾ (Van-mi), rồi kể đến mặt trời trận Austerlitz⁽¹⁾ (Ốt-te-li) và trận Marengo⁽¹⁾ (Ma-lăng-gô) thơm cho nên cây

(1) Trận Valmy là trận quân Cách-mạnh nước Pháp đánh được quân Phổ (Prussiens) ở làng Valmy. — Trận Austerlitz và trận Marengo là hai trận đại-thắng của vua Napoléon. Ngày đánh trận Austerlitz mặt trời sáng sủa đẹp đẽ lắm ; về sau hồi sắp đánh trận Maskowa trông trời cũng bảnh bao như vậy, vua Napoléon gọi các quân-lính mà bảo : « Nay mặt trời này là mặt trời Austerlitz đây ! » Quân lính nghe thấy phần-khởi dũng-độc, tiến lên đánh. Từ đó câu ấy thành lời sấm-truyền chỉ cái quang-vinh trong sự chiến-thắng. Nay nói mặt trời trận Valmy là chỉ cái vẻ-vang vị Công-lý mà được thắng trận.

nivers civilisé comme la Mère illustre et tutélaire des Nations. Le Droit, par eux, avait transfiguré le visage de la terre, et depuis lors, degrés par degrés, il communiquait à l'humanité le rythme harmonieux du Progrès, dans la liberté de l'homme et l'indépendance des patries.

Mais le Destin réservait aux fils de surpasser le renom de leurs pères, en terminant la tâche qu'ils n'avaient point achevée. Un jour est venu où, jetant au monde l'infâme défi de son agression, une puissance de crime a voulu broyer sous les talons de fer de ses hordes les moissons de justice qui murissaient pour une libre humanité. La Force brutale, la Force cynique, la Force dogmatisée par un militarisme barbare a prétendu abolir, terrasser, trangler le Droit et bâtir le trône de son hégémonie sur les ruines de l'Univers asservi.

C'est cette Force, Gambetta, contre laquelle ton génie avait déjà soulevé la résistance suprême de la Défense nationale dans un sursaut qui, s'il ne put nous épargner la défaite, nous sauva du moins cet Honneur que n'emportent pas dans leur fuite les empereurs et les princes lâches qui désertent leur patrie vaincue ! Et c'est cette Force qui taillant à pleine chair dans le corps de la France abattue, mutilait en nous le Droit éternel, le Droit de tous les peuples, d'une blessure dont la plaie jamais cicatrisée devait un jour élargir et communiquer sa souffrance au cœur de toutes les Nations, conscientes enfin de leur solidarité dans la défense

thành lá. Nhờ công-lao đó mà Tổ-quốc ta đối với thế-giới văn-minh được cái danh-dự vô-cùng làm vị thần hộ-trì cho các dân các nước. Nhờ các bậc đó mà cái Công-pháp đã biến-cải được mặt địa-cầu, tự đó lần lần nhân-loại mỗi ngày một bước lên con đường tiến-bộ, cứ tuần-tự như theo cái dịp-diệu thiên-nhiên, con người ta mỗi ngày được thêm tự-do, các dân-quốc mỗi ngày được thêm độc-lập.

Nhưng cái thời-vận dành cho bọn hậu-sinh được vẻ vang hơn bậc tiền-bối, làm hoàn-toàn cái công-nghiệp mà bậc tiền-bối chưa làm xong. Một ngày kia có một nước cường-bạo ra tay thị-hùng với thế-giới, muốn đem lũ quân thiết-huyết mà dày xéo cái mầm công-nghĩa đương mọc lên, sắp đến ngày sinh hoa kết quả cho nhân-loại được thanh-thoi. Cái võ-lực tàn-bạo, cái võ-lực giống sài-lang, cái võ-lực đặt thành chủ-nghĩa của một loài dã-man, muốn ra phá đổ tiệt-diệt nền Công-pháp, bắt sinh-dân làm nô-lệ, biến thế-giới thành một đồng tro tàn để xây cái ngôi bá-quyền lên trên.

Ấy chính đối với cái Võ-lực đó, hồi GAMBETTA ! mà người đã đem cái thiên-tài ra để kích-động cho quốc-dân hết sức chống-cự lại, tuy đến sau không khỏi sự thất-bại, mà cũng không đến nỗi mất danh-dự, cái danh-dự ấy có phải là cái vật mà lũ vua chúa hèn mạt kia (ám-chỉ bố con vua Đức) thấy nước mình bị thua bỏ chạy trốn mà mang theo đi được đâu ? Ấy chính cái võ-lực đó thừa khi nước Pháp bị thua đã đem cái dao oan-nghiệt mà phân cắt nước ta ra, xâm-phạm cái Công-lý thiên-niên của trời đất, cái Công-lý chung của Vạn-quốc, làm cho ta phải một vết thương đau đớn không bao giờ hàn lại được mà mỗi ngày rộng mãi ra, truyền cái đau đớn vào đến quả tim các dân các nước khác, khiến cho muôn nước

de l'avenir humain. Et s'il est vrai que les mânes des morts puissent tressaillir dans leur tombe, tes mânes, ô Gambetta, ont dû frémir d'un indicible tressaillement le jour où, se faisant écho à travers le vaste océan, les grandes voix de Lloyd George et du Président Wilson, exprimant avec solennité le sentiment de leurs nobles pays, traduisant la volonté des armées héroïques qu'ils envoyaient combattre à côté de nos armées, ont déclaré qu'aucune d'elles ne pourrait déposer les armes avant que le Droit fût restauré par la restitution de l'Alsace et de la Lorraine à leur Patrie

Et grâce à cet immense élan de loyauté, de dignité suprême, de bravoure indomptable qui a groupé autour de nous les plus grandes démocraties de la terre, voici désormais assises sur des bases inébranlables la sécurité humaine, la Paix du Monde dans la Justice et la Liberté. Voici que s'accomplit le généreux dessein formé par la Révolution française pour la libération des peuples, les droits des Nations petites et grandes, l'établissement de la démocratie universelle. Et plus jamais personne ne pourra menacer cette œuvre grandiose ! La convulsion terrible qui vient de secouer ce siècle ne laisse debout, en les consolidant, que les gouvernements ou les règnes établis sur le respect du Droit : elle a renversé sans pitié les pouvoirs édités sur la base de la force despotique. Entends-tu, ô Republicain, de

bấy giờ mới hiểu rằng hết thấy đều có cái trách-nhiệm chung phải bảo-trì cho cuộc tương-lai của nhân-loại. Người ta thường nói hồn người chết dấu cách mờ cũng còn cảm-động được, nếu lời đó là phải thì hồn người, hỡi GAMBETTA, bữa trước được nghe lời quan thủ-tướng nước Anh LLOYD GEORGE và quan Giám-quốc nước Mĩ WILSON, người bên bờ bể này kẻ bên bờ bể kia hưởng-ứng nhau, mỗi người thay mặt một đại-quốc tuyên-bố cái ý chung trong nước mình, diễn-xuất cái chi-nghuyện của những quân-đội hùng-cường đã sai sang đất ta cùng với quân-đội ta sánh vai mà đánh kẻ thù chung, hai người đều trịnh-trọng nói rằng hễ cái Công-lý chưa khôi-phục được, hễ hai châu Alsace-Lorraine còn chưa được phục-hoàn về Mâu-quốc, thì nước Anh cùng nước Mĩ không nước nào có thể thôi chiến được ; nghe lời đó hồn người tất cảm-động biết bao nhiêu !

Ấy nhờ có những nước dân-chủ lớn trong thế-giới hiệp-lực với ta, một lòng thành-thực, một dạ cần-nghiêm, một chí can-đảm như vậy, mà tự nay sự yên-ôn của loài người, cuộc hòa-bình trong thiên-hạ lấy công-nghĩa tự-do làm chủ, mới gây được cái cơ-sở vững bền vậy. Tới nay mới thực-hành được cái mưu quảng-đại của cuộc Cách-mệnh Pháp đời xưa, muốn giải-phóng cho các dân-tộc, bảo-trì cho hết thấy các nước dù lớn dù nhỏ, đặt cái chính-thể dân-chủ trong khắp thế-giới. Rồi từ nay trở đi không ai còn dám xâm-phạm đến cái công-cuộc lớn-lao ấy nữa. Sau cái cuộc kinh-thiên-động-địa mới rồi, chỉ còn những chánh-phủ nào, những nhà vua nào biết tôn-trọng cái Công-lý mới có thể đứng được và được vững vàng mà thôi ; phạm những chủ-quyền lấy cái sức áp-chế làm cốt đều bị diền-đảo cả không sai. Hỡi GAMBETTA, người binh-sinh đã tận-tụy vì cái chủ-nghĩa dân-chủ, nay có

l'autre côté du Rhin, cet effondrement prodigieux de trônes qui, l'un après l'autre, s'écroulent dans un fracas de sceptres rompus et de couronnes qui se brisent ? Le Droit des Peuples a passé, Gambetta, et voici, dans la démocratie mondiale qui s'organise, se préparer la Société des Nations pour assurer dans la paix et la liberté l'avenir de la justice sociale.

Ah ! béni soit le jour qui réalise enfin ce grand rêve et bénis soient ceux dont l'héroïsme ou la pensée auront permis ces accomplissements ! Que notre gratitude monte vers les vainqueurs, étreignant du même élan d'amour les soldats stoïques et les chefs illustres ! Qu'elle monte vers le radieux génie des Nations alliées ! Qu'elle monte vers les grandes figures des hommes d'Etat qui dans tous les pays de l'Entente ont organisé la Victoire et vers les pouvoirs publics qui sans cesse ont secondé leurs desseins ! Et si elle monte aussi vers toi, qui dans l'heure tragique du Désastre, nous enseignas de n'oublier jamais, ô Gambetta, que notre reconnaissance infinie aille aussi à travers l'espace, honorer cet autre témoin de l'Année Terrible, ce grand Français, ce patriote indompté dont la pensée et l'action tournées sans trêve vers les réparations du Droit et le relèvement national reçoivent la juste récompense d'un effort qui n'as jamais désespéré dans l'heure solennelle où le Parlement français décrète qu'à côté de Foch, Clémenceau a bien mérité de la Patrie !

nghe thấy ở bên bờ sông Rhin kia biết bao nhiêu ngôi vua liên-tiếp nhau mà đổ xuống như chút, loảng-xoảng như tiếng gươm quyền bị bể gãy, mũ miện bị đập tan ? Cái Công-pháp của Vạn-quốc đã qua đó, và từ nay cả thế-giới đương bước vào con đường dân-chủ, nay mai sắp dựng thành cái công-hội liệt-quốc để giữ cho thiên-hạ được hòa-bình tự-do và bảo-trì cho cuộc công-nghĩa trong xã-hội.

Ồ ! đáng phục thay là cái ngày mới thực-hành được sự mộng-tưởng lớn-lao ấy, đáng phục thay là những người đã đem cái khí anh-hùng, cái trí tu-tướng mà giúp cho cái công thực-hành ấy thành được ! Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho những kẻ thắng-trận kia, lấy một mối cảm-tình chung mà bao gồm cả quân hùng cùng tướng giỏi. Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho cái tinh-thần rực rỡ của các nước Đồng-minh. Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho các nhà đại-chánh-trị của các nước Hiệp-thương đã biết sắp-đặt cho cuộc chiến-thắng thành được, dâng cho cả các quan-quyền đã hết sức giúp cái mưu của các nhà chánh-trị ấy ! Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho người nữa, hỡi GAMBETTA, vì đương cái buổi nguy-cơ thất-bại, người đã từng dạy cho ta rằng không nên quên bao giờ ; nhưng tấm lòng cảm-bội vô-cùng của ta cũng phải vượt bể qua không mà đem cho tới một người kia cũng đã từng như người mục-kích cái cảnh khổ năm thất-bại, cho tới cái người tri cao dạ cả kia, cái người yêu nước một cách cương-cường kia, bao nhiêu tâm-trí, bao nhiêu tinh-lực đều khuy-nh-hướng cả về một đường báo-thù cho Công-lý và khôi-phục cho nước nhà, không bao giờ ngã nản công-phu, tới nay mới thật đến ngày thành-lạ và được cái thưởng

Mais aussi, oui, mais aussi, que cette gratitude s'exhale avec une émotion poignante vers le souvenir de ceux qui, ayant donné leur vie pour le triomphe de la Patrie, ont fermé les yeux à la lumière avant que les rayons de la Victoire aient éclairé leurs faces de héros. Cette fête est celle des vivants et des vainqueurs. Elle est aussi l'apothéose des Morts ! O vous tous qui depuis le jour où commença de gronder la bataille vous êtes couchés pour jamais dans la paix et la gloire de l'éternel sommeil, morts illustres ou obscurs, morts inconnus ou renommés, morts anonymes qui reposez sous l'immense floraison funèbre des croix dressées sur les charniers sublimes, morts de la Marne et de l'Yser, morts des Vosges et des Esparges, morts de l'Artois et de Verdun, vous tous qui, de la Belgique aux Dardanelles, avez trouvé votre tombeau dans le fossé de la tranchée ou le gouffre insondable des mers, soyez bénis, et que votre destin, dans nos souvenirs, s'inscrive en traits plus pathétiques encore, puisque vous n'aurez pas vu lever l'aurore splendide du triomphe. Si dans l'heure exaltée que nous vivons, il reste encore sur notre joie comme un voile de tristesse, c'est que nos cœurs fraternels souffrent la cruelle injustice qu'il nous soit, à nous, permis de voir ce que vos regards n'auront pu contempler. Et lorsque la présence de vos familles en deuil nous fait ici cette

rất xứng đáng : là cả Nghị-viện trịnh-trọng tuyên-cáo rằng quan CLÉMEN-CEAU cùng với tướng FOCH đều có công với Tổ-quốc ! Người ấy là ai ? người ấy tức là quan tổng-lý Nội-các CLÉMEN-CEAU vậy.

Nhưng ta cũng lại phải nhớ mà đem tấm lòng cảm-hội ấy cùng với cái mối cảm-tình rất não-nùng của ta mà dâng cho hình-ảnh những kẻ chiến-sĩ kia đã đem thân bỏ nơi chiến-trường cho Tổ-quốc được thắng trận, lại phải nhắm mắt thác đi trước khi được cái ánh sáng chiến-thắng chiếu rọi vào nét mặt anh-hùng. Hội mừng này là hội của người sống, của người đã thắng trận trở về. Nhưng cũng là dịp về-vang cho người chết nữa. Nào là những người từ khi mới khởi đầu chiến-tranh tới nay đã vào nằm trong giấc mộng thiên-niên, giấc êm-dềm mà vinh-hiếu ; nào là những người chết hoặc đã trước-danh, hoặc chưa hiển-dật, hoặc đã có tiếng, hoặc chưa ai hay, cùng là những người chết vô-danh nằm ở trên bãi chiến-trường oanh-liệt nhan-nhân những chũ thập như dưới đất mọc lên ; nào kẻ chết trên sông Marne, người trên sông Yser, kẻ ở núi Vosges, người ở trại Esparges, kẻ ở đất Artois, người ở thành Verdun, hết thấy những người đã tử trận từ rập ranh đất Belgique cho đến eo biển Dardanelles, hoặc chết ở nơi hầm-hố, hoặc chết ở dưới đáy bể khôn dò ; ta cầu trời giáng-phúc cho các người, và ước-nguyện rằng mỗi lần nghĩ đến thân-phận các người mới sâu trong lòng lại càng nao nao những nỗi thương-tiếc, vì các người đã không được hưởng cái vinh-hoa buổi chiến-thắng. Trong cái giờ cực-lạc này, sự vui mừng của ta còn như mờ-ám một chút buồn rầu, vì trong lòng ta còn đau đớn vì nỗi cái cảnh-tượng ngày nay chỉ mắt ta được trông mà các người không kịp thấy. Lại đôi nhìn đến cửa nhà tang-tóc của các

injustice plus sensible, lorsque regardant parmi nos rangs décimés, nous comptons les vides que la mort a creusés dans notre phalange française et indigène, lorsqu'évoquant les pages du livre d'or de l'Indochine, nous nous sentons comme enveloppés des ombres des Français et des Annamites qui depuis le plus humble jusqu'au Gouverneur Général qui fut leur chef, sont tombés face à l'ennemi, voici qu'irrésistiblement le cri sublime entendu un jour sur la tranchée monte à nos lèvres, et que jaillissant de nous en une prière éperdue pour arracher aux tombes refermées l'impossible miracle des résurrections ce cri répète : « Debout les morts ! Venez, venez voir votre victoire ! »

Devant ces morts, enfants qui m'écoutez, devant ces morts comme devant les vivants, inclinez tous vos jeunes fronts et qu'à jamais le souvenir se grave en votre cœur du grand jour qui célèbre leur œuvre et leur gloire. Ce sont vos bien-faiteurs, vos libérateurs ! C'est pour vous qu'ils se sont battus ! C'est pour vous qu'ils sont tombés. C'est votre avenir qu'ils ont sauvé. Par eux, triomphe votre droit à la vie et s'écarte de vos destins le supplice des épreuves que pour vous ils ont tous sublies. Souvenez-vous, hommes de demain ! Méditez la grande leçon de Droit, de Justice, de Vérité qui vient vers vous des profondeurs du tombeau comme des resplendissements de la vic-

người, lòng đau đớn kia lại càng thêm lên, ta bèn thử tính cái số người chết trong hai dân Pháp Nam ta, hình-dung cái tập sách vàng công-trạng của xứ Đông-dương này, ta thấy như quanh mình ta đầy những hình-ảnh người Tây người Nam, trên tự quan Toàn-quyền (tức ám-chỉ quan nguyên phó-toàn-quyền VAN VOLLENHOVEN bị tử-trận) dưới đến kẻ thường-dân đã bị chết trong khi chiến-đấu với quân địch, mà hốt-nhiên sự nhớ đến cái câu tuyệt-ngôn một ngày kia đã nghe thấy ở nơi chiến-hào, nay lại muốn hô-hoán lên để mà kêu mà gọi người chết ở trong mồ cải-tử hoàn-sinh lại, kêu rằng : « Người chết đâu đứng dậy ! Lại đây, lại đây mà xem cuộc thắng của các người ! » (1)

Hỡi các con đừng nghe ta đây (quan Toàn-Quyền chỉ những học-trò các trường đến dự hội), các con phải cúi đầu vái lạy cả những người sống cùng người chết đó, và đến muôn đời cũng phải nhớ trong lòng cái ngày hội hôm nay là ngày ngợi khen công-trạng những bậc đó ! Những bậc đó là người ân-nhân của các con, là người cứu nạn cho các con đó ! Vị các con mà những người đó mới phải ra xông-pha nơi chiến-trận. Vị các con mà những người đó mới phải chết. Những người đó cứu-vớt được, là cứu-vớt cái tương-lai của các con đó ! Nhờ những người đó mà các con mới được cái quyền sinh-hoạt thanh-thời ở đời, các con mới tránh khỏi những sự lầm-than khổ-nhục, những người đó đã chịu cả cho các con rồi. Mai đây các con sẽ thành người lớn, các con phải nhớ lấy. Các con

(1) Câu này là do một tích như sau này : Một hôm một toán quân Pháp đương tiến lên đánh, người bị chết bị thương đã nhiều, mà quân vẫn hăng-hái lắm, cứ cầm đầu mà xông vào, có một viên cai-đội trông thấy xác người ngổn ngang vừa đốc quân vừa kêu to lên : « Người chết đâu đứng dậy ! (Debout les morts !) quân lính nghe thấy cảm-kích vô cùng, cái dũng-khi ại tăng thêm lên.

foire. N'oubliez jamais ! N'oubliez jamais surtout que si votre Patrie a trouvé la force de vaincre dans la noblesse de son idéalisme, elle a trempé cette force, comme l'acier d'une invincible épée, au foyer ardent de cette union sacrée qui reste le devoir de demain comme elle fut le devoir d'hier. Cimentée dans le sang de la tranchée, la grande fraternité française a rassemblé tous ceux que séparaient jadis les barrières sociales et les différences de caste ou de naissance Riche et pauvre, laïque et religieux, ouvrier et patron, prêtre et franc-maçon, prolétaire et gentilhomme, tous, du même cœur, se sont unis, ont combattu, souffert, saigné ensemble pour sauver une Patrie qu'ils vous rendent plus grande et plus glorieuse. Souvenez-vous, enfants, et que vos mains tendues vers l'image de celui qui incarne l'espérance immortelle de la France, fassent le serment de s'unir à jamais aussi pour garder intact l'héritage sacré que vous auront légué les vainqueurs de la Dernière Guerre !

nghiên-ngâm cho kỹ cái bài học lớn-lao, là bài học Công-pháp, Công-nghĩa, Chân-lý của người chết tự dưới âm-ti còn truyền lại cho các con, như cái ánh sáng rực-rỡ của cuộc chiến-thắng vậy. Các con chớ bao giờ quên ! Nhất là chớ bao giờ quên rằng Tổ-quốc các con đã lấy cái lý-tưởng cao-thượng mà đủ sức chiến-thắng được, là vì cái sức ấy tức cũng như cái thép thanh gươm vô-dịch đã đem đoàn-luyện vào trong cái lò lửa của cuộc « Đồng-tâm thánh-thần », cuộc đồng-tâm ấy người trước đã gây thành nên, người sau vẫn phải giữ gìn lấy. Cái tình đồng-bào người nước Pháp thề-nguyên nhau bằng máu ở nơi chiến-hào, đã hòa-hợp được hết thấy những người trước kia cách-biệt nhau trong xã-hội, hoặc vì đảng-phái khác nhau, hoặc vì ngôi-vị không giống. Kẻ giàu người nghèo, kẻ theo đạo, người ngoài đạo, kẻ làm chủ, người làm thợ, kẻ đi tu bên giáo, người thuộc đảng bí-mật, kẻ giòng sang, người giòng hèn, hết thấy một lòng hòa-hiệp mà cùng nhau chịu khổ chịu cực ra chống giữ cho nước, để dành lại cho các con một cái Tổ-quốc càng ngày càng lớn-lao, càng ngày càng vinh-hiền. Các con phải nhớ lấy, đương lúc giờ tay ra vái hình-ảnh cái người khi xưa đã làm biểu-hiệu cho cái lòng hi-vọng bất-diệt của nước Đại-Pháp, phải lấy cái tay ấy mà thề nguyên rằng từ nay về sau đời đời hòa-hiệp với nhau để bảo-tri lấy cái hương-hỏa thánh-thần của những kẻ chiến-thắng cuộc chiến-tranh cuối cùng này đã di-truyền lại cho các con !

PHẠM QUỲNH dịch

TIẾNG AN-NAM CÔ CẦN PHẢI HỢP-NHẤT KHÔNG ?

ĐÃ NÊN LÀM TỰ - ĐIỀN AN - NAM CHƯA ?

Gần đây nghe nhiều người nói nên hợp-nhất ⁽¹⁾ tiếng An-nam, chưa hiểu ý hợp-nhất ấy ra làm sao. Nếu nói rằng vì tiếng Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ không giống nhau mà cần phải hợp lại làm một, thì thiết-tưởng chưa được sắc-đáng lắm. Sự không giống đó chưa chắc đã là phải, mà sự hợp-nhất kia mới lại là vô-bằng nữa. Vì nếu quả tiếng tam-kỳ không giống nhau thật mà muốn hợp-nhất thì lấy gì làm bằng-cứ, bắt tiếng nào theo tiếng nào, lấy tiếng nào làm đúng hơn tiếng nào mà đặt làm mẫu ! Khó lắm thay ! Thiết-tưởng nếu phải hợp-nhất như vậy thì không hội Hàn-lâm nào hợp-nhất cho được. Ấy một cái ý-kiến ⁽²⁾ bơ-vơ một vài người khởi-xướng ra, nhiều người phụ-họa ⁽³⁾ vào mà thành một mối dư-luận không thiết-thực. Nếu cứ nhân đó mà bàn hoài thì thành ra bàn vơ-vẩn, không có chủ-định gì. Người này nói hợp-nhất, người kia cũng nói hợp-nhất, mà để chưa ai biết hợp-nhất ra cách nào !

Kỳ-thực cái vấn-đề không phải đâu như vậy,

Tiếng Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ khác nhau là phần nhiều khác bởi cái giọng nói, chỗ này nói nặng chỗ kia nói nhẹ, chỗ này nói rõ vắn này, chỗ kia nói lộn vắn kia, lúc mới đầu nghe có hơi khó một chút, mà rồi quen tai cũng lấy làm

thường ; phần ít bởi ít nhiều những tiếng xứ này có mà xứ kia không có, hoặc xứ này dùng ra một nghĩa mà xứ kia dùng chạnh ra nghĩa khác, kể cả thấy không đầy vài ba trăm tiếng ; lại một phần ít nữa là bởi một vài lối đặt câu riêng của mỗi xứ, hoặc người xứ khác mới nghe có lạ tai mà nhận kỹ hiểu ngay không khó gì, phần đó kể chẳng bao nhiêu. Ấy cái khác chỉ có thể mà thôi, mà đại-đề cũng chỉ riêng trong những bọn hạ-lưu, còn những bậc học-thức thì dù người Bắc-kỳ, người Huế, hay là người Lục-tĩnh mới gặp nhau ngồi nói truyện không bao giờ là khó hiểu cả, dù nói những sự rất cao-xa cũng vậy. Tôi còn nhớ khi đi chơi Nam-kỳ thường ngồi bàn văn-chương với mấy cụ già ở vườn, tôi nói gì các cụ cũng hiểu mà các cụ nói gì tôi cũng nghe được, lắm lúc quên hẳn cái giọng kể Bắc người Nam. Coi đó thì biết tiếng An-nam ta có cần gì phải hợp-nhất mới lưu-thông được. Còn những tiếng thông-thường có tiếng khác nhau, phần nhiều là tên các đồ vật, thì gọi cái *thìa* là cái *muỗng* hay cái *muỗng* là cái *thìa*, *hộp quẹt* là *bao diêm* hay *bao diêm* là *hộp quẹt*, *trái xoài* là *quả muôm* hay *quả muôm* là *trái xoài* thì có hề chi ? Một bài văn có những tiếng như vậy cũng không đủ làm cho người Bắc người Nam không hiểu nhau được. Nếu muốn cưỡng hợp-nhất thì

(1) **Hợp-nhất**, 合 — = Hợp nhiều thứ lại làm một, cho đều nhau, giống nhau. — UNIFER, UNIFORMISER.

(2) **Ý-kiến**, 意見 = Một cái ý-nghĩ về một sự gì. — OPINION ; AVIS.

(3) **Phụ-họa**, 附和 = Một người xướng lên, nhiều người cũng đua theo vào. — FAIRE CHORUS ; S'UNIR A D'AUTRES POUR DIRE COMME EUX.

hợp-nhất sao được những tiếng đã thông-dụng như vậy? Huống gần đây Nam Bắc giao-thông đã nhiều, những tiếng khác nhau ấy rồi dần-dần cũng giao-dịch mà thành ra lưu-thông cả. Cứ thực mà nói dân An-nam ta thật là được hơn các dân khác là chỉ có một thứ tiếng suốt trong cõi, từ rập ranh nước Tàu cho đến mồm đất Cà-mao, từ bờ bể Đông-hải cho đến bến 'sông Mê-kông, người An-nam đi tới đâu cũng có thể nghe hiểu nhau được không khó gì. Ấy là tiếng An-nam chưa có văn-chương sách-vở gì nhiều, nếu có nhiều sách-vở văn-chương thì tiếng còn nhất-trí ⁽¹⁾ hơn nữa. Trừ ít nhiều những tiếng khác nhau như trên kia đã nói, kê ra một cái mục-lục, đối-chiếu tiếng xứ nọ với tiếng xứ kia thì những tiếng khác ấy thành ra quen ngay và thông-dụng được ngay.

Như vậy thì sự hợp-nhất ấy có khó gì mà nhiều người đua nhau bàn như một cái vấn-đề rất quan-trọng cho quốc-văn ta ngày nay.

Xét kỹ ra thì cái vấn-đề rất quan-trọng là như sau này: làm thế nào gây được một lối quốc-văn thông-dụng cho cả tam-kỳ? Lối quốc-văn ấy hiện nay chưa thành, phải nhất-thiết gây dựng ra, chớ không phải đã có sẵn rồi mà bàn hợp-nhất được.

Thuộc về cái vấn-đề đó, kê Nam người Bắc còn chưa được đồng-ý nhau. Muốn bàn cho sác lý phải xét cho hết lẽ mới được. Phải biết cái lịch-sử tiếng An-nam sinh-thành thế nào, từng trải

những gì mới đến ngày nay. Lại phải xét cái tình-trạng tiếng An-nam bây giờ, muốn giữ được cốt-cách cũ mà không sai cái hình-thức mới thì phải làm thế nào. Đó là những điều phải nghiên-cứu cho tường mới bàn cho đúng được.

An-nam ta vẫn có tiếng, tiếng vẫn lưu-thông trong nước, mà xưa nay chưa thành văn. Là vì trước kia ta theo nho-học đã lâu đời, không những văn-chương chỉ chuyên-dụng chữ nho mà đến việc thư-từ biên-ký cũng không từng dùng tiếng nôm bao giờ. Văn với nôm hai tiếng vẫn hình như phản-đối nhau; đã nôm-na thì không sao văn-vẽ được, đã văn-vẽ tất không nôm-na. Cái tư-tưởng đó cũng hơi hẹp-hòi và do cái cách giáo-dục thuần bằng chữ hán của nước mình xưa nay. Bởi đó mà quốc-văn trải mấy nghìn năm không thịnh-hành được, bởi đó mà trong quốc-âm ngày nay phần nhiều là chữ hán cả. Nhưng đó là cái tình-trạng đã thành rồi ⁽²⁾, duyên-do tự mấy mươi đời trước, dẫu ngày nay muốn thay đổi cũng không sao được. Muốn thay đổi phải nhân cái tình-trạng đó mà thay đổi, không thể trái-ngược lại được, cũng không thể phá-đổ đi được. Nghĩa là quốc-âm ta đã chịu ảnh-hưởng ⁽³⁾ của chữ hán trong mấy mươi đời nay, nay muốn gây-dựng quốc-văn phải nhân cái ảnh-hưởng đó mà lợi-dụng ra, chớ không thể đem sớ hán đi để mong trở lại cái nguyên-âm ⁽⁴⁾ cũ của nước mình được, vì cái nguyên-âm ấy phần nhiều đã mai-một ⁽⁵⁾ đi từ đời

(1) **Nhất-trí**, 一致 = Cùng đều một thể, một cách, cùng gồm lại như một. — UNITÉ, UNIFORMITÉ.

(2) **Tình-trạng** đã thành rồi, là cái thể hiện-nhiên, không thể thay đổi được. Tức tiếng tây là: UNE SITUATION DE FAIT.

(3) **Ảnh-hưởng** (chịu), là chịu cái thể-lực vô-hình của cái khác. — SUBIR L'INFLUENCE.

(4) **Nguyên-âm**, 原音 = Cái tiếng cũ của mình, cái tiếng có từ trước. — LANGUE PRIMITIVE.

(5) **Mai-một**, 埋沒 = Trón lấp mất đi, dần dần mòn mỏi đi hết, tiêu mòn đi mất. — DISPARAITRE (peu à peu).

nào, muốn bới vết tìm tằm cũng không thấy đầu được nữa.

Cho nên những người khảng-khái một cách quá-đáng muốn bảo-tồn lấy quốc-âm mà lại bỏ hết những chữ nhỏ cùng những lối văn nhỏ đã dung-hòa với quốc-âm tự bao giờ đến nay là nghĩ sai cả.

Xưa kia ta chỉ có văn-chương bằng chữ nhỏ ; đôi khi cũng có một vài ông tiền-bối ⁽¹⁾ làm nôm, những văn nôm ấy không thoát-li được khuôn-phép văn chữ. Ngày nay cái tư-tưởng quốc-dân mỗi ngày một rộng ra, biết rằng mỗi nước phải có một lối văn riêng bằng quốc-âm thì sự giáo-hóa trong nước mới mau và khắp được. Cho nên khắp nước đã công-nhận chữ quốc-ngữ là quốc-văn và trong khoảng mấy năm nay văn quốc-ngữ đã thông-hành trong suốt cõi. Đó thật là một sự đáng vui mừng thay. Nhưng cái văn quốc-ngữ ấy chưa định-thể ⁽²⁾, nhiều người chưa hiểu rõ tính-cách văn quốc-ngữ thế nào. Thành ra ai muốn viết thế nào cũng được, mỗi người được tự-do tùy ý mình muốn đặt ra những lối riêng lắm khi không có bằng-cứ nào. Nói tóm lại trong văn-trường ta thật là chưa có kỷ-luật gì. Cái tình-trạng đó không thể để mãi như thế được. Phải cố định lấy một lối văn-quốc-ngữ cho từ nay những người làm văn biết cái phương-châm ⁽³⁾ nên theo, không đến nỗi phải phân-vân như trước.

Ấy cái nghĩa hợp-nhất là như thế, chớ không phải là hợp-nhất cái giọng nói hoặc một ít nhiều tiếng khác nhau trong ba xứ mà thôi đâu. Hợp-nhất đây là hợp-nhất cái văn-pháp vậy ⁽⁴⁾. Nhưng sự hợp-nhất trong văn-pháp ấy có thể do một hội-đồng hay một tòa Hàn-lâm nào định được không? Quyết rằng không. Công việc của một hội-đồng hay một tòa Hàn-lâm nào là nhân cái văn đã có rồi mà định phép-tắc, chớ không thể định phép-tắc cho cái văn chưa có được. Vậy phải đợi cho văn thành đã, rồi mới đặt ra mẹo luật nhất-định để dạy người sau. Hiện nay là phận-sự các nhà làm văn phải ra công rắng sức mà gây cho thành một lối văn thông-dụng được trong ba xứ. Sự hợp-nhất trong văn-pháp đó là do các nhà làm văn, không phải do một hội nào quyết-định được. Các nhà làm văn trong ba xứ phải tùy nghi mà châm-chước ⁽⁵⁾ lẫn nhau, rồi tự-khắc lẫn-lẫn xuất-hiện ra một cái văn-pháp riêng bởi lẽ tự-nhiên mà thành, không phải bởi ý riêng của một vài người đặt ra.

Nhưng có mấy điều cốt-yếu như sau này, các nhà làm văn phải chú-ý thì sự hợp-nhất ấy mới thành được.

Thứ nhất là quốc-âm ta đối với chữ Hán có cái mối liên-lạc ⁽⁶⁾ rất mật-thiết ⁽⁷⁾, tuy ngày nay hán-học đã suy mà phải giữ lấy cái khuôn phép của hán-văn thì sau này quốc-văn mới có căn-cốt. Một nền văn-chương không thể một ngày một buổi mà thành được. Quốc-văn ta

(1) **Tiền-bối**, 前輩 = Người trước, bọn sinh trước mình. — NOS AINÉS, NOS PÈRES.

(2) **Định-thể**, 定體 = Hình-thể nhất-định. — FORME FIXE, FORME CONSACRÉE.

(3) **Phương-châm**, 方針 = Cái hướng phải theo. — DIRECTION A SUIVRE.

(4) **Văn-pháp**, 文法 = Phép làm văn, lối làm văn. — STYLE.

(5) **Châm-chước** 斟酌 = Suy tính lựa chọn, thêm bên này bớt bên kia cho được vừa đúng. — SE FAIRE DES CONCESSIONS, S'INSPIRER LES UNS LES AUTRES.

(6) **Liên-lạc**, 連絡 = Liên buộc lại với nhau, không rời được. — UNI COMME PAR UN LIEN ; RAPPORT ÉTROIT, INTIME.

(7) **Mật-thiết**, 密切 = Thân-thiết lắm. — ÉTROIT, INTIME.

tuy chưa có định-thể mà cái thể-thức rồi cũng không ra ngoài cái thể-thức của hán-văn được. Ta học chữ Hán trong mấy nghìn năm, cái tinh-thần của chữ Hán đã tiêm-nhiễm vào trong óc ta sâu lắm rồi, dù có muốn gột rửa đi cũng không sao được. Vậy quốc-văn sau này làm thế nào cũng có phảng-phất cái tinh-thần hình-thức của hán-văn; đó là một lẽ tất-nhiên.

Thứ nhì là quốc-văn tất phải có chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn; đó cũng lại là một lẽ tất-nhiên nữa. Người An-nam ta học chữ Pháp mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một thâm, cái tinh-thần của Pháp-văn rồi cũng dần-dần thấm-thấm vào trong não-chất người mình như hán-văn khi xưa, và bỏ cho những điều khuyết-điểm của hán-văn. Hai cái tinh-thần ấy hòa-lộn với nhau, bỏ lẫn cho nhau, nhờ đó mà không bao lâu quốc-văn ta thành được, gồm cả cái tinh-hoa của Âu Á. Hiện nay nhận kỹ những người hoặc thuần cụ-học, hoặc thuần tân-học viết văn quốc-ngữ đều không được thanh-thoát cả. Người thuần cụ-học thì có nhiều chữ dùng mà cách sắp đặt còn lộn-xộn, thứ nhất là không biết chấm câu theo lối mới, phép chấm câu ấy tuy coi tầm-thường mà rất là quan-hệ cho văn-chương. Người thuần tân-học thì thuộc phép đặt câu mà chữ dùng thường thiếu-thốn, không đủ tiếng mà nói hết cái ý mình. Tất phải người hiểu cả hai lối văn thì viết văn quốc-ngữ mới thông được. Đó là cái chứng rằng văn quốc-ngữ muốn cho thành-lập không thể dời hán-văn và pháp-văn được. Quốc-văn ta đương buổi phôi-thai (1) này mà được hai cái văn-chương lão-thành nhất trong thế-giới làm «cha đờ đầu» cho, chẳng phải là một sự may lắm rư?

Điều thứ ba là quốc-văn ta tuy phải tổ-thuật văn Tàu văn Tây làm mẫu, mà không thể mất được cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam. Hóa-học dạy rằng phàm hai chất đem hóa-hợp với nhau thì thành ra một chất thứ ba, tinh-cách khác hẳn hai chất kia. Văn quốc-ngữ ta rồi cũng vậy. Tuy bởi văn Tây văn Tàu điều-hòa mà thành, mà rồi tự biệt-lập ra một lối văn riêng, không giống hẳn văn Tây mà cũng không giống hẳn văn Tàu. Các nhà làm văn ta phải chú-ý lắm mới được. Trong khi bắt chước văn Tây, hay phỏng theo văn Tàu, phải cố giữ lấy cái quốc-túy của mình, nghĩa là cái phần nó đặc-biệt mình với người khác. Theo người là theo cái thể-thức hay, cái phương-phép khéo của người, không phải là bỏ cái hồn của mình đi mà chước lấy cái hồn của người đâu. Mỗi người ta có một cách tư-tưởng cảm-giác riêng, không ai giống ai. Gồm hết thấy mọi người trong một nước cũng có một cách tư-tưởng cảm-giác chung cho cả bấy nhiêu người mà riêng cho một nước ấy, không giống các nước khác. Phàm đã gọi là quốc-văn là phải vừa diễn được cái tư-tưởng cảm-giác riêng của mỗi người mà lại vừa tả được cái tư-tưởng cảm-giác chung trong một nước. Văn có thể mới gọi được là văn có tư-cách, mới là cái văn đã hoàn-toàn. Các nhà làm văn trong nước ta phải cố gắng cho văn quốc-ngữ có tư-cách như vậy, được hoàn-toàn như vậy.

Nếu hết thấy các nhà văn-sĩ trong Nam ngoài Bắc đều hiểu rõ các lẽ đó và cùng nhau theo đuổi một mục-dích chung thì lo gì mà quốc-văn ta không thành-lập được, không hợp-nhất được? Sự thành-lập ấy, sự hợp-nhất ấy, sẽ lần-lần, nhật-tâm nguyệt-tí (2), không

(1) **Phôi-thai** 胚胎 = Mới có thai, có mầm, chưa sinh xuất ra hẳn. — A PEINE NÉ; ÊTRE ENCORE DANS LES LANGES; A L'ÉTAT EMBRYONNAIRE.

(2) **Nhật-tâm-nguyệt-tí**, 日浸月漬 = Ngày tắm một tí, tháng tắm một tí, dần dần mà thành. — PEU A PEU, PROGRESSIVEMENT, AVEC UNE SAGE LENTEUR.

thê một buổi mà thành được, cũng không thê do một hội-đồng hay là một tòa Hàn-lâm nào quyết-định mà xong được. Nhưng cốt nhất là các nhà văn-sĩ phải đồng-ý nhau về ba điều cốt-yếu như trên kia đã nói, nghĩa là trong khi làm văn quốc-ngữ phải tùy-nghĩ châm-chước, lấy hán-văn pháp-văn làm mẫu, mà lại cố giữ lấy cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam mình. Ba điều đó không phải là phản-trái nhau mà thiệt là liên-lạc với nhau. Có hán-văn thì văn quốc-ngữ mới có cốt-cách, không sai lẽ-lối cũ của nước mình; có cốt-cách rồi, nhiên-hậu mới theo được cái phương-pháp mới của pháp-văn mà đem ra diễn được các tư-trởng mới. Có cốt-cách, có phương-pháp rồi, nhiên-hậu cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam mình mới có đường-lối mà phát-biểu ra được. Nếu khuyết một đoạn trong ba đoạn đó thì quốc-văn chưa gọi là hoàn-toàn được.

Ấy cái vấn-đề về văn quốc-ngữ đại-khải có mấy điều quan-trọng như vậy. Nay có một điều nữa cũng có thể giúp cho quốc-văn chóng thành-lập được: là sự làm một quyển tự-điển An-nam.

Việc nay cũng nhiều người bàn lắm như việc hợp-nhất trên kia, mà tổng-chí cũng là bàn không thiết-thực cả. Đi đến đâu cũng nghe người nói ta cần phải có một quyển tự-điển An-nam mới được, nhưng nếu thử hỏi phải làm tự-điển ấy ra làm sao thì ít người biết nên làm thế nào cho tiện-lợi.

Trước khi làm tự-điển phải giải rõ tự-điển là cái gì. Tự-điển về một thứ chữ nào là cái tổng-mục hết thấy những tiếng trong thứ chữ ấy. Như tự-điển KHANG-HI là cái tổng-mục hết thấy các chữ Hán. Tự-điển LAROUSSE là cái tổng-mục hết thấy các chữ Pháp.

Nghĩa là một cái sổ để ghi lấy những chữ đã có, và ghi lấy cái nghĩa thông-thường của mỗi chữ. Như thế thì trước hết phải đã có đủ chữ đủ tiếng, và mỗi chữ mỗi tiếng phải đã có nghĩa nhất-định rồi thì mới cần ghi lấy cho khỏi quên và truyền cho người khác, chớ đơng khi chữ chưa đủ mà dùng, nghĩa hầy còn phảng-phất, thì đã vội ghi lấy làm gì, mà cho dẫu muốn cố ghi lấy nữa thì lấy gì làm bằng-cứ? Người làm tự-điển là một người « giữ sổ », tiếng nào đã thành rồi thì biên vào sổ, không phải là người đặt ra chữ được. Người đặt chữ phải là các nhà văn-sĩ, trong khi làm văn nghĩ ra những cách dùng chữ khéo, những cách đặt câu điệu, rồi dần dần lưu-truyền đi thành ra thông-dụng, bấy giờ nhà làm tự-điển mới đem mà ghi vào sổ. Tiếng An-nam ta ngày nay tuy về phần « nhật-dụng thường-dâm », về phần phương-ngôn tục-ngữ đã có nhiều chữ nhiều tiếng lắm, mà về phần học-thuật cách-tri còn thiếu-thốn nhiều. Vả xưa nay chưa có quốc-văn, không kể những chữ những tiếng còn thiếu, mà đến những tiếng những chữ vốn có cũng chưa từng đem ra dùng làm văn-liệu⁽¹⁾, cho nó mền-mại tinh-trởng thêm ra. Bấy giờ quốc-văn mới thành, phải để cho các nhà làm văn tự-do mà kiếm tiếng dùng chữ, lợi-dụng cái kho quốc-âm vốn có của nước nhà, thân-nhật những danh-từ chưa có xưa nay, đến bao giờ tiếng mới tiếng cũ, nghĩa bóng nghĩa đen, đã hồn-nhiên mà lưu-hành cả, bấy giờ nhà làm tự-điển mới có thể ra tay mà cốp-nhật lấy để ghi-chép vào quyển sổ của mình. Bấy nay quốc-văn còn sốc-nổi chưa có định-thê, chưa có bằng-cứ, mà đã vội làm tự-điển ngay thì e rằng không tránh khỏi cái trách độc-đoán, nghĩa là tự mình theo ý mình

(1) Văn-liệu, 文料 = Tài-liệu để làm văn. — MATÉRIAUX LITTÉRAIRES.

quyết-định mà bắt hết thầy người ta phải theo, thật là có hại mà không có lợi cho quốc-văn vậy. Cứ xét những tự-diễn tiếng An-nam đã xuất-bản từ xưa đến nay, như bộ *Quốc-âm tự-diễn* của ông PAULUS CỦA người Nam-kỳ, tuy làm đã công-phu lắm, mà nay có mấy người dùng, thì đủ biết. Đại-đề một thứ tiếng còn dương tiến-thành, chưa có định-thể như tiếng An-nam ta ngày nay, phải để cho rộng đường tiến-hóa, không thể đem giam vào trong giới-hạn một quyền tự-diễn được. Làm tự-diễn tiếng An-nam bây giờ là sớm quá. Hoặc-giả có nhà học-vấn nào chỉ chủ một cái mục-dịch khảo-cứu mà thôi, muốn ghi lấy những tiếng An-nam hiện có bây giờ mà làm quyền tự-diễn riêng cho việc khảo-cứu thì có ích-lợi gì chẳng, chớ muốn làm cái cơ-quan để giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt thì e không được thành-hiệu lắm.

Nhưng nếu thế thì bao giờ cho tiếng An-nam có tự-diễn, và hiện nay có chữ gì không biết muốn tra-cứu thì tra-cứu vào đâu. Thiết-trưởng có một cách bổ-cứu được sự khuyết-diểm đó, là làm một bộ « Pháp-Việt tự-diễn » dịch theo các tự-diễn tây, vừa giúp được cho quốc-văn chóng thành-lập mà lại vừa giúp được quốc-dân học chữ Pháp, có thể ích-lợi được nhiều dường. Và một bộ « Pháp-Việt tự-diễn » không phải là bộ tự-diễn tiếng An-nam, không có cái bất-tiện như trên kia : chẳng qua là một bộ tự-diễn dịch tiếng Pháp ra tiếng Nam mà thôi.

Ngày nay người An-nam, nhất là những bậc thanh-niên, đua nhau học chữ Pháp cả. Những khi cần phải dịch pháp-văn ra tiếng ta thì không có sách gì mà tra-cứu. Và phàm các khoa-học mới là học bằng chữ Pháp cả, các tư-tưởng mới là diễn bằng tiếng Pháp cả, muốn nói ra tiếng nước mình lắm khi thiếu tiếng không nói được hết. Thành

ra bao nhiêu những tay Pháp-học càng ngày càng chán quốc-văn, vì vốn mình đã ít chữ, lại không có sách mà học thêm, những khi cần-dùng không biết cầu-cứu vào đâu, chắc nhiều người nản-chí. Nay dịch được một bộ tự-diễn Pháp ra tiếng An-nam, dịch cho kỹ-lưỡng, cho hoàn-toàn, đặt những chữ gọn-ghẽ xinh-xắn, dễ đọc dễ nghe, cho có thể dùng làm văn quốc-ngữ được, chớ không những thích nghĩa tiếng tây mà thôi (như tự-vị Trương Vĩnh-Ký trong Nam-kỳ), thì giúp cho những nhà Pháp-học biết bao nhiêu. Mà giúp cho những người Pháp-học được rộng tiếng quốc-âm mà dùng, tức là giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt, vì những tay pháp-học đó tức là những tay thợ giỏi sắp ra xây cái nền quốc-văn sau này vậy.

Vả chữ Pháp là một thứ chữ hay nhất, đẹp nhất, hoàn-toàn nhất trong thế-giới, các bậc trí-thức ở các nước đã phải công-nhận cả. Chữ Pháp diễn cái gì cũng được phân-minh rõ-ràng, sáng-sủa gọn-ghẽ, diễn-nhã thanh-tao ; thứ nhất là chữ nào cũng sáng nghĩa lắm, không có mập-mờ, không có trùng-điệp, không có lẫn-lộn. Người nào đã từng học chữ Pháp ít nhiều cũng biết rằng tiếng Pháp thật là có nhiều cái hay hơn tiếng các nước khác. Nay ta dịch được một quyển « Pháp-Việt tự-diễn », tức là bày cho quốc-văn ta một cái mẫu tuyệt-phẩm vậy. Ai cũng biết rằng tiếng An-nam mình nhiều tiếng rất thường dùng mà nghĩa rất mập-mờ, đặt trong câu văn muốn giải ra thế nào cũng được, thành ra văn nôm nhiều khi hời nghĩa là vì thế. Nay đem ra dịch chọi với tiếng Pháp, có thể định nghĩa phân-minh được. Đó là một sự ích-lợi không gì bằng, không kể một thứ tiếng còn non-nớt mà đem khuôn vào một thứ tiếng đã lão-thành, còn được nhiều sự ích-lợi hiển-nhiên nữa, không thể nói hết cả được.

Bởi các lẽ đó nên thiết-tưởng rằng hiện nay bọn ta cần một quyền tự-điền dịch riêng tiếng Pháp hơn là một quyền tự-điền chung cả tiếng An-nam. Các nhà có chí nên lưu-tâm vào việc đó trước nhất. Bản-báo cũng muốn ra

công giúp một phần vào đó và định sau này sẽ khởi-thảo một bộ « Pháp-Việt tự-điền » trong báo này. Xin đề sau sẽ bàn tường hơn.

PHẠM QUỲNH

TỰ-TƯỞNG ĐẸP, LỜI VĂN HAY

(Dịch chữ Pháp)

Le propre de l'homme, c'est ce qu'on appelle la personnalité, cet effort pour être quelqu'un, pour acquérir une certaine vertu et une certaine valeur, pour apporter à l'œuvre universelle de l'humanité quelque chose de nouveau, de distinct, qui constitue, pour cette œuvre, un enrichissement.

E. BOUTROUX

Cái đặc-sắc của người ta là cái nhân-cách, nghĩa là người ta phải ràng sức cho ra tư-cách một con người, cho có cái tài-dữc gì, cho nên cái giá-trị gì, cho giúp vào cái công tiến-hóa của nhân-loại được một chút gì mới lạ, đặc-biệt, làm cho cái công ấy được thêm hay thêm tốt hơn lên.

* *

Il fut un temps où je croyais que la quantité des connaissances était la vraie mesure de la valeur d'un homme, et je méprisais la foule qui n'est pas savante. Rousseau a redressé mon jugement. Le prestige s'évanouit, et j'apprends à honorer l'homme. Je me jugerais cent fois plus inutile que le plus humble travailleur, si je ne pensais que grâce à ces réflexions mêmes, je suis désormais en mesure d'employer mes connaissances à rétablir les droits de l'humanité.

KANT

Đã có một độ tôi tin rằng cứ lấy sự học-thức ít nhiều mà đo lường được cái giá-trị người ta, bấy giờ tôi khinh-bĩ kẻ phàm-thường, vì kẻ phàm-thường không có học. Nhờ đọc sách ông Rousseau nước Pháp mà tôi sửa lại được sự xét-đoán sai-lầm ấy. Tôi không tin cái oai-quyền của sự học nữa, vì tôi hiểu rằng phàm làm người ai cũng đáng tôn-trọng. Tôi tưởng cứ như tôi đã biết suy-nghĩ như vậy mà lại không biết đem cái học-thức của mình mà bảo-trì cho cái công-quyền của loài người, thì sánh với người làm công rất đê-tiện một trăm phần không bằng một phần vậy.

Tòa báo Nam-phong có lời công-cáo các ngài đọc báo biết rằng : bản-báo định mỗi số in một vài tấm ảnh những người có danh tiếng trong nước, những nơi đền đài công-sở đẹp của An-nam ta, những nhà trường, nhà hội công-ích, v. v., xin ngài nào có những ảnh như vậy gởi lại cho bản-báo, và biên rõ ràng là nơi nào, xứ nào, có gì lạ, nếu là người thì kể qua cái lý-lịch, sự-trạng để chừa ở dưới. Ngài nào có bụng tốt gởi cho, nếu in được sẽ ghi tên bên cạnh để cảm ơn.

GIẢI NGHĨA VỀ SỰ LẬP HỘI-ĐẢNG

Người sinh ở đời, bay không bằng các giống chim, chạy không bằng các giống thú, nhưng mà có cái tư-cách đứng đầu muôn vật, vận-dụng tâm-tư lực-lượng của mình mà sai khiến được muôn vật và xây dựng nên thế-giới. Cái năng-lực của loài người nếu không liên-lạc cùng nhau, ai phận nấy thì không những không gây-dựng nên sự công-ích được, cũng khó lòng mà ở với loài mãnh-cầm ác-thú. Bởi vậy, người các nước văn-minh, ai cũng lấy nghĩa hợp-quần làm trọng, có nghĩa hợp-quần thì loài người mới có đoàn-thề mà làm nên công-kia việc nọ. Chúng ta thử xem cuộc đời bây giờ, nào là đoàn-thề quốc-tế của các nước trong bầu trời, nào là đoàn-thề quốc-gia, đoàn-thề chánh-trị ở trong một nước; đến như nghề buôn cũng có hội, nghề thợ cũng có đảng, nghề học thì có phái, nghề nông thì có đoàn. Vui vẻ thay ! Cái thời-đại này là cái thời-đại đương thịnh-hành về cái nghĩa « hợp-quần » vậy. Nghĩa hợp-quần như thế nào? Là hợp mọi người lại thành một hội một đảng, theo một cái mục-đích mà làm về sự ích-lợi chung vậy.

Tuy rằng dân ở trong nước nương tựa dưới quyền quốc-gia, thì quốc-gia là một cái đoàn-thề của dân đấy, nhưng mà cái đoàn-thề quốc-gia đã đứng cao trên hết thành ra cái hình-thức thuộc về bề chánh-trị, còn như sự liên-lạc nhau trong xã-hội để giúp cho cái đoàn-thề quốc-gia ấy được tiến-bộ, thì cốt ở dân. Chánh-phủ vẫn thường cho nhân-dân được chiếu theo phép luật mà lập hội. Huống chi dân trong một nước đã kết hợp cùng nhau đứng dưới quyền chánh-phủ thì chánh-phủ cai-trị những dân có các đoàn-thề ấy há chẳng dễ lắm ru !

Người nước ta đối với cái nghĩa hợp-quần hãy còn mê-hồ lắm, thời-đại nho-học ngày trước, cái nghĩa ấy tuy có nảy ra trong xã-hội một đôi chút, như là hội « tư-văn », hội « đồng-môn », hội « đồng-châu-kinh-hoạn », vân vân..., nhưng xét ra thì hội « tư-văn » và hội « đồng-môn » của bọn nhà nho chẳng qua là thuộc về nghĩa tôn-giáo, nhóm những phái nho-học trong một tỉnh, một huyện, một làng, hay là trong một trường học để mà lo tế lễ Thánh và phụng-sự ông thầy dạy; còn như hội « đồng-châu-kinh-hoạn » thì chẳng qua là các quan ở cùng một xứ, chung hợp lại lấy danh-nghĩa hội để cho tiện sự thù-tạc khánh-điều mà thôi, ngoài ra không có cái ý-vị gì quan-thiệp đến sự lợi-ích cho xã-hội. Nhưng mà từ khi nước nhà nhiều việc, chữ « hội » nó thành ra một thứ quái-vật, làm cho người ta phải kiêng phải dè, phải từ-chối mà không dám nói đến, như hội « tư-văn » thì đổi là « tư-văn phổ », hội « kinh-hoạn » thì đổi là « kinh-hoạn phổ », vân vân.... Vì sao mà thay hình đổi lối như vậy? Có lẽ vì trong khi Nhà-nước Đại-Pháp mới đến nước ta, dân-gian cũng nhiều nơi lập ra hội bí-mật mà phản-đối với Nhà-nước, cho nên chữ « hội » không cấm mà thành ra cấm. Vả chẳng *hội* với *phổ* hai chữ ấy có khác gì nhau? Chúng ta tưởng nên giải nghĩa thế nào cho rõ ràng, không nên theo những cách kiêng-cữ giả-dối, nghi-ngờ sai-lầm như trước nữa. Hội có nhiều thứ: có thứ hội hại cho Chánh-phủ, mà cũng có thứ hội lợi cho Chánh-phủ. Hội thế nào là hại cho Chánh-phủ? Là lập hội bí-mật, không tuân theo pháp-luật, làm những sự bần-nghịch, ấy là hại cho Chánh-phủ. Hội thế nào là lợi cho Chánh-phủ? Là lập hội minh-bạch, tuân theo pháp-

luật, làm những sự lợi-ích vậy. Nếu không xét cái tinh-chất lập hội thế nào, chỉ thấy danh-nghĩa hội thì nhất-thiết cho là một thứ tai-va, một thứ lấy giấy buộc mình, mang gông vào cổ, mà không dám ừ-hử đến, thế thì có khác nào như thấy người ta cầm đồ kim-thiết đi giết người bị phải tội, mà nói rằng những loài kim-thiết toàn là thứ làm cho người ta phải tội cả, ta không nên mó đến hay sao? Hội cũng như là loài kim-thiết; kim-thiết cũng có thứ đúc ra gươm súng mà cũng có thứ rèn ra đồ nông-khi, không nên thấy gươm súng là cấm-vật, mà đến nồi đồ nông-khi, là đồ thiết-dụng, cũng vứt bỏ mà không dùng.

Muốn sự lập hội của dân không hại đến sự trị-an trong nước, thì Chánh-phủ đã có cách hạn-chế. Cách hạn-chế thế nào? Là phạm lập hội phải trình Chánh-phủ, có Chánh-phủ công-nhận thì hội mới thành-lập được, còn những hội bí-mật không trình với Chánh-phủ, thì phải bị cấm. Xem như bộ luật mới thi-hành ở Bắc-kỳ (*Hình-luật*, chương thứ 15 điều thứ 101, 102, 103, 104, 105) nói về sự lập đảng hội trái phép Nhà-nước, thì trong luật đã định ra rõ ràng vậy. Nhưng thuộc về lẽ cấm những hội bí-mật, ấy là lẽ chánh-đáng của Chánh-phủ giữ-gìn sự trị-an trong nước, không những pháp-luật nước ta như thế mà thôi đâu, pháp-luật của Nhà-nước Đại-Pháp cũng có đặt ra các điều-lệ ấy, xem như luật hình nước Đại-pháp có mấy khoản như sau này :

« Điều thứ 291. — Từ hai mươi « người trở lên, lấy sự tôn-giáo, văn-« học, chánh-trị hay là sự gì khác làm « mục-đích, mà ngày nào cũng tập hội, « hay là định ngày mà tập hội, nếu « không xin phép với Chánh-phủ và

« không tuân theo qui-tắc của Chánh-
« phủ đã định, thì sự tập hội ấy phải
« bị cấm. . . .

« Điều thứ 292. — Không được phép
« của Chánh-phủ cho, mà tập hội như
« điều trên đã nói, hay là hội đã được
« phép của Chánh-phủ cho, mà khi tập-
« hội lại không tuân theo qui-tắc của
« quan trên đã định, thì hội ấy phải
« bị giải-tán.

« Người hội-trưởng hay là người
« sáng-lập, v.v. phải bị phạt từ 16 quan
« cho đến 200 quan tiền tây.

« Điều thứ 293. — Không cứ là khi
« bàn bạc việc hội, dùng theo tiếng
« nước nào mà khuyến dụ người ta
« theo sự quỷ-thần, . . . không cứ dùng
« cách thức nào mà ban-bố những sách
« vở tờ bồi, xét ra có ý khêu cho người
« ta làm tội nặng hay là tội nhẹ, thì
« người hội-trưởng, người sáng-lập hội,
« v. v. phải bị phạt từ 100 quan đến
« 300 quan tiền tây, và bị ở tù trong
« hạn từ 3 tháng đến 2 năm. . . . »

Xem như thế thì luật Đại-Pháp vẫn không cấm dân lập hội, nhưng cốt là lập hội phải xin phép với Chánh-phủ vậy. Nay chúng ta hãy dẫn-chứng trong bộ luật cũ nước ta mà xem, những điều-lệ trong bộ *Hoàng-Việt-luật-lệ* chưa hề có định rõ ràng ra cái thế-lệ lập hội nên thế nào, chỉ thấy trong quyền thứ 12, điều 224, thuộc về luật « mưu-bạ » có điều-lệ như sau này :

« ĐOẠN THỨ 2. — Phạm người khác
« họ, cùng nhau uống máu ăn thề, phân-
« biều kết-bái làm anh em, thì chiếu
« theo luật « mưu-bạ-vị-hành » ⁽¹⁾ mà
« trị tội. Người đầu đảng thì « giáo,
« giam-hậu ⁽²⁾, người vi-tòng thì giam

(1) Nghĩa là định là phản-nghịch mà chưa kịp làm.

(2) Giáo là thắt cổ, « giáo, giam-hậu » nghĩa là xử tội giáo nhưng mà còn giam lại để chờ mệnh-lệnh cho nên tội ấy không đến chết.

« một bực. Nếu tụ hội đến 20 người
 « trở lên, thì người đầu đảng bị tội
 « chém, người vi-tòng bị đày đi xa. —
 « Không có những sự uống máu ăn thề,
 « phân-biểu, v. v..., chỉ chiếu theo tuổi
 « lớn nhỏ mà kết-bái làm anh em, nếu
 « tụ hợp đến 40 người trở lên, thì
 « người đầu đảng bị tội « giảo, giam-
 « hậu », người vi-tòng bị đày xa. Nếu
 « tụ hợp chỉ số dưới 40 trên 20 người,
 « thì người đầu đảng bị « trọng (1) »
 « một trăm, đày 3000 dặm. Nếu tụ hợp
 « chỉ số dưới 20 người, thì người đầu
 « đảng bị trọng một trăm, « già-hiệu(2) »
 « hai tháng. Còn những người vi-tòng
 « thì đều được dảm một bực. Nếu từ
 « 40 người trở lên tụ hội lại làm những
 « sự như trên đã nói, nhưng mà bầu
 « người trẻ tuổi làm đầu, không chiếu
 « theo niên-xỉ lớn nhỏ, thế cho là phi-
 « đảng, người thủ-phạm phải bị chém,
 « người vi-tòng bị đày xa.

« ĐOẠN THỨ 3. — Phạm những phường
 « vô-lại, uống máu ăn thề cùng nhau,
 « rồi lại kết-liên những bọn thổ-hào, thị-
 « côn, nha-dịch, binh-lính, người này
 « xướng, kẻ nó ứng, làm hại cho lương-
 « dân, đã có người hương-chức đến
 « trình quan, mà quan địa-phương
 « không chấp-lý và không tập-nã, có ý
 « che chở cho nó, nếu nhân đấy mà nó
 « làm những sự trộm cướp hoành-hành,
 « thì quan địa-phương phải bị cách
 « chức và bị trọng-trị. Còn như quan
 « địa-phương nào ngày thường tuy
 « không kiểm-xát đến, nhưng khi nghe
 « tin thì bắt ngay được, thì được miễn-
 « nghị. Người hương-chức biết mà
 « không thú-cáo, thì có tội. Người láng
 « giềng biết mà thú-cáo thì được thưởng.
 « Nếu thú-cáo bậy, thì chiếu theo luật
 « vu-cáo mà trị tội »,

Xem trong điều-lệ ấy thì luật ta ngày
 trước chánh vì cấm dân không được

lập hội bí-mật mà mưu-bạn, không phải
 là nhất-thiết cấm dân trong nước không
 ai được lập hội, không ai được vào hội,
 và không phải là nhất-thiết cho những
 hội gì trong nước cũng là mưu-bạn cả
 mà trị tội đâu. Nhưng chúng ta chỉ tiếc
 rằng ngày trước nhân-dân hiền lành,
 nghề làm ăn cũng dễ dãi, cái nghĩa
 hợp-quần không lấy gì làm cần-thiết
 trong xã-hội cho lắm, cho nên trong luật
 lập ra không nghĩ-tưởng đến đoàn-
 thể của dân là sự tất-nhiên phải có, mà
 định rõ cái giới-hạn cho người lập hội
 được biết mà tuân theo pháp-luật. Vì
 thế, những kẻ háo-sự nhân đó mà xoi
 bó ra lắm điều, làm cho dân trong
 nước ai nấy cũng đem lòng sợ hãi, đành
 rằng thân ai nấy lo, việc ai nấy tính,
 chẳng đại gì mà hợp đoàn kết bạn, rồi
 mang lấy cái vạ phi-thường. Thương
 hại thay! Dân ở chung trong một nước
 mà như cát rải, như giá tan, không có
 một cái đoàn-thể gì để liên-lạc tấm
 lòng thương yêu, mở mang những sự
 công-ích, thế thì tài nào mà trong nước
 cho giàu, nghề cho hay, học-hành cho
 giỏi được.

Từ khi có Nhà-nước Đại-Pháp đến
 bảo-hộ nước Nam ta thì Nhà-nước đã
 dần-dần vì dân ta mà đề-xướng ra cái
 nghĩa « hợp-quần ». Kìa như các nghị-
 hội của Nhà-nước lập cho dân ta, ấy
 thuộc về cơ-quan chánh-trị, không cần
 phải nói. Còn ngoài ra như là hội « Nông-
 nghiệp tương-tế », hội « Khuyến-học »
 ở Nam-kỳ, hội « Chi-trị », hội « Pháp-
 học bảo-trợ » ở Bắc-kỳ, hội « Quảng-
 trị » ở các tỉnh Trung-kỳ, cùng là các
 hội-xã doanh-nghiệp khác, cũng đều
 được Nhà-nước chuẩn-nhận mà giúp
 đỡ cả. Xem như thế thì sự lập hội là
 sự chánh-đáng của dân nên làm, nếu
 lập hội mà đúng vào pháp-luật thì
 không những là Nhà-nước đã không

(1) Trọng là đánh đòn.

(2) Già-hiệu là đóng gông vào cổ mà dẫn ra ngoài cho người ta xem.

cấm mà lại sẵn lòng giúp đỡ cho. Nước nào cũng thế, mà hiện nước Nam ta bây giờ cũng vẫn được như thế, thế thì chữ *hội* lại có ngại gì, sự lập hội lại có ngại gì.

Hưởng chi, Nhà-nước Đại-Pháp là giàu mạnh vì nghĩa hợp-quần; dân Đại-Pháp là dân có đoàn-thể; chúng ta thử xem như trận đánh long trời lở đất vừa rồi, thì Nhà-nước Đại-Pháp cũng vì có cái nghĩa hợp-quần, cái cách đoàn-thể mà được thắng trận, Thế thì cái nghĩa hợp-quần, cái cách đoàn-thể của người Đại-Pháp, là cái gương rất quý báu của chúng ta vậy. Nay chúng ta đã được soi cái gương rất quý báu ấy mà lại không biết liên hợp kẻ Nam người Bắc kết thành đoàn-thể để lo toan sự công-ích trong xã-hội, chẳng hóa ra chúng ta là một bọn người rất lười biếng lắm ru?

Cái cuộc toàn-thắng bên Âu-châu ngày nay, danh-dự của Nhà-nước Đại-Pháp đã lừng lẫy trên thế-giới, phàm những dân các nước hậu-tiến đều hâm-mộ cái học-thuật văn-hóa của nước Đại-Pháp. Như gần đây nước Tàu có lập hội «*Trung-Pháp hiệp-tiến*» ở Bắc-kinh, trong hội ấy người Đại-Pháp và người Tàu đứng sáng-lập để nghiên-cứu về sự giáo-dục và thiết-nghiệp của hai nước. Vả chẳng nước Tàu là nước độc-lập; dân-tộc Tàu là dân-tộc có văn-minh cũ, mà bây giờ thấy nước Đại-Pháp thành công, hãy còn muốn kết đoàn hợp sức để học đòi theo Đại-Pháp, lo về đường tiến-bộ, hưởng chi nước ta là một nước của Đại-Pháp Bảo-hộ, dân-tộc ta là một dân-tộc của Đại-Pháp Bảo-hộ, lẽ nào ta không chịu học theo thầy Đại-Pháp; ta không biết theo đòi những công-nghiệp của người Đại-Pháp đã đứng

trước mà làm gương cho chúng ta. Chúng ta sinh trong thời-dại này, gặp quốc-vận Nhà-nước Đại-Pháp đương lúc cường-thạnh, ngọn cờ ba sắc phất phơ trước mắt chúng ta, hình như đã báo tin cho chúng ta rằng Nhà-nước Đại-Pháp sắp đem nhân-đạo công-lý mà ân-tử cho chúng ta đấy, cái ân-huệ ấy không phải là cái ân-huệ Nhà-nước có thể cho riêng một đôi người được, cái ân-huệ ấy cũng không phải là cái ân-huệ chúng ta chỉ lấy tư-cách từng người đứng hưởng-thụ lấy mà làm ích lợi riêng cho một mình được; chúng ta muốn nương tựa dưới bóng cờ ba sắc mà tiếp-thụ lấy ân-huệ của một nước lớn trong thế-giới, thì phải liên-hợp kẻ Nam người Bắc kết thành đoàn-thể cho chánh-dáng. Nếu không có đoàn-thể thì không những chúng ta tự-vấn đã không ra gì, mà lại đắc-tội với ân-quốc của chúng ta nữa. Gần đây quan Toàn-quyền SARRAUT có xướng ra cái chủ-nghĩa «*Đông-dương thống-nhất*», thống-nhất nghĩa là liên-lạc xứ Đông-dương thành một cái đoàn-thể lớn vậy. Quan Toàn-quyền muốn liên-lạc xứ Đông-dương thành một cái đoàn-thể lớn, thì dân ta phải nên lấy một cái mục-dịch chung mà liên-lạc cùng nhau thành cái đoàn-thể nhỏ trong nước, ấy là chúng ta biết thể theo ý quan Toàn-quyền; biết học tập theo thầy Đại-Pháp đấy. Chúng ta muốn giải cho rõ nghĩa hội-đảng, thì nên giải như thế này: Nếu lập hội bí-mật, làm việc trái phép, thì có tội với Nhà-nước, cho nên pháp-luật phải cấm; còn như lấy sự lợi-ích chung, xin phép với Nhà-nước mà lập hội, thì sự lập hội ấy đúng vào pháp-luật, Nhà-nước sẽ chuẩn nhận cho.

NGUYỄN BÁ-TRÁC



G. P. N. H. A. I.

HANOI, IMP. TONKINOISE

QUAN-BA GUYNEMER

MỘT BẬC THIẾU-NIÊN-ANH-HÙNG

Truyện ông phi-tướng Guynemer (1)

« Héros légendaire tombé en plein ciel de gloire, après trois ans
 « de lutte ardente ; restera le plus pur symbole des qualités de la
 « race : ténacité indomptable, énergie farouche, courage sublime.
 « Animé de la foi la plus inébranlable dans la Victoire, il lègue au
 « soldat français un souvenir impérissable qui exaltera l'esprit de sa-
 « crifice et les nobles émulations. »

(26^e Citation à l'Ordre de l'Armée du Capitaine Georges Guynemer).

*
* *

« Tướng anh-hùng như trong truyện thần-tiên, trong ba năm
 « chiến-dấu rất oanh-liệt, hốt-nhiên bị chết lừng-chừng trời, giữa
 « cuộc công-danh đương hiển-hách ; sau này sẽ thành cái gương rất
 « sáng-suốt để chiếu rọi đời đời những tình-chất tốt của giống Pháp
 « ta : kiên-nhẫn vô-dịch, cương-ng nghị phi-thường, can-dảm tuy-
 « địch. Một lòng tin ở cuộc chiến-thắng, kiên như đá, vững như
 « đồng, còn lưu lại cho nhà binh Pháp sau này một cái kỷ-niệm
 « không bao giờ quên, ai nhớ đến như giục tấm lòng vị-nghĩa.
 « xui cái chí công-danh. »

(Lời tuyên-công lần thứ 26 cho toàn-quân của quan-ba Georges Guy-
 nemer được) (2).

Trong cuộc chiến-tranh có một trong lịch-sử này đã xuất-hiện biết bao nhiêu những
 bậc-tướng giỏi quân hùng, sánh với những mặt đại-anh-hùng trong truyện cũ không kém gì.
 Nhưng hiển-hách nhất, oanh-liệt nhất, duy có ông tướng tàu bay GUYNER (đọc là Ghi-ne-me).
 Người tuổi trẻ mà cái khi-diêm như lửa cháy, cái nghị-lực như đá kiên, trong ba năm
 trời làm cái nêu anh-hùng cho mấy trăm vạn con người, lập nên những công-trạng đời
 xưa đời nay không bao giờ có, những nghe thấy cũng đủ khiến cho thiên-hạ phải qui
 gối mà vái tay. Ôi! một người như vậy thật là cái khi thiêng của trời đất trong mấy
 nghìn năm chung-đức mới nên. Mà nước Đại-Pháp sản được cái của báu ấy cũng thật
 là một sự vẻ-vang danh-tiêng muôn đời vậy.

Truyện tướng GUYNER là truyện ai ai cũng phải biết, người lớn phải tường-tung
 việc, trẻ con phải thuộc làm lòng. Đọc truyện ấy mà đủ hưng-khởi trong lòng. Đọc truyện
 ấy mới biết rằng cái chí người anh-hùng là cái sức mạnh đệ-nhất trong trời đất, không.

(1) **Phi-tướng** 飛將 — Ông tướng coi tàu bay. — OFFICIER AVIATEUR. (Chữ GUYNER đọc
 nôm là Ghi-ne-me).

(2) **Tuyên-công** 宣功 — Những quân lính ở trận-tiền lập nên công-trạng được lời khen
 thông-lục cho trong quân biết. Lời khen đó gọi là lời « tuyên-công » (citation à l'ordre). Hoặc tuyên-
 công trong hàng đội (citation à l'ordre du régiment), hoặc trong lữ-đoàn (à l'ordre de la brigade),
 hoặc trong sư-đoàn (à l'ordre de la division), hoặc trong quân-đoàn (à l'ordre du corps d'armée),
 hoặc trong toàn-quân (à l'ordre de l'armée). Tuyên-công cho toàn-quân thì do quan Thống-tướng
 (généralissime) ban, còn các hạng khác thì do quan chủ-tướng mỗi hạng ban

gi không làm noi mà không gì là dịch nổi, dù bay rạt trong đám mây mưa hay liệng qua trên vòng đạn lửa, vào sinh ra tử, bách-triết thiên-ma (1), tẩm thân ngoài hai mươi tuổi, xông-pha biết bao nỗi hiểm nghèo, mà không hề đốn-tỏa (2), lại như mảnh sắt kia lửa càng nung mà chất càng rắn vậy. Cho đến lúc bị hại cũng là đương cuộc chiến-dấu, giữa khoảng không-gian, gió rập mây vùi, mưa than sấm khóc, không phải cái chết bi-thương ảo-nảo như người thường. Ôi! Kiệt vậy thay! Mà con người ấy chưa đầy hai mươi ba tuổi! Mà sự-nghiệp ấy chỉ vừa trong khoảng ba năm!

Nay muốn ngợi khen bậc thiếu-niên đại-anh-hùng ấy, không gì bằng giới-thiệu (3) truyện người cho quốc-dân ta biết, để lưu làm cái kỷ-niệm muôn năm

Sau này lược-dịch sự-trạng tướng GUYNERMER theo sách tây. Tuy toàn là sự thực mà đọc tưởng không khác gì một bộ tiểu-thuyết li-kỳ vậy.

PH. Q.

Ngày mồng 8 tháng 6 năm 1915, có một người cầm máy tàu bay mới, vừa ở nhà tuồng ra, đến Vauciennes (Vô-xiên) (4), vào hạm-đội (5) số M. S. 2., tức là hạm-đội hiệu « Con Hạc » (*escadrille des Cigognes*) đã có danh tiếng lừng-lẫy. Giữa ngày đó quan coi hạm-đội là quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) phải đi ra Bourget (Bua-giê) có việc quan, ngài có cử thầy VÉDRINES (Vê-dờ-lin) là người tông-sự dưới quyền ngài tiếp người mới đến ấy. Ngài bảo thầy rằng: « Thăng bé mới có hai mươi tuổi, hãy còn như đứa con gái, nhưng người ta nói với tôi rằng cũng nhanh-nhẩu ». Quả thầy VÉDRINES (Vê-dờ-lin) trông thấy người mới đến hãy còn trẻ bé quá, thiệt cũng lấy làm lạ. Người còn trong tuổi thành-đồng (6) mà cao lớn, mặt còn như mặt trẻ con mà nước da sẫm-sẫm, hình-thể thật cao thật mảnh, mặc bộ quân-phục gọn-ghe vừa-vặn như in, coi người lại

mảnh-khảnh hơn nữa. Song tuy hình-thể còn trẻ bé, coi rất là mỉ-miêu đáng yêu, mà cái thái-độ đã chín-chắn nghiêm-trang lắm, lại con mắt quả-quyết trái hẳn với cái nét mặt trẻ-măng. Ôi! cái con mắt đen lay-láy, vững chùng-chùng, sao mà nó sáng quắc như lửa vậy, lắm lúc nhác trông như trời-lọi!

Người mới tới đó tức là thầy cai Georges GUYNERMER (Ghi-nơ-me), thầy mới có hai mươi tuổi, sinh ở Paris ngày 24 tháng 12 năm 1894. Một năm trước thầy hãy còn là cậu học-trò trường Trung-học. Năm 1912 đỗ tú-lai về văn-khoa và cách-tri-khoa (*bachelier ès-lettres-sciences*), còn theo học ở trường Trung-học Stanislas (Sơ-ta-ni-la) để sửa soạn vào thi trường « Công-nghệ Đại-học-hiệu » (*Ecole Polytechnique*). Trong năm 1914, quan đốc trường Trung-học xét thầy không đủ sức khỏe mà ra thi cái khoa thi có tiếng là rất

(1) Bách triết thiên ma 百折千磨 — Trăm lần bẻ, nghìn lần mài; nghĩa bóng là phải chịu nhiều nỗi cực-khổ, nhiều đường nguy-hiêm. — S'EXPOSER A TOUS LES DANGERS, TOUS LES PÉRILS.

(2) Đốn-tỏa 頓挫 — Cúi ép, nhụt chí, ngã lòng, — ABATTEMENT, PROSTRATION, DÉCOURAGEMENT.

(3) Giới-thiệu 介紹 — Người đứng giữa đem người này trình mặt cho người kia biết, đem truyện người ta không biết trình bày cho mà biết, vân vân. — SERVIR D'INTERMÉDIAIRE POUR PRÉSENTER, INTRODUIRE une personne, un ouvrage, etc...)

(4) Vauciennes (Vô-xiên) là tên nơi sở tàu bay. Bourget (Bua giê) cũng là một sở tàu bay khác gần đây.

(5) Hạm-đội 艦隊 — Một đội những tàu chiến; nói rộng ra tàu bay cũng được. — ESCADRE (de navires de guerre); ESCADRILLE (d'aéroplanes).

(6) Thành-đồng 成童 — Tuổi không còn nhỏ nữa mà chưa lớn hẳn, từ 15 đến ngoài hai mươi. — ADOLESCENCE.

khó ấy, khuyên thầy nên nghỉ học để dưỡng sức, nên giữa lúc khai-chiến thì thầy đương cùng cha mẹ nghỉ mát ở Biarritz (Bi-a-li-xơ). Được tin, lập-tức thầy muốn xin tinh-nguyện theo quân, muốn ra lập công-danh trong cái nghề binh kia là nghề tổ-tiên ngày trước đã bao nhiêu người nổi tiếng. Họ thầy là một cựu-lốc, vốn ở đất Boulonnais (Bu-lô-nê), rồi dời sang đất Bretagne (Bờ-rơ-tan) về đời « Thập-tự-chiến-tranh » (*Croisades*), là đời nghề võ rất thịnh-hành; họ Guynemer (Ghi-nơ-me) lịch-dại⁽¹⁾ vẫn sinh được nhiều tay chiến-sĩ giỏi. Trong bài « Lô-lăng anh-hùng-ca » (*Chanson de Roland*) đã từng có một tên GUYNEMER. Lại hồi « Thập-tự-chiến-tranh » lần thứ nhất, năm 1097, có một nhà võ-sĩ GUYNEMER (Ghi-nơ-me) theo quân ông BAUDOIN DE FLANDRE (Bô-doan đờ Phơ-lăng) sang đánh bên « Đất-thánh »⁽²⁾ (*Terre sainte*). Lại có một nhà võ-sĩ GUYNEMER (Ghi-nơ-me) nửa năm 1365 có đứng tên ký tờ điều-trước thành Guérande (Ghê-lan) là điều-trước đình sự chiến-tranh về việc tranh ngôi vua đất Bretagne (Bờ-rơ-tan). Về đời Đế-chính thứ nhất (*Premier Empire*)⁽³⁾, có ba ông GUYNEMER (Ghi-nơ-me) là ba anh em cùng theo quân: một người làm quan thủy nhân bị thương ở Trafalgar (Tờ-la-phan-ga) mà chết; người thứ hai bị giết ở Vilna (Vin-na); người thứ ba nhập-ngũ tự mười sáu tuổi, có theo đánh các trận Tây-ban-nha (*guerres d'Espagne*), hai mươi một tuổi được thưởng-thụ Bắc-đầu-bội-tinh

vi đã có chiến-công hồi chảy quân qua sông Bidassoa (Bi-da-soa). Đến ông thân-sinh ra thầy GEORGES GUYNEMER (Ghi-nơ-me) ngày nay thì nguyên xuất-thân ở trường Saint-Cyr (Sanh-xia), đã từng làm quan bộ-binh trong mười năm.

Đã ba lần thầy xin tinh-nguyện đầu-binh — một lần ở Compiègne (Công-biên) là nơi họ GUYNEMER có nhà ở, hai lần ở Bayonne (Bay-ôn), — ba lần các quan tuyền lĩnh và các quan thầy thuốc trông thấy dáng thầy yếu-ớt quá đều hoãn lại không nhận. Lại cố xin một lần nữa ở Bayonne (Bay-ôn): lần này thì đi cùng với ông thân-sinh, thầy năn-ni xin ông cố nói để người ta nhận cho. Ông vào nói; viên quan binh chỉ vào thầy mà bảo ông rằng: « Ngài đã tòng-sự nghề binh thì ngài biết; một cậu ti-hon như thế này mà bảo đem ra làm lính kỵ-binh hay bộ-binh thì thế sao được? » Ông biết con lần này lại chượt nữa thì buồn-bực không biết đường nào, nghĩ cũng phiền lòng, nhưng sự hiên-nhiên như thế không biết làm sao được.

Thầy vốn người chí-khí mạnh mẽ, ông thân lại khéo dạy-dỗ, từ thửa mới khôn lớn đã dãi ra cách người trượng-phu, nên tuy vậy mà thầy không hề ngã lòng.

Thầy lại xin được một cái thư giới-thiệu cho quan Ba Bernard-Thierry (Bê-na Ti-ê-li), coi trường máy bay ở thành Pau (Bô), bèn đến tiếp mặt ngài,

(1) Lịch-dại 歷代 — Qua đời nọ sang đời kia, từng trải nhiều đời. — AU COURS DES AGES.

(2) Đất-thánh là ở đất Tiều-Á-tê-á (Asie mineure) có thành Jérusalem ở đây có mộ đức Gia-tô. Đất ấy bị giống Thổ-nhĩ-kỳ (*Turcs*) theo đạo Hồi vào khoảng thế-kỷ thứ 10 đến xâm-chiếm. Các dân theo đạo Thiên-chúa ở Âu-châu cất quân sang đánh để thu-phục lấy thánh-mộ. Mấy trận ấy gọi là « Thập-tự-chiến-tranh » (*les Croisades*).

(3) Tức là đời vua Napoléon thứ I; Đế-chính thứ nhì (*Second Empire*) là đời vua Napoléon thứ III.

kêu với ngài rằng : « Xin đại-úy ⁽¹⁾ cứ nhận con, dùng cho con làm được việc gì có ích ». Quan ba đáp rằng : « Ta khuyết một chân học-trò cầm máy, anh có thuận không ? Nhưng anh đã nhập-ngũ chưa ? » Thầy nói : « Bẩm chưa, con chủ-ý đến xin ngài giúp cho con được nhập-ngũ. Ngài làm ơn cho con mấy chữ cho quan tuyển linh ở Bayonne (Bay-ôn) ».

Sau đến ngày 23 tháng 11 năm 1914, thầy mới được phép ký giấy tình-nguyện đầu-binh cho đều mãn-hạn chiến-tranh. Thế là cái lòng sở-nguyện đã thành vậy. Thầy được làm lính từ đây : khoái-lạc thay !

Trong khi đóng ở thành Pau (Bô), phải làm-lụng khó-nhọc, ngày làm việc « cô-vê » (*corvées*), tối nằm ngủ trên đất, dù nhọc-nhắn đê-tiện đến thế nào cũng vui lòng mà làm, không có nề-hà, không mấy lâu được làm phụ máy (*élève mécanicien*), đã tỏ ngay là người chăm làm và khéo tay. Tự thừa nhỏ thầy vẫn hay chơi đùa làm máy móc ; có cái tài biến-báo chế-tạo, như ai cho cái đồ chơi làm theo kiểu máy hơi nước hay là máy điện-khí thì biết đem dùng ra nhiều cách lắm. Đã lâu nay thầy vẫn chủ-ý về nghề tàu bay, và cái thuật bay bổng trên không thầy vẫn lấy làm một điều khoái-trí lắm. Tự khi còn ở trường trung-học Stanislas (So-ta-ni-la) hồi

nước Pháp thì tàu bay chạy vòng-quanh Âu-châu (*le Circuit Européen*), một hôm có cái tàu bay bay sát ngay vào mái nhà trường. Từ đó thầy đã nghiệm-nhiên mê về nghề bay rồi.

Đến ngày vào làm việc ở trong trường máy bay thành Pau (Bô), thì cầm cái khí-vị chốn ấy, mà cái lòng hăm-hở cũ lại dấy lên bời-bời, như khi còn nhỏ nghe những công-truyện tài của các nhà máy bay giỏi vậy. Tự nghĩ trong bụng rằng Có lẽ đầu mình lại suốt đời làm anh phụ-máy như thế này ? Có lẽ đầu mình lại không được cá ivẻ-vang cưỡi những con chim lớn cánh trắng kia mà ra xông-pha nơi chiến-trận ? Bèn cố nài ông thân vận-động ⁽¹⁾ trong bọn anh em bạn học cũ của ông ở trường Saint-Cyr (Xanh-xiá), ngày nay đã lên hàng tướng cả, đề cố xin cho được một chân tập cầm máy (*élève-pilote*). Ngày 25 tháng giêng năm 1915, được y sở-nguyện, mới bắt đầu tập-luyện. Tháng ba đi ra trại Avord (A-vo), có ông quản DEROZE (Đờ-lô) dạy, thầy coi ông như bậc sư-phạm, nhờ ông mà sau này thầy mới nổi tài như vậy. Thầy học tốt-nghiệp ở đây, tháng tư được bằng cầm máy, mong 8 tháng năm được thăng cai. Qua ít lâu ở trại Bourget (Bua-giê), ở « Xưởng Chánh tàu bay » (*Réserve générale d'aviation*), rồi ngày 8 tháng sáu được sung-bổ vào đội « Con-Hạc »

(1) Ta gọi các quan binh cứ theo số khoan mà gọi : quan một, quan hai, v. v. Trong khi nói thường thì tiện, nhưng muốn xưng-hô cho tôn-trọng thì nôm-na quá, như nói : « Thừa quan ba... bầm quan tư... », nghe sao được ? Vậy các chức quan binh phải có tên chữ mà gọi mới được. Nay cứ theo quân-chế của Nhật-bản và của Tàu thì đại-khái có những chức như sau này, các tên xét ra cũng giản-dị, ta có thể mượn mà dùng được : 1. Đại-tướng 大將 = GÉNÉRAL COMMANDANT DE CORPS D'ARMÉE ; 2. Trung-tướng 中將 = GÉNÉRAL DE DIVISION ; 3. Thiếu-tướng 少將 = GÉNÉRAL DE BRIGADE ; 4. Đại-tá 大佐 = COLONEL ; 5. Trung-tá 中佐 = LIEUTENANT-COLONEL ; 6. Thiếu-tá 少佐 = COMMANDANT ; 7. Đại-úy 大尉 = CAPITAINE ; 8. Trung-úy 中尉 = LIEUTENANT ; 9. Thiếu-úy 少尉 = SOUS-LIEUTENANT.

(2) Vận-động 運動 — Chữ này dùng đây là lấy nghĩa bóng, chỉ cái việc chạy chọt, cầu-cạnh, nhờ người nọ nói người kia cho được một việc gì. — FAIRE DES DÉMARCHES, FAIRE AGRIR LES INFLUENCES.

(*escadrille des Cigognes*). Vào đó thì không phải cái lối tập-luyện theo phép-tắc như ở nhà trường nữa ; từ nay sẽ ra xung mura vượt gió, bay-bồng trên hàng quân địch, giao-chiến trong giữa từng mây, liều mình trong sự bất-kỳ, sự may rủi. Nào là trời u-ám, nào là gió thổi ngược, nào là giông-tổ, nào là bão-táp, người cầm máy phải có sức mạo-hiêm trong những lúc không-khi bất-thường ấy mới được. VÉDRINES (Vê-dờ-lin) xét thấy tuy còn trẻ bé như vậy, mà đã đoán biết cái khi-diêm hăng-hái, cái nghị-lực cương-cường là đường nào, muốn dạy cho thầy tập quen cái tính mạo-hiêm, vì muốn ra chiến-đấu trên không phải không sợ gì gió bão mới được.

Một hôm về chiều trời gió cơn, bắt thầy phải lên máy : cái máy bay bị đánh bet xuống đất. Tuy gió bão mặc lòng, mà làm đi làm lại đến năm lần, mỗi lần rơi xuống VÉDRINES (Vê-dờ-lin) lại chỉ dẫn cho mà biết.

Trong đội thường gọi đùa thầy là « anh nhỏ ». Vậy dần-dần mà « anh nhỏ » ta thành ra bạo-gian lạ thường, gan-góc có một. Sau khi vào đội « Con Hạc » được ít lâu, thầy được lệnh đưa quan ba COLCOMB (Côn-công) đi tàu bay lên trên đường pháo-bình của quân Đức để trình-sát và chụp ảnh. Từ đầu chỉ cuối thầy cứ bay dung-dị như thường, không phải quật vào đầu, không phải quay lên lượn xuống như các nhà cầm máy khác để tránh quân địch bắn. Trong một giờ rưỡi đồng-hồ, thầy liệng ngay trên đầu pháo-đội Đức, bị đến hơn một nghìn phát đại-bác bắn, nhiều mảnh trúng vào máy bay. Quan ba COLCOMB (Côn-

công) về sau thuật lại truyện hôm ấy cho ông thân thầy nghe có nói rằng : « Bấy giờ tôi đã thấy mỗi gân, tôi bảo cậu con ngài rằng : « Thôi xong rồi, ta về đi. » Nhưng cậu ta cứ điềm-nhiên như không mà đáp : « Xin đại-úy làm ơn chụp ảnh lấy cả những mảnh đạn họ bắn mình đây ».

Khi trở về trại, quan ba COLCOMB (Côn-công) nói với quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) rằng :

— Ngài có anh cầm máy cứng tuyệt-phẩm.

Quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) đáp :
— Tôi vẫn biết !

Song những thủ-đoạn như vậy thầy chưa lấy làm mãn-nguyện. Thầy chỉ mộng-tưởng một sự, hết sức mong-mỏi, là được giao-chiến với quân địch ở trên cao kia, trong khoảng không vô-hạn. Thầy thường nói : « Tôi muốn nắm được thẳng « Bác-thỉ » ⁽¹⁾ (*Boche*) mới nghe ». Đêm đêm dậy từ hai giờ sáng, lại gần cái xưởng để máy, rồi nhìn lên trên trời, xem xét kỹ lắm. Anh em trông cái bộ dạng chăm-chút, người trẻ như thế mà có ý nghiêm-cẩn như vậy, có người cũng hơi buồn cười, nhưng gọi là cười đùa một chút mà thôi, chớ tinh thầy không có chịu để cho người ngoài nhạo-báng mình. Người ta thường hỏi đùa thầy rằng : « Thế nào, « anh nhỏ » làm chi đấy ? Anh đứng đợi thẳng Bác-thỉ, đấy à ? — Thầy đáp : Phải, tôi đợi đây, quyết phải được mới nghe ».

Sớm ngày 19 tháng 7, thầy nhìn trên không có một nét chấm đen đương chuyển-động : Chính là một chiếc tàu

(1) **Bác-thỉ** 博家 — Con lợn hay chừ. Chừ này tiếng Tàu đọc là *p'ouo-che* (giọng quan-hải) người Tàu dịch âm tiếng *Boche* là tiếng người Pháp gọi khinh-bí người Đức. Tuy là dịch âm mà cũng hợp nghĩa, vì người Pháp thường chê người Đức là có học mà thô-bỉ, tức như con lợn hay chừ vậy.

bay của địch. Thầy bèn bảo người vận máy của thầy bấy giờ tên là GUERDER (Ghê-de): « Anh Ghê-de, anh nhảy mau vào máy, có thắng Bác-thĩ kia ». GUERDER (Ghê-de) lúc ấy hãy còn bận quần áo buổi sớm, quần bằng sợi với áo cánh ngổ khuy, vội vàng theo lời, nhảy vào một cái máy có hai chỗ ngồi, hình cái lọng (*biplace parasol*). Hai người bay thẳng về hướng cái tàu bay Đức. Nhưng cái tàu Đức quay bánh lại chạy trốn. Chán thay, thầy đã sắp sửa bắt máy về, chợt lại thấy xuất-hiện một cái chấm đen nữa đang chuyển-dộng: tức là một thắng « Bác-thĩ » khác đang tiến gần lại hàng quân Pháp. Thầy vận máy đuổi theo, gặp nhau ở trên thành Soissons (Soa-sông), hai cái đứng cách xa mười lăm thước, bắt đầu giao-chiến. Đánh nhau trong mười phút đồng-hồ. GUERDER (Ghê-de) đang vận cái súng cối-xay (*mitrailleuse*), bị một viên đạn vào tay, lại một viên nữa lướt qua đầu đứt cái mũ đang đội. Súng cối-xay vẫn cứ bắn luôn, cho đến viên đạn thứ một trăm mười lăm thì trúng vào người cầm máy bên Đức chết. Người trinh-sát ⁽¹⁾ (*observateur*) Đức thì đứng dựng lên, dơ cánh tay xin hàng, coi bộ thảm lắm; cái máy Đức bị đâm nhào xuống, lửa cháy ngùn-ngụt.

Hai thầy thắng trận khải-hoàn, về đồn ở sau hàng quân Pháp, giữa nơi có một đội binh địa-phương (*territorial*) canh giữ. Quân lính vẫn đã nhìn hai bên giao chiến từ đầu, được tiếp hai người, vui mừng khôn xiết kể. Ai nấy nhảy ra ngoài hầm-hố, dơ súng lên chào: thậm-chí các quan phải cầm vật

áo kéo mới chịu về chỗ nấp. Ngày mai thầy cai GUYNEMER (Ghi-ne-me) được thăng đội, được tuyên-công (*citation*) lần thứ nhất và thưởng-thụ quân-công-bội-tinh (*médaille militaire*). Trận đó là trận thứ nhất của thầy, thầy viết thơ thuật về cho ông thân biết, lời văn-tắt như lời điện-báo, cứ từng câu nhỏ-nhỏ chấm dờn nhau, đó tức là cái lối văn riêng của thầy. Cả cái thơ tóm-tắt trong một câu rằng: « Buổi đó con không có cái cảm-giác ⁽²⁾ gì cả, duy chỉ thấy trong mình như người muốn ham biết cái gì mà đã được biết lấy làm thỏa bụng vậy ».

Trong mùa hạ năm 1915, thầy được đặc-phái ⁽³⁾ hai việc rất khó-khăn và rất nguy-hiêm. Mỗi lần quan trên cho hỏi ai muốn tình-nguyện đi, thì lần nào cũng thấy một « anh nhỏ » đó ra xin đi, càng nhìn lại càng thấy nhỏ lạ, mà quả-quyết biết bao. Ai trông thấy cũng phải nói: « Lại anh ư! — Thầy điềm-nhiên đáp: Phải, lại tôi đây. »

Lần thứ nhất về, ông thân hỏi thầy có phải định chuyên riêng về những việc như vậy không, thì thầy đáp: « Thừa cha không, con cũng không lấy làm thích lắm, nhưng muốn cho thạo nghề thì phải mạo-hiêm đủ đường mới được ».

Ấy cả cái tâm-lý của GUYNEMER (Ghi-ne-me) là ở trong một câu trả lời đó, coi đó thì đủ biết tính người hiểu-thắng, ham sự danh-dự, có cái chí cứng như sắt đá, muốn tìm sự trở-ngại mà phá cho được mới nghe.

(1) **Trinh-sát** 偵察 — Người do xét. Trong một cái tàu bay ít ra cũng phải có một người cầm máy và một người « trinh-sát » (*observateur*) để khi bay tới hàng quân địch dò xét cái trận-thế của địch mà về báo cho quân mình.

(2) **Cảm-giác** 感覺 — Cảm biết, nhân việc gì ở ngoài mà cảm vào trong mình; việc ngoài cảm vào trong ý-tưởng mình thế nào. — *RESSENTIR UNE IMPRESSION; IMPRESSION RESSENTIE.*

(3) **Đặc-phái** 特派 — Sai riêng, ủy riêng cho việc gì quan-trọng hay là bí-mật. — *CHARGER D'UNE MISSION SPÉCIALE.*

Lần đặc-phái thứ hai quan-trọng lắm mà lại nguy-hiêm hơn lần thứ nhất nhiều. Đi mà không chắc có thể đổ tàu vào chỗ nào được. Nên khi đi quan trên đã dặn rằng: « Hễ thấy xem chừng không thể làm được thì về, chớ đừng dè cho nó bắt mất, né ! » Tuy vậy mà cứ vững lòng đi, mà bữa đó trời lại gió bão ! Cánh bay chưa đầy năm phút đồng-hồ thì có « phản-lệnh » ⁽¹⁾ (*contre-ordre*) bằng máy nói đến bảo thôi đừng đi nữa. Chắc quan trên nghĩ lại việc nguy-hiêm quá mới truyền như vậy. Nhưng cái máy bay của thầy GUYNEMER (Ghi-ne-me) bấy giờ đã lên tít trên mây từng mây rồi, trông chỉ còn thấy một cái vết nhỏ đen đen mà thôi.

Tuy khó-khăn như vậy, tưởng sức người không tài nào làm nổi, mà anh « thần-dồng » đó làm được. Khó nhất là tìm được nơi nào để đổ tàu, thì nhờ có con mắt tinh, nhờ có cái trí quả-quyết mau, chọn ngay được chỗ tốt mà đổ, bánh máy bay dừng giữa bên bờ con đường xẻ lũng, thành ra khi bay lên cứ đẩy xô cái máy xuống dưới lũng là tự khắc bỗng lên ⁽²⁾.

Rồi tự đó hết trận này sang trận khác, lũ-chiến lữ-thắng. ⁽³⁾ Cái máy bay của thầy, thầy đặt tên là « Vieux Charles » (Lão Sá-lị), trên ván có vẽ hình con hạc dương cánh bay, tức là cái biểu-hiệu của hạm-đội. Ngày mồng 5 tháng 12, cưỡi máy đó bay trên rừng Ours-camps (Ua-sơ-căng), đánh đổ được một cái máy bay Đức; lại ngày mồng 8 tháng 12, bay cao 1.500 thước, đánh đổ

được cái máy Đức nữa. tức cả thầy là ba cái từ đầu tới đó.

Ngày 14 tháng 12 dương khi phóng-pháo ⁽⁴⁾ vào xưởng tàu bay Hervilly (E-vi-li) phải giao-chiến với một cái máy Đức kiểu *Fokker* (Phốc-cơ); hai bên áp-đảo bắn nhau bằng súng cối-xay, xuýt nữa thì đâm lủng cái máy nọ vào cái kia, hai cái cứ quay lộn xung-quanh nhau. Lại ngày mồng 3 tháng 2 năm 1916, một mình xông vào đánh ba cái máy Đức một lúc, đánh đổ được hai chiếc, còn một chiếc đuôi chạy.

Một hôm chiến-thắng về, đổ tàu ở gần một pháo-đội Pháp. Linh pháo-bính trông thấy mừng quá, ai nấy bỏ súng chạy ò lại để hoan-ngheñh và khiêng về ⁽⁵⁾. Quan coi pháo-đội bên hạp cả quân-linh đứng trước mặt bảo đặt thầy bên cạnh mình, rồi bóc khoanh trên mũ đưa cho thầy mà nói rằng: « Thầy đội, mai thầy sắp được thăng quan, tôi tặng thầy mấy cái khoanh này, xin thầy hứa với tôi thầy sẽ dùng để làm khoanh mũ thầy. » Nói rồi truyền cho pháo-bính nôi một hồi súng mừng GUYNEMER (Ghi-ne-me), ai nấy vui lòng tuân lệnh ngay.

Ngày 14 tháng 12 năm 1915 — chính là ngày thầy vừa đúng hai mươi một tuổi — GUYNEMER (Ghi-ne-me) được thưởng-thụ Bắc-đấu-bội-tinh hạng năm, ngày mồng 4 tháng 3, được tạm lĩnh khoanh quan một.

Tự ngày đầu mới ra hàng trận, đã tỏ ra là người can-đảm, nhưng rồi

(1) **Phản-lệnh** 反令 -- Lệnh sau phản lời lệnh trước, như trước có lệnh truyền làm việc gì, sau lệnh đến bảo thôi. — *CONTRE-ORDRE*.

(2) Lệ tàu bay dừng chỗ đất bằng không thể bay lên được, phải có một chỗ bờ cao, khi ra bay phải tự trên cao xô xuống dưới thấp, rồi cái máy mới bỗng lên được. Cho nên trong các xưởng tàu bay phải bắc những gác sân cao làm bến tàu.

(3) Chữ này đã thích-nghĩa trong số 17, trang 249.

(4) **Phóng-pháo** 放砲 — Bắn đạn lớn vào một tỉnh-thành hay một nơi sở nào. — *BOMBARDER, BOMBARDEMENT*.

(5) Lệ đời xưa các tướng đánh giặc giỏi nhân dân khi đón về đặt lên vai khiêng.

càng đi trận cái can-đảm, cái mạo-hiêm ấy lại thêm có lịch-luyện, có khôn-khéo, có thông-thạo hơn mãi lên. Trong khoảng tám tháng, từ tháng 6 năm 1915 đến cuối tháng 8 năm 1916 đánh hai mươi một trận trên không, đánh đổ được tám cái máy của quân địch. Từ đó rồi cái điệu chiến-thắng càng ngày càng mau mãi lên; hết trận nọ đến trận kia, liên-tiếp nhau luôn, như xô nhau mà xua đẩy người anh-hùng vào cõi quang-vinh.

Tháng 5 năm 1916, GUYNER (Ghi-ne-me) chuyển sang quân-đoàn thành Verdun (Ve-don); rồi đến tháng 6 ra đánh ở hàng trận sông Somme (Som), vẫn thuộc về đội « Con Hạc », từ đó đổi tên là hạm-đội số N. 3.

Đến tháng chín thì đã đứng bậc toàn-tài rồi. Ngày 22 tháng chín, bay cao 3000 thước, đánh ba cái máy bay của quân địch: 11 giờ 22 phút đánh đổ cái thứ nhất; 11 giờ 22 phút 30 giây đánh đổ cái thứ nhì; 11 giờ 25 phút đánh đuổi chạy cái thứ ba. Ở dưới thì pháo-binh của quân địch bắn lên, bị một viên đạn lớn sượt qua mình. Cái máy thiên-văn trong tàu vỡ tan ra, mảnh bắn vào đầu gối bị thương, máy bay thì nhào xuống đất.

Ngày 31 tháng chạp năm 1916, được thăng thực-thụ quan hai. Kịp đến năm 1917, tòeo-quân ở sông Somme (Som) và ở đất Lorraine (Lô-liên), lại lữ-chiến lữ-thắng một hồi nữa. Trong ba ngày, từ ngày 23 đến ngày 26 tháng giêng, đánh được năm trận. Ngày mồng 6 tháng hai đánh nhau với một cái máy địch có ba chỗ ngồi (*triplance*) và

ba chiếc súng cối xay, bắt quân địch phải đỗ ngay trong hàng trận quân ta. Nhân cái chiến-tích đó mà được thăng thưởng chức quan ba giữa ngày mồng 8 tháng hai, hấy giờ mới có hai-mươi-hai tuổi.

Từ đó về sau hậu một ít lâu để sửa-soạn một thứ máy mới sáng-nghĩ ra, rồi lại ra tiền-quân để theo đánh trận công-thế (*offensive*) mùa xuân. Ngày 25 tháng năm, thu được cái chiến-tích hiển-hách hơn cả từ trước: trong một ngày đánh đổ được bốn cái tàu bay Đức. Cái chiến-tích đó thật trong lịch-sử nghề tàu bay dùng về việc binh mới có một, không có hai; nhân đó được thưởng-thụ Bắc-dầu-bội-tinh hạng tr.

Kể đến ngày 30 tháng tám năm 1917, trong hành-trạng quan ba GUYNER (Ghi-ne-me) biên đánh đổ được cả thảy 53 chiếc tàu bay Đức, được 25 lần tuyên-công cho toàn-quân và phải hai lần bị thương. Cứ thực thì cái số chiến-thắng còn nhiều hơn cái số trong hành-trạng nhiều, và chắc được đến ngót một trăm vậy. Đối với quân-lính quan ba GUYNER (Ghi-ne-me) có cái oai lạ. Cứ cái gương công-trạng của ông, có khi ông cứ xuất-hiện ra thôi, cũng đủ làm cho quân-lính phải phục-tòng. Hễ trông thấy mặt ông là quân-lính dũng-dược⁽¹⁾ cõ-võ⁽²⁾ vô-cùng. Hồi những trận công-kích⁽³⁾ lớn, ông cuồi lên máy, bay thâm-thấp tiến vào hàng trận Đức, đi tiên-phong cho các lớp bộ-binh (*vagues d'infanterie*) tràn theo sau.

(1) **Dũng-dược**, 踔躍 — Nhảy-nhót, vui mừng, sướng lắm. — TRANSPORTÉ D'ENTHOUSIASME.

(2) **Cõ-võ** 鼓舞 — Đánh trống và múa, vui mừng quá. — MANIFESTER SA JOIE, SON ENTHOUSIASME, ÉLAN D'ENTHOUSIASME.

(3) **Công-kích** 攻擊 — Xông vào đánh, tiến lên đánh. — ATTAQUER; ATTAQUE.

Tuy cái sức sinh-hoạt của ông mạnh mẽ lạ lùng, cái sức nhẫn-nại⁽¹⁾ cường-cường có một, trông hình-dạng bề ngoài yếu ớt tưởng không được đâu như thế, mà hơn hai năm ở trận-tiền, hằng ngày bay trên không đến bảy giờ mười giờ đồng-hồ, sức mạnh đến đâu mà lại được. Dầu cái phách-lực⁽²⁾ vẫn nguyên- vẹn mà cái thể-lực⁽³⁾ đã suy-mòn. Người nhà có xin với quan tư BROCARD (Bờ-rô-ca) nên để ông nghỉ ít lâu dưỡng sức, quan tư trả lời: « Không thể sao được ! Trong quân phải cần đến ông lắm, ông khuyến-kích quân lính giỏi quá ! »

Mỗi một cái chiến-tích của ông, tức là một sự kinh-mạo cái chết. Tám lần ông bị quay lông-lổc dơi tự trên không xuống đất, vào sau hàng trận Pháp. Ngày 13 tháng 3 năm 1916, bị quân địch bắn như mưa, phải hai viên đạn vào cánh tay trái, còn cái máy của ông thì tan-tành ra từng mảnh, đập tứ tung vào mặt.

Ông kinh-mạo sự nguy-hiêm đã lắm, người ngoài tưởng ông không khi nào bị hại được. Tự hạ-tuần tháng bảy năm 1917, ông tòng-quân ở đất Flandres (Phờ-lăng) để theo đánh công-thể với quân Pháp-Anh (*offensive franco-britannique*). Ngày mồng 6 tháng chín, đánh đổ được cái tàu bay Đức thứ 54, tức là cái chiến-tích⁽⁴⁾ sau cùng của ông. Ngày 11 tháng chín, buổi sớm, ông đi tuần-sát. Cứ như lời quan hai BOZON-VERDURAZ (Bô-dông-Ve-đu-lát) bữa đó cùng đi tuần với ông, thì ước vào khoảng 9 giờ 35 phút, ông

trông thấy một cái máy bay của quân địch, bèn đâm thẳng vào đánh, hằng-hái như thường. Vụt chốc thấy trong đám sương mù có mấy cái máy bay Đức khác đâm xô ra chạy lại cứu cái máy của anh em bạn bị đánh. Quan hai BOZON-VERDURAZ (Bô-dông-Ve-đu-lát) biết sự nguy-hiêm cho GUYNEMER (Ghi-nơ-me) đâm thẳng vào công-kích mấy quân địch mới ấy, đuổi được tan. Xong rồi quay về đi tìm bạn mình, chạy ngược chạy xuôi trong cái bề mây vô-hạn, nhìn đằng trước nhận đằng sau, không thấy đâu cả, thì ra GUYNEMER (Ghi-nơ-me) cả người cả máy đã biến đi đâu mất rồi. Một người bạn võ-sĩ với ông là ông RENAUD DE LA FRÉGEOLIERE (Rơ-nô-đờ-la-Phờ-lê-giô-li-e) tả cái chết li-kỳ ấy đã có câu rằng : « Bình-sinh ông đã được cái thần Vinh-dự chiều-chuộng tới thế, đến lúc cùng-tận chết một cách u-âm huyền-bí như vậy, cái thần Vinh-dự cũng không bỏ và muốn cắp vào cánh mang đi cho xa. Trời kia mệnh-mông như mặt bẻ, có cái thú lạ thường, làm cho ông bênh-hồng trong bấy nhiêu lâu, nay lại đem cái sóng sương-mù mà cuốn ông lại, trôi chảy đi đâu, hình như không muốn trả lại cái đất kia đứa con yêu quý của mình... »

Ấy sự-nghiệp ông GUYNEMER (Ghi-nơ-me) cùng-tận như vậy, như rực-rỡ những vẻ thanh-xuân, thơm-tho những mùi chính-khi, một đời kết-cục trong một cuộc chiến-đấu trên không. Oanh-liệt thay !

PHẠM QUỲNH dịch sách tày

(1) Nhẫn-nại 忍耐 — Kiên nhẫn chịu được lao khổ. — ENDURANCE.

(2) Phách-lực 魄力 — Sức mạnh vô-hình, sức mạnh của tâm-hồn. — ENERGIE, VIGUEUR MORALE.

(3) Thể-lực 體力 — Sức mạnh của thân-thể. — FORCES PHYSIQUES, VIGUEUR DU CORPS.

(4) Chiến-tích 戰績 — Công đánh trận giỏi, đánh trận được thành công. — EXPLOIT, SUCCÈS GUERRIER.

NAM-ÂM THI-VĂN KHẢO-BIỆN

Văn-chương quốc-âm nước ta, tuy bắt chước Tàu mà làm ra cũng nhiều lối, nhưng có lối riêng hẳn của ta là lối *thượng lục hạ bát* ⁽¹⁾, đó mới thực là thơ quốc-phong ⁽²⁾ của tổ-quốc ta truyền lại đã từ mấy ngàn năm nay.

Hoặc có kẻ bảo là bắt chước những câu trong kinh truyện sử Tàu mà đặt ra, như kinh Dịch : « Lục tam hàm chương khả trình 六三含章可貞, hoặc tòng vương sự vô thành hữu chung 或從王事無成有終 »; Truyện Trung-dung : « Phù thủy nhất thực chi đa 夫水一勺之多, cập kỳ bất trắc ngoan dà giao long 及其不測窟躍蛟龍 »; Tống-sử : « Đế dĩ Sái-Sác hữu công 帝以蔡確有功, Sử chi tòng tự Thần-tôn miếu đình 使之從祀神尊廟庭. »

Người ta viện-dẫn ⁽³⁾ những câu đó bảo là lối *lục-bát* bắt chước từ đó mà làm ra. Nhưng cũng là viện-dẫn vơ-váo, chớ không dám chắc.

Lối *lục-bát* này hiệp theo văn bằng, có *giao-vận* là vần ở lưng chừng câu dưới chữ thứ sáu; có *cước-vận* là vần ở chân hai câu, âm-hưởng ⁽⁴⁾ cực kỳ tự-nhiên, không thể đặt ép được. xem như các câu ca-dao thì biết.

I

Ca-dao có câu :

Nhiều điều bực lấy giá gương,
Người trong một nước ⁽⁵⁾ phải thương
[nhau cùng.

Trương-truyền câu này xuất-hiện từ đời bà Trưng-vương tuyên-bá ⁽⁶⁾ ra đề khuyên bảo người trong một nước. Tuy không lấy gì làm chắc, nhưng xem như hai bà Trưng-vương mà đánh đuổi được Tô Định là quan Tàu tàn-bạo, đối địch được với Mã Viện là tướng Tàu quắc-thước ⁽⁷⁾; thế thì biết cái dải nhiều điều của nòi Hồng-Lạc ta, thực là dải đồng-tâm tương-thân tương-ái mà lại là một cái gương để một nước soi chung. Vậy thì cho câu ấy xuất-hiện ra từ thời ấy cũng là phải.

II

Tay cầm bán-nguyệt xênh-xang,
Muôn nghìn cây cỏ lai hàng làm tôi.

Câu này tương-truyền là của bà Lê-hoàng-hậu vợ vua Lý Thánh-tôn. Bà người làng Thổ-lôi ⁽⁸⁾ huyện Văn-giang, khi còn hàn-vi ⁽⁹⁾ đi sang thành Thăng-long gặp cỏ, gặp khi vua Thánh-tôn vi-hành ⁽¹⁰⁾ nghe

(1) Thượng lục hạ bát 上六下八, là đặt câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ.

(2) Quốc-phong 國風, là thơ ca trong nước, mà tổ bày được phong-tục trong một nước.

(3) Viện dẫn 援引, nghĩa là vin lấy những câu văn cũ, điển-tích cũ, mà dẫn làm chứng cứ.

(4) Âm hưởng 音響, là tiếng vang, tiếng ngâm đọc vang lên, không có chúc chắc.

(5) Có người đọc là « một họ ».

(6) Tuyên bá 宣布, nghĩa là đem bá-cáo cho rõ rệt, cho ai cũng được biết.

(7) Quắc-thước 矍鑠, là khỏe mạnh, vua Quang-Vũ khen Mã-Viện là : Quắc-thước tai thị ông 矍鑠哉是翁, nghĩa là ông già mà còn khỏe.

(8) Bấy giờ là làng Thổ-khôi 土塊 thuộc Bắc-ninh.

(9) Hàn vi 寒微, là khi còn hàn hạ nhỏ mọn.

(10) Vi-hành 微行, là đi kết lén, bận quần áo thường mà đi không cho ai biết là vua.

tiếng bà hát câu ấy lấy làm lạ, bèn vờ vào cung gọi là « Ý-lan phu-nhân » 倚蘭夫人 (1) sau lập làm Hoàng-hậu. Thế thì bà hát câu ấy thực là khâu-khí (2) lạ thường, Người xinh thì tiếng cũng thanh, chuông kêu đánh ở góc thành cũng kêu, ai bảo không phải khí-tượng bà mẫu-hậu.

Nhưng lại có người truyền câu ấy là của bà chúa người Xuân-tảo phủ Hoài-Đức 懷德 hoặc bảo là của bà chúa Mía người Sơn-tây. Song xét trong tập Hải-dương-địa-chí 海陽地志, từ khi nhà Kinh-lược sức cho các phủ huyện kê-khai thi-truyền là của bà Nguyễn-Dung, người làng An-đêm huyện Cẩm-giang, sau lấy chúa Trịnh, hơn 10 năm, không có sinh-dục gì, được tứ-hiệu (3) là Xuân-dung, tặng cho 200 mẫu lộc-diên (4) và chuẩn cho hồi-quán Trong Địa-chí lại chép đủ cả câu hát ấy như sau này :

Ta cầm bán nguyệt xénh xang,
Muôn cây nghìn cổ lai hàng tận tay.
Giang sơn một gánh chất đầy,
Đường-Ngu thảo mộc tới ngay đến nhà.

Xem thế thì các câu ca giao truyền tụng, mỗi người truyền một khác ; muốn xét cho biết đích-sắc thuộc về đời nào, vì làm sao mà có câu ấy, thì cũng chưa có thể biết hết cho đích-sắc được.

Nay tôi xin xét từ đời Trần trở xuống, đại khái trình-độ văn quốc-âm khá lược chia làm ba thời-đại :

- 1° Phôi-thai thời-đại (5),
- 2° Phát-đạt thời-đại (6),
- 3° Toàn-thịnh thời-đại (7).

sẽ lần lượt kê ra sau này.

Ông HÀN THUYỀN 韓詮 ở về đời Trần Nhân-tôn (1255) có làm bài văn tế cá-sấu ở sông Phú-lương (8) thì lối văn Hàn-luật (9) mới khởi-điềm ra từ đó, mà lối thơ phú sau ông Hàn lại có ông NGUYỄN SĨ-CỐ 阮士固 (10) lại càng xướng-phát thêm cho lối quốc-âm ta.

Vậy thì trước khi chưa có Hàn-luật chỉ có những câu ca-dao, mới thật là tiếng hoàng-chung đại-lã riêng một giọng thơ thiên-nhiên của nước Nam ta. Sau khi đã đã có Hàn-luật thì mới có những luật ngũ ngôn thất ngôn, câu thơ câu phú là lối bắt chước tự văn Tàu.

(1) Xét trong sử thì nói bà hái dâu, đứng trong bụi cỏ lau, nên mới gọi là « Ý-lan phu-nhân ». Trong truyền bà chính là cô Tấm, từng ở truyện Tấm Cám.

(2) Khâu-khí 口氣 là khí phách nói ra miệng.

(3) Tứ-hiệu 賜號 là vua đặt tên hiệu ban cho.

(4) Lộc-diên 祿田 là ruộng vua ban cho để làm bổng lộc riêng của mình.

(5) Phôi thai thời đại 胚胎辰代 là lúc mới phôi phác thành thai chứa được phát-đạt lắm.

(6) Phát đạt thời đại 發達辰代 là lúc mở mang rộng thêm ra.

(7) Toàn thịnh thời đại 全盛辰代 là lúc đã thịnh vượng toàn vẹn.

(8) Tức là sông Nhị-hà.

(9) Hàn-luật 韓律 là luật văn thơ của họ Hàn. Vì ông Nguyễn-Thuyền 阮詮 làm văn nôm đề tế cá sấu, cũng giống như truyện ông Hàn-Dũ ở đời Đường, vua Nhân-tôn mới cho đổi theo họ Hàn. Nước ta làm văn nôm từ ông Hàn-Thuyền trước nhất, nên sau này ai làm văn nôm cũng gọi là Hàn luật.

(10) Ông ở về đời Trần Anh-tôn 陳英尊, tài làm văn thơ nôm.

(11) Hoàng-chung đại lã 黃鐘大呂 là tên hai ống luật lã, phát ra thanh-âm bởi hai ống ấy trước.

Nhưng tiếc thay văn-chương quốc-âm các đời truyền lại rất là mờ-hồ (1), hoặc có câu mới nghe thầy đồ hàng Gai ngâm lời mà đã truyền là của cụ Thượng Trứ; hoặc có câu vừa thấy chị ở hàng Thao bốn cột mà đã bảo là của cô Hồ Xuân-Hương; sự vừa mới đây còn như thế, huống chi những câu văn tự mấy trăm năm về trước, còn biết đâu mà xét ro là Trần-văn, Lý-văn hay là Lê-văn.

III

Xét trong Trần-sử, ông TRẦN KHÁNH-DU 陳慶餘 là tôn-thất nhà Trần, phong trước Nhân-huệ-vương, vì phải cách chức, ra ở Tri-linh (2) đốt củi bán than, thường ngâm câu rằng :

*Một gánh kiền khôn quẩy xuống ngàn,
Hỏi chi bán đấy gửi rằng than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.
Ơ vôi lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đá sắt có bền gan.
Nghĩ mình diên đảo toan nghề khác,
Nhưng lệ trời kia lắm kẻ hàn.*

Khi ấy có giặc Nguyên sang xâm, các vương-hầu hội cả ở Lục-đầu-giang (3) bàn định việc binh, ông nhân chở thuyền than qua dưới bến sông, vua Nhân-tôn cho gọi lại dự bàn việc binh, bèn phục chức cho ra giữ Văn-đôn (4). Ông phục binh đánh cướp được thuyền lương của Trương Văn-Hồ, quân Nguyễn hết lương, vì thế Hưng-đạo-vương mới đánh tan được.

Xem thế thì ông không những là một tay tướng giỏi, mà lại là một tay văn hay, có khí-phách, có can-đảm.

Nhưng vị-tất bài thơ trên này đã hẳn là khởi-xương ra trước khi chưa có Hàn-luật, nếu vậy thì thực là một bài thơ tối-cổ tự đời Trần. Nếu mới phụ-họa (5) ra sau khi đã có Hàn-luật rồi, thì phải nhường cụ Hàn-Thuyên là tị-tổ (6) văn quốc-âm; mà đời Trần Nhân-tôn chính là lúc thơ phú bằng quốc âm thuộc về *phôi-thai thời-dại vậy*.

IV

Trần-Lý trở về trước ta không thể xét cho rõ được, nhưng về phần văn Lê truyền lại thì còn có thể xét mà biết được. Như những câu ca-đạo nói về việc khuyên chồng học-hành thi-cử trương-truyền là tự Lê.

*Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dặt củi canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm,
Trình anh giấy học chờ nằm làm chi!
Nửa mai chứa mở khoa thi,
Bảng vàng rờ rờ kia đề tên anh.
Bỏ công cha mẹ sắm sanh,
Tiền lưng gạo túi cho anh vào trường.
Nghỉ-vệ (7) đóng hai bên dằng,
Võng anh đi trước võng nàng đi sau.
Kẻ chiêng người trống đua nhau,
Tiếng khoan rộn rịp tiếng mau rập rình.
Rước vinh-qui về bái-tổ (8),
Ngả trâu bò làm lễ tế thần.
Đề cho bảy huyện nhơn dân,
No say được đội hoàng-ân từ rầy.*

(1) Mờ hồ 模糊 là hàm hồ mờ phỏng không biết đích xác.

(2) Tên huyện, thuộc Hải-dương.

(3) Thuộc Phả-lại tỉnh Hải-dương.

(4) Bây giờ sáp nhập vào huyện Hoàn-hồ, thuộc Quảng-yên.

(5) Phụ họa 附和 là xướng họa phụ thêm vào.

(6) Tị tổ 鼻祖 là ông tổ đầu, người xướng ra đầu tiên.

(7) Nghi vệ 儀衛 là uy nghi hộ vệ đi theo hầu.

(8) Vinh qui 榮歸 là khi đỗ được đón rước về quê nhà về vang lừng. Bái tổ 拜祖 là làm lễ cúng tế tổ tiên.

Xem những câu ấy thì biết đích rằng văn về thời Lê đương khi sùng-bái (1) sự học khoa cử rất thịnh.

Lại như câu nói về việc canh-nông :

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai giồng đậu giồng khoai giồng
[cà.

Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ra hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi tậu trâu bò,
Đề cho ta lại làm mùa tháng năm.
Sớm ngày đem lúa ra ngâm.
Bao giờ mọc mầm ta sẽ nhổ ra.

Gánh đi ra ném ruộng ta,
Đến khi nên mạ thì ta nhổ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới gở về nghỉ ngơi.
Cổ lúa làm đã sạch rồi,
Nước ruộng voi mười còn độ một hai.

Cao thời đóng một gầu giai,
Lúa thấp thời lại đóng hai gầu sòng.
Đề cho lúa có dòng dòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Xem đó thì biết nước ta là một nước canh-nông. xưa nay chỉ chăm chú về việc nông-gia cần-khố, lời văn rất là thật thà hồn hậu, rõ tả ra tư-cách nhà nông-dân.

Những câu ca-dao ấy mới thực là tự ông thiên-lai-phát-thanh (2), mà thành ra một giọng thanh-âm Nam-Việt.

V

Sau đời Trần-mạt sang đời Lê-sơ, thì có cụ NGUYỄN TRÃI 阮 廌, hiệu là Ước-trai-

tiên-sinh theo vua Lê Thái-tổ giúp việc quân-trung từ-mệnh (3) rất có công to. Cụ có theo lối ca-dao lục bát mà đặt ra nhiều bài ca rất là có ích, như bài cha dạy con :

Ở cho phải có nhân-nghì,
Thơ danh vả lại làm bia miệng người.

Bài vợ khuyên chồng :
Thiếp xin chàng chớ đam dâm,
Những nơi cò bạc chớ lăm lăm gì.

Bài thầy khuyên trò :
Học cho hi thánh hi hiền (4),
Việc gì thông biết phải phiên lụy ai.

Đó là lược-trích những câu ở trong tập *Nguyễn-Trãi gia-huấn*, thì biết rằng cụ thực lưu-tâm về việc diễn ca quốc-âm để khuyên bảo đàn bà trẻ con cho ai nấy cũng dễ hiểu. Tập *Gia-huấn ca* ấy lời rất bình-dị, thật là có bổ-ích về đường phong-hóa nước ta.

Còn như tục truyền khi cụ đi châu về gặp nàng Thị-Lộ, cụ đọc câu thơ mà hỏi rằng :

Á ở đâu nay bán chiếu gòn ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân thu nay độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ?

Thị-Lộ đáp rằng :
Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gòn,
Nồi chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân-thu nay mới trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, hỏi chi con.

(1) Sùng bái 崇拜 là tôn trọng quý hóa.

(2) Thiên lai phát thanh 天籟發聲; là cái ống sáo trời khi gió thì phát tiếng ra, đó là tiếng tự nhiên.

(3) Quân trung từ mệnh 軍中詞命 là những tờ bồi mệnh lệnh về việc quân.

(4) Hi thánh hi hiền 希聖希賢 là học bắt chước mong bằng ông thánh ông hiền.

Thiệt-tướng những sự huyền-hoặc⁽¹⁾, những câu thơ du-hí⁽²⁾ ấy, chẳng qua là những nhà hiếu-sự phụ-họa bịa đặt thêm ra, chớ không nên chấp chệnh những câu ấy mà vu cho các bậc tiền-bối⁽³⁾.

VI

Sự văn-chương nước ta đến đời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) là thời văn-chương cực thịnh, nào là lập ra « tao-đàn-nguyên-sứ »⁽⁴⁾, nào là chế ra « quỳnh-uyên-cử-ca »⁽⁵⁾, lúc rồi ngài lại thường ngâm-vịnh văn thơ, có chép thành ra tập *Thiên-nam dư-hạ*⁽⁶⁾, nay xin trích một vài bài truyền tụng như sau này :

1^o Tiên sứ-thần

Danh thơm lương-sứ⁽⁷⁾ nẻo xưa còn,
Cừu-đái⁽⁸⁾ nay nên tạc tức son.
Khiên-quyền⁽⁹⁾ tư-án lòng thể-thái,
Ân-cần công-nghĩa đạo tôi con.
Phượng-tiên⁽¹⁰⁾ năm năm niêm khuya
[sớm,
Long-tiết⁽¹¹⁾ chăm chăm trái nước non.
Tế-sự một mai ca *Tứ-mẫu*⁽¹²⁾,
Công-danh hai chữ vẹn vương tròn.

Bài này lời lẽ trang-nghiêm, rõ ra văn-cầm-tú⁽¹³⁾, giọng ti-luân⁽¹⁴⁾; lại hay thể-

tất⁽¹⁵⁾ bụng kẻ sứ-thần, khác nào ngâm câu Hoàng-hoa⁽¹⁶⁾ mà tiền đưa người muôn dặm.

2^o Dệt vải

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vải phải lên ngôi gờ môi giương.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Gót vàng giậm đạp máy âm dương.

Bài này thật tả ra một vị quân-vương có lòng đại-độ thương dân.

3^o Con cóc

Bác mẹ sanh ra vốn áo chồi,
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.
Tép miêng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyễn động bốn phương
[trời.

Thử đọc bốn câu thơ này thì rõ ra khi-trọng một vị thái-bình-thiên-tử, ngồi rủ áo xiêm ở chốn thâm-cung mà uy-quyền lừng lẫy cả bốn bề.

Thi ca quốc-âm ta, đến đời vua Lê Thánh-tôn xem thể thì tướng đã phát-đạt nhiều lắm, tuy từ lúc Lê mới khai-sáng, mở ra nền Lê-văn đã có cụ NGUYỄN-TRÃI, rồi lại có vua Thánh-tôn, trong bốn mươi

(1) Huyền-hoặc 玄惑 là mờ mịt nghi hoặc không chắc tin.

(2) Du-hí 遊戲 là chơi bời nhảm nhí.

(3) Tiên-bối 前輩 là lũ trước, các bậc hiền-giả đời trước.

(4) Tao-đàn nguyên sứ 騷壇元帥 là một ông chủ tọa ở trong đám làm văn thơ; tức là vua Thánh-tôn.

(5) Quỳnh-uyên cử ca 瓊苑九歌 là chín bài ca ở chốn Quỳnh-uyên.

(6) Thiên-nam dư hạ 天南餘暇 là tên một quyển sách chép văn thơ của vua Thánh-tôn.

(7) Lương-sứ 良使 là một người đi sứ giỏi.

(8) Cừu-đái 裘帶 là áo cừu và đai măng. Ông Công-Tây-Xích khi xưa mặc áo khinh-cửu đeo măng đi xứ nước Tề.

(9) Khiên-quyền 纒綰 nghĩa là quấn quít, văn vương.

(10) Phượng-tiên 鳳箋 là tờ chiếu vẽ con phượng.

(11) Long-tiết 龍節 là cờ tiết-mao của vua ban cho sứ-thần.

(12) Tế-sự 濟事 là giúp nên việc. Tứ mẫu 四牡 là thơ ở kinh Thi, lời vua ủy-lạo kẻ sứ-thần.

(13) Cầm-tú 錦繡 là gấm vóc.

(14) Ti luân 絲綸 là tơ sợi, vì lời chiếu dụ của vua, nói nhỏ như tơ, rồi to ra như sợi.

(15) Thể-át 體悉 là thể biết cái tình riêng của sứ-thần, mà xử thật chu-tất.

(16) Hoàng-hoa 皇華 là thơ ở kinh Thi, lời vua tiễn kẻ sứ-thần.

năm trời (1428-1470), nào là câu ngâm-
vịnh chốn nho-lâm (1), nào là câu ca-dao
ngoài thảo-dã (2), không thể nào khảo-cứu
cho hết được, nhưng từ lúc ấy đã đắp
thành cái nền ca-đàn thi-xã (3) văn quốc-
âm.

VII

Kể sau vua Lê Thánh-tôn, thì có cụ
Trạng Trình là NGUYỄN BÌNH - KHIÊM
阮秉謙 tiên-sinh xuất-thế. Cụ sinh
năm Lê Hồng-đức (1492), đỗ năm Mạc
Đại-chính (1536), hiệu là Bạch-vân-cư-sĩ,
tinh thông lý-học (4), thường hay đi du-
lâm (5), ngâm vịnh rất nhiều, phàm những
câu sấm câu thơ nhiều câu toàn dụng
quốc-âm cả, nay hãy còn truyền lại bộ
Bạch-vân thi-tập (6).

Khi cụ về trí-sĩ ở Bạch-vân-am (7), thường
hay ngâm vịnh cảnh nhân, nay hãy lục
ra một vài bài như sau này :

1

Lần lữa ngày qua lại tháng qua,
Một phen xuân tới một phen già,
Ai-ưu vắng vắng trắng in nước,
Danh-lợi lằng lằng gió thổi hoa.
Ấn sách vẫn còn ấn sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.

2

Được thua thấy đã rất nhiều phen,
Đề xẻ công danh đổi lấy nhân.

Am Bạch-vân rồi nhàn-hững,
Dặm hồng-trần vắng ngại chen.
Ngày chầy hợp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.
Chớ chớ thờ ơ nhìn mới biết,
Đổ thời sơn đổ mực thời đen.

3

Chửa dễ ai là but Thích-ca,
Mọi niềm nhơn ngã (8) nhần thời qua.
Lòng vô-sự trắng in nước,
Của thẳng-lai (9) gió thổi hoa.
Kìa khách xuân xanh khi trẻ,
Mấy người đầu bạc tuổi già.
Thanh-nhàn ấy ắt là tiên-khách,
Được thú ta đã có thú ta.

Những bài thơ trên này có bài chỉ có
sáu câu, có câu theo lối lục-ngôn chỉ đặt
có sáu chữ, mà từ-điệu bình-dị (10), phong-
thú cao-thượng (11), không khác gì giọng
thơ cụ Đào-Tiềm, câu ngâm ông Thiệu-
tử. Thế thì cụ không những là một nhà
lý-học, mà lại là một cái nêu xích-xi (12)
chốn văn-đàn (13), để làm tiêu-biểu (14) cho
văn Lê thời cực-thịnh.

VIII

Kể đến thời nhà Mạc trong năm Quang-
bảo (1554) có ông Trạng-nguyên PHẠM-
TRẤN 范鎮, BẮNG-nhân ĐỒ-ÔNG, hai ông
cùng đỗ một khoa. khi về vinh-qui, Trạng
Bằng cùng về một đường, đi qua cầu

(1) Nho-lâm 儒林, là chỗ nhiều người văn nho đông như rừng.

(2) Thảo-dã 草野, là chốn đồng cỏ, chốn nhà quê.

(3) Ca-đàn thi-xã 歌壇詩社, là chốn đàn vịnh ca, chốn họp nhau lại để làm thi ca.

(4) Lý-học 理學, là học về lý số.

(5) Du-lâm 遊覽, là đi chơi xem các nơi danh thắng.

(6) Bạch-vân thi-tập 白雲詩集, là một bộ thơ quốc-âm của cụ thường ngâm vịnh cảnh nhân, ước độ 100 bài, đã sao lục ra rồi, nhưng nguyên bản chữ nôm còn sai lầm chửa hiểu hết, sẽ khảo cứu in lần theo sau.

(7) Bạch-vân-am 白雲庵, là nơi nhà riêng của cụ ở quê nhà.

(8) Nhơn-ngã 人我, là người với ta, là lòng tư tui phân biệt người với ta.

(9) Thẳng-lai 倘來, là lại thoảng một lát rồi lại như không, là không phải của của mình.

(10) Từ-điệu bình-dị 辭調平易, là lời thơ điệu thơ dễ dàng.

(11) Phong-thú cao-thượng 風趣高尚, là lý thú trong bài thơ, có ý cao xa hơn người.

(12) Xích-xi 赤幟, là ngọn cờ đỏ.

(13) Văn-đàn 文壇, là đám họp nhau làm văn thơ.

(14) Tiêu-biểu 標表, là cái nêu dựng cao.

Cốc, làng Đoàn-lâm (1), trong cầu có cô con gái tên là Loan ngồi bán hàng. Trạng Bảng mới đỗ nhau làm bài thơ : « Cô Loan bán hàng cầu Cốc », hạn mỗi câu phải hai tiếng thuộc về giống cầm ; hễ ai qua cầu đọc xong trước, thì nhường đi trước. PHẠM TRẦN ngâm xong trước, thơ rằng :

*Quai vạc đôi bên cánh phụng phong,
Giở giàng bán chác tựa đồ công
Xanh le mở khếp nem hồng mới,
Bạc ác phô phang rượu vịt nồng.
vân vân... (2)*

Xem đó thì văn-chương thời bấy giờ đã điêu-luyện tinh-sảo (3) lắm, nào le nào vịt, nào phụng nào hồng, chọi chát nhau từng chữ, thực đã đưa lối quốc-văn vào đường vẽ rồng chạm phụng, chẳng khác gì lối Hán-văn khắc-trịện điêu-trùng (4).

IX

Nói về ông LÊ QUI-ĐÔN 黎貴敦, quê ở làng Diên-hà, phủ Thái-bình (bây giờ đặt thành tỉnh). Khi nhỏ thông minh khác thường, mới sáu bảy tuổi đã biết làm thơ làm văn. Một hôm có một ông quan đến chơi nhà ông Trung-hiếu-công là ông thân-sinh ra Qui-Đôn, thấy Qui Đôn nghịch ngợm, bèn quở mắng rằng : « Mày là thằng rắn đầu rắn cồ, phải làm bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn ».

Qui-Đôn vâng lời làm một bài rằng :
*Chẳng phải liu diu vẫn giống nhà,
Rắn mà chẳng học chẳng ai tha.*

*Thẹn dèn hồ lửa đau lòng mẹ,
Nay thết mai găm rết cồ cha.
Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lẩn lung cam chịu tiếng roi tra.
Tự rầy Châu Lỗ (5) chăm nghề học,
Chớ dè người ta (6) tiếng thê-gia.*

Ông quan thấy Qui-Đôn còn ít tuổi mà văn chương tài-hoa, khen nức nở mãi. Sau Qui-Đôn 18 tuổi thi đỗ Thủ-khoa, rồi thi đình đỗ Bảng-nhân trong năm Cảnh-hưng thứ mười ba (1752). Ông có làm ra nhiều sách, như là : *Thánh-mô-hiền-phạm-lục, Kim-kinh-lục-chủ, Hoàng-Việt-văn-hải, Văn-dài-loại-ngữ, Kiến-văn-tiên-lục, Thái-ất-quái-vận, Lục-nhâm-hội-thông, Kim-cương-kinh-chủ-giải, Quần-thư-khảo-biên, vân vân...* Còn về phần văn quốc-âm thì tương-truyền ông có soạn ra bài tinh nghĩa : « Tất kinh tất giới, vô vi phư tử (7) », bài văn sách hỏi về mục : « Lấy chồng cho đáng tầm chồng, bõ công trang diêm má hồng răng đen. » Những bài này tôi đã biên tập ra quyển *Cổ-xúy-nguyên-âm* (8) thứ hai, xem ra lời lẽ rất hay, tuy theo thể cách văn Tàu, mà dùng toàn câu phương-ngôn tục-ngữ, đặt ra thành văn, cũng chẳng kém gì văn Hán tự, xem thể thì biết rằng tiếng quốc-âm ta muốn làm theo lối văn nào cũng được mà cũng hay ; lại đủ chứng rằng văn thời Lê đến đây chính là lúc *văn quốc-âm phát đạt thời đại*.

X

Đến đời cuối Lê, Tây-sơn ra tàn phá thành Thăng-long, vua Lê không có quyền-

(1) Bây giờ thuộc huyện Thanh-miền tỉnh Hải-dương.

(2) Bài thơ đủ 8 câu, nhưng còn truyền lại 4 câu.

(3) Điêu-luyện tinh-sảo 雕鍊精巧 là chạm kẻ, rèn đúc, thật tinh thật khéo.

(4) Khắc trịện điêu trùng 刻篆雕虫, nghĩa là khắc ra hàng chữ trịện, chạm ra hình con xâu, là nói làm văn dụng công ỉ mỹ.

(5) Châu 鄒 là chỗ ông Mạnh-Tử ở ; Lỗ 魯 là nước quê hương ông Khổng-Tử.

(6) Chữ *ta* hoặc là *chê*.

(7) Là lời mẹ răn con gái : phải nên kính rắn, không nên trái ý chồng.

(8) Quyển này đã in ra bản chữ Quốc-ngữ, bán tại hiệu Đông kinh ấn-quán số 16 hàng Bông Hà-nội.

bính gì nữa. Nên ông PHẠM-THẤU 范湊 đi qua cửa Ngũ-môn (1), trông thấy con rồng đá, cảm-hứng mà ngâm rằng :

*Chợt qua năm cửa động lòng thơ,
Rồng đá sao rày gọi tiếng thưa ?
Nền-nếp vẫn còn nền nếp cũ,
Lê-văn sao khác Lê-văn xưa ?
Ý nhân thiên-tử thời châu sớm,
Hay bởi đinh-thần mới thức trưa ?
Nào kể mây mưa duyên khổ trước,
Tôn Chu (2) nghĩa cả khéo thờ ơ.*

Đó là bài thơ hoài-cổ (3), lời lẽ mát mẻ, ý tứ sâu, xem đó thì biết vận nhà Lê đã gần ngày kết-cục. Vậy xem giọng văn khi buồn, khi tẻ, khi vui, khi cười, cũng đủ biết được vận nước suy hay là thịnh, ai bảo rằng nôm na mách qué, không có quan-hệ gì hay sao ?

Nói tóm lại thì ở về đời Lê-quí(4) cũng nhiều người văn-nhân học-sĩ tài văn quốc-âm, như về đời Vĩnh-khánh (1731) có ông NGUYỄN BA-LÂN 阮伯璘 người Cổ-đô Sơn-tây làm ra bài phú *Trương-lưu-hầu* ; ở về đời Long-đức (1732), thì có ông Thái-học-sinh ĐẶNG TRẦN-CÔN 鄧陳琨 người Nhân-mục Hà-nội, làm ra bài *Chinh-phụ-ngâm*, mà bà NGUYỄN THỊ-ĐIỀM 阮氏點 thì diễn thành ca quốc-âm ; ở về đời Cảnh-hưng 景興 (1769) thì có ông NGUYỄN ĐÌNH-TỔ 阮廷儔 người Bình-dầu Hải-dương, làm ra bài tán ông Tiên-sĩ, cùng là ông NGUYỄN HỮU-CHÍNH 阮有整 làm ra thơ *Cung-oản*, phú *Quách-tử-Nghi*, *Trương-vĩnh-Hầu* làm ra phú *Tây-hồ*. Kể biết bao nhiêu người tài giỏi văn quốc-âm, mà biết bao bài văn quốc-âm truyền tụng, không thể sao kể cho xiết được.

Nhưng sau này hãy kể lược một vài bài cổ thể giúp về đường khảo-cứu (5) được thì cũng hay.

XI

Nay xin lược-trích bài văn tán ông Tiên-sĩ rằng :

Khi ra đường thì : Lọng rạp-rình đôi, võng đan-diu bảy.

Gậy xừng hươu vác trước nghênh-ngang, giáo cổ ngông xưa nhau lập-lấy.

Trống tiêu-cổ tung-tung lừng giọng hát, trời nghiêng một góc tung-bừng.

Quán tiền-hồ chánh-chánh thét ra oai, người đẹp đôi bên thây thây.

Kể đi đường phải nghiêng nón đạo quanh, người ngồi quán phải nếp lưng đứng dậy.

Khi vào châu thì : Nghiêm-trang mới dám, uy-vệ càng gia.

Dai mắt ngọc sáng lừng đủng-đĩnh, ủng mũi ngạo cong vắt nhớn-nhờ.

Đầu đội mũ đồng-cán, phẳng phất ngắm hình khác nào bụt hiện.

Lưng đeo tấm bố-tử, thướt-tha xem nhường quá ngõ tiên sa.

Khi ra, vâng chịu mệnh vua, sửa sang việc nước.

Kinh luân mặc sức dầm dng, khôn khéo ra tay mực thước.

Thét một tiếng gian tà co cở, ai nào dám he.

Quát một điều nha-dịch cau mày, người nào dám lược.

Bài này của ông Nguyễn Đình-Tổ rõ tả ra cái tư-cách cái uy-vọng (6) các cụ nghệ đời Cổ-Lê, cũng đủ làm một bài kê-cứu lịch-sử tiên-sĩ về triều Lê-quí.

(1) Ngũ-môn 五門 là năm cửa ở trước nhà Kinh-thiên kinh thành Thăng-long, chỗ các quan vào châu vua khi xưa.

(2) Tôn-Chu 尊周 là tôn phủ nhà Chu, tí như là tôn nhà Lê.

(3) Hoài-cổ 懷古 là ý nhớ đời xưa, thương cảnh cũ.

(4) Lê-quí 黎季 là cuối đời Lê.

(5) Khảo-cứu 攷究 là tra xét, kê-cứu sự tích cũ.

(6) Uy-vọng 威望 là uy nghi trông rất trọng vọng.

XII

Tây-hồ là nơi thắng-cảnh thành Thăng-long, xưa nay văn-nhân tài-tử đề vịnh biết bao nhiêu là văn thơ tức cảnh, nay xin lược trích bài phú tả cảnh Tây-hồ như sau này :

Xinh thay cảnh Tây-hồ, lạ thay cảnh Tây-hồ ! Dám nhớ thửa đất chia chín cõi, nghe rằng đây đá mọc một khu.

Trước bạch-hồ (1) ở đấy làm hang, Long-quân (2) gáy nên vùng đại-trạch (3).

Sau kim-ngưu (4) chạy về đây hóa vực, Cao-vương (5) dầm thắm mạch hoàng-dó (6),

Tên nghe gọi rằng dầm Lãng-bạc (7) cảnh ngắm in tinh-chử băng-hồ (8)

Sắc rờn rờn nhuộm thức lam xanh, ngộ động bích chầy lên dòng leo-lẻo.

Hình rợn rợn uốn vòng cầu bạc, tưởng-vương ngàn rơi xuống mảnh từ-từ

Hơn nghìn mẫu nước trời lẫn sắc, trải bốn bên hoa cỏ quen mùa.

Vùng đất giỗ mổ phương còn in, kể rằng đài « Thượng-nguyệt » (9)

Bóng nước vắt hàm rồng chẳng cạn người gọi chén « trung-tổ » (10).

Tòa thạch-tháp (11) nọ, nơi tiên đề bán, chốn thờ-dôi (12) kia lỗ khách chôn bùa

Đền Mục-lang (13) hương khói chẳng đời, tay lưới phệp hãy ghi công bắt hồ.

Quán Trấn-vô (14) nắng swong nào chuyền, lưới gươm thần còn để dấu chêm rùa.

Kìa quán Thiên-niên dầm-dắp, kìa ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhò.

Trông mơ-màng nhường linh Thửu (15) nơi kia, ba lỗ thước (16) cuối làng kêu chip-chip.

Nghe phảng-phất ngõ động hoa mái nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o-o.

Bài này là của ông Trương-vĩnh-hầu 張永侯 làm ra từ đời Tây-sơn Bảo-hưng (1801), đến bây giờ xem đi xem lại, chẳng khác gì một bức tranh thủy-mạc họa cảnh Tây-hồ, trăm năm nét mực như in, dấu trải qua mấy cuộc tang-thương, mà cảnh-trợng cựu-thời, dấu hồ-sơn vẫn còn in trên nền trắng.

(1) Bạch-hồ 白狐 là con cáo trắng. Tục truyền trước là một cái núi đá, có con cáo trắng ở.

(2) Long-quân 龍君 là vua thủy tề, dâng nước lên bắt cáo, thì núi đá ấy sụp xuống thành đầm.

(3) Đại trạch 大澤 là đầm lớn.

(4) Kim ngưu 金牛 là trâu vàng. Tục truyền có con trâu vàng tự bên Tàu chạy sang lặn dưới vực sâu.

(5) Cao-Vương 高王 là Cao-Biên, khen Tây-hồ có kiều đất.

(6) Hoàng-dò 皇都 là chôn kinh-dô nhà vua.

(7) Lãng-bạc 浪泊 là một tên cũ Tây-hồ.

(8) Tinh-chử băng-hồ 星渚冰壺 là bến sao hồ băng ; là nơi cảnh đẹp nước trong.

(9) Một chỗ đất giỗ ra như mổ phương, ở đây gọi là cái đài đề lên trông trăng.

(10) Nước hồ không bao giờ cạn, người ta gọi kiều đất ấy tí như là cái chén đựng rượu.

(11) Thạch-tháp 石塔 là cây tháp bằng đá.

(12) Thờ-dôi 土堆 là cái gò đất.

(13) Mục-lang là Mục-Thận 穆慎, khi xưa tung lưới bắt được Lê Văn-Thịnh hóa hồ đề dọa vua ; sau được lập đền thờ ở đấy.

(14) Quán Trấn-vô thờ đức thánh Huyền-thiên-chấn-vô đại-đế 玄天真武大帝, có tượng đồng cầm gươm đề trấn Yêu tinh là loài rắn.

(15) Thửu 鷺 là tên núi chỗ Phật ở, nghĩa bóng là trở cái chùa.

(16) Thước 鵠 là chim bồ câu.

Nói tóm lại thì văn-chương thời Lê-quí tuy đã phát đạt nhiều lắm, nhưng kể về đường hùng-văn kiệt-tác (1) còn phải đợi đến Nguyễn-triều ta.

Trời mở vận trung-hưng, đến quốc-triều ta văn-vận (2) lại càng thịnh-vượng. Khi đức Cao-hoàng ta mới ra khai sáng, hề gặp thời-tiết nam-phong, ngài liền đem thủy-quân ra cửa bể Thi-nại đánh giết quân Tây-sơn, khi trở gió lại trở về. Vậy lúc ấy có câu rằng :

*Lạy trời cho cả gió nồm,
Đề cho chúa Nguyễn thẳng buồm giông ra.*

Xem câu ca ấy thì biết nhân-tâm tư Nguyễn (3) dẫn đường lúc đức Cao-hoàng bốn-ba phiêu-lãng (4), mà dân chỉ ngóng trông chiều gió, mong ngài ra thì dân mới được gọi nuần ơn mưa móc. Khát khao thay Nam-phong ! Mong mỗi thay Nam-phong ! Nghe câu ca giọng hát chồn dân-gian, mà biết lòng dân mong cứu-chúa.

Đương lúc ấy có ông Hoàng-Quang 黃光, người làng Thai - dương, huyện Hrong-trà, phủ Thừa-thiên hiệu là Thai-dương-xử-sĩ, thông-minh hay chữ, có lòng trung-nghĩa, thấy khi ấy nhân-dân cực khổ, mới làm bài « Hoài-nam-ca », kể công-nghiệp liệt-thánh triều Nguyễn ta, trước từ đời đức Gia-giữ đến đức Hiếu-võ, trải tám đời khai-thác gian-nan, (1)

(5) nhân ơn thiệp-hợp ; (6) sau đến đức Hiếu-dịnh nổi ngôi, Trương Phúc-Loan chuyên quyền, nên đến nổi Tây-sơn dấy loạn, Bắc-hà cấu binh (7), dân-tình thời ấy rất là thảm-trạng ; lúc thì kẻ tội kẻ quyền-thần, lúc thì thống-hạ (8 ; kẻ nguy-tặc. Lời ca rất bi-ai hùng-tráng (9). Khi ấy có bà Ngọc-huyền công-chúa 玉璫公主 là con đức Hiếu-võ sao được bài ca ấy gửi về cho đức Cao-hoàng ở trong Gia-dịnh. Ngài tuyên-bá (10) cho chư quân nghe, thì nhiều người rơi lụy. Đức Cao-hoàng có nói rằng : « Xưa kia nhân-tâm nhớ nhà Hán, Quang-vũ mới trung-hưng lên được ; nhân-tâm nhớ nhà Đường, Túc-tôn mới tái-tạo (11) lại được, nay xem nhân-tình nghe bài ca mà cảm-dộng như thế thì quân nghịch-tặc kia, chẳng bao lâu cũng giẹp được hết. »

Ấy đấy ! Một bài ca quốc-âm, mà biểu-dương (12) được công-nghiệp Hoàng-triều như thế đấy, mà kể hết được dân-tình quốc-biến (13) như thế đấy, mà cảm-dộng được lòng hoài-nam như thế đấy. « Ăn cơm mới, nhắc truyện cũ » đến bây giờ ngậm đi ngậm lại, còn khiến cho ta « thương Nguyễn-chúa, nhớ Tiên-vương, » dẫu trăm nghìn năm, vẫn một niềm tôn Chu, phò Hán (14). Văn chương như thế, mới thực là một thiên đại-trước-tác (15), sau này sẽ lục đăng toàn-thiên,

(1) Hùng văn kiệt tác 雄文傑作, là lời văn hùng-dũng, bài văn hay hơn cả.

(2) Văn vận 文運 là vận-hội văn-chương.

(3) Nhân tâm tư nguyện 人心思阮, là lòng người nhớ Triều Nguyễn.

(4) Bốn ba phiêu lãng 奔波颺浪 là chạy chọt xiêu rạt trong cơn sóng gió.

(5) Khai-thác gian nan 開拓艱難 là mở mang khó nhọc.

(6) Nhân ơn thiệp hợp 仁恩浹洽 là ơn đức thấm thía.

(7) Bắc hà cấu binh 北河構兵 là ngoài Bắc-kỳ có họ Trịnh lại gây việc binh đao đem quân vào đánh trong nam.

(8) Thống hận 痛恨 là căm giận.

(9) Bi ai hùng tráng 悲哀雄壯 là lời bi thảm, lời hùng dũng, mạnh mẽ.

(10) Tuyên bá 宣播 là làm cho rõ rệt khắp ra mọi nơi.

(11) Tái-tạo 再造 là lại gây dựng lên được.

(12) Biểu-dương 表揚 là làm cho tiêu biểu-rõ rệt ra.

(13) Dân tình quốc biến 民情國變 là tình trong dân, việc biến cố trong nước.

(14) Tôn Chu phò Hán 尊周扶漢 là tôn nhà Chu, giúp nhà Hán, ví như tôn triều Nguyễn ta.

(15) Đại trước tác 大著作 là một bài văn ý tứ làm rộng rãi lớn lao rất hay.

không những đề ghi được tên ông Hoàng-Quang mà lại in vào trong óc người ta được hai chữ «*Hoài-Nam*» thiên-vạn-cổ.

Đương lúc Quốc-triều ta trung-hưng là về cuối đời thập-bát và đầu đời thập-cửu thế-kỷ, lúc ấy càng ngày càng xuất-hiện nhiều người hay nôm. Xem như bài ca *Hoài-Nam* trên này đã cảm-động như thế, mà sau lại có bài văn của quan Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành 前軍阮文誠 tế trận-vong tướng-sĩ, lời rất ai-cảm (1). «*Dẫu biết rằng anh-hùng thời chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không! Nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-linh, nghìn năm một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có?*» Nên mới tả hết cảm-tình ra bài văn này (2), đọc lên ai cũng phải cảm-động. Thế mới biết văn-chương quốc-âm ta như bài đó, có thể sánh được với văn Tây văn Tàu cũng không kém, mà lại có thể làm được một bài giảng-nghĩa về khoa quốc-văn.

Tuy thời ấy còn nhiều bậc hay nôm, như : ông Đào Duy-Từ 陶惟慈 diễn bài ca «*Ngoạ-long-cương*» (3), ông Nguyễn Cư-Trình 阮居貞 làm ra bài thơ «*Sãi-vãi*» (4); quan Lê-bộ Thượng-thư Đặng Đức-Siêu 鄧德超 làm bài văn tế ông Võ-Tính ông Ngô Tùng-Chu và bài «*Hồi-loan khái-ca*» đề tán-dương khi đức Cao-hoàng bình định Bắc-hà rồi hồi-loan về Kinh; ông Lê-bộ Tham-tri Nguyễn-Du 阮攸 làm ra

truyện «*Kim Vân-Kiều*»; ông Nguyễn Huy-Tự 阮輝似 làm ra truyện «*Hoa-tiên*» mà nhuận-sắc (5) lại là ông Nguyễn-Thiện 阮僊; đó đều là những văn truyện-tụng thời Nguyễn-sơ. Nhưng rút lại thì đời bấy giờ có bài «*Hoài-Nam-ca*» và bài tế «*trận-vong-tướng-sĩ*» thực là văn-chương đại-bút (6); mà truyện *Kiều* là khúc đoạn-trường tân-thanh (7) trong nhạc-phủ, cũng xuất-hiện ra lúc bấy giờ. Thế thì đương lúc Nguyễn-sơ chính là lúc quốc-văn toàn-thịnh thời-dại.

XIV

Lại xét văn-chương quốc-âm ta phần nhiều là dùng tiếng Bắc-kỳ mà xướng-phát (8) ra lại phần nhiều là người Trung-kỳ như ông Nguyễn-Du là người Tiên-diên làm ra truyện *Kiều*, mà ông Nguyễn Huy-Tự người La-son, ông Nguyễn-Thiện người Tiên-diên thì làm ra truyện *Hoa-tiên*; còn các ông khác nữa cũng phần nhiều ở về Trung-kỳ di nam (9) cả.

Xem thế thì thanh-âm ngoài Bắc, chính là một thứ tiếng phổ-thông (10) hơn; mà các cụ trong Nam lại hay luyện-tập đờng thanh-âm đủ giọng.

Nhưng còn lịch-sử cụ Nguyễn Huy-Tự tiên-sinh, và Nguyễn-Thiện tiên-sinh chúng tôi chưa xét được rõ, mà cũng không biết rõ truyện *Hoa-tiên* xuất-hiện ra trước truyện *Kiều* hay là sau? Đến năm Minh-mệnh kỹ-sử (1823) lại có cụ Võ Đai-Văn

(1) Ai-cảm 哀感 là cảm động thương xót.

(2) Bài văn tế tướng sĩ trận vong này đã in ra mục Văn-uyên kỷ báo số 13.

(3) Bài ca «*Ngoạ-long-cương*» nguyên chữ nho của ông Gia-cát-Lượng, ông Đào Duy-Từ diễn ca nôm đề tự-tử vào mình. Nhưng chưa lục thấy, xin các ngài biết thì bảo cho.

(4) Bài thơ «*Sãi vãi*» này cũng chưa lục thấy, xin các ngài biết thì bảo cho.

(5) Nhuận sắc 潤色, là sửa lại cho nhuần nhã tốt đẹp.

(6) Đại bút 大筆, là bài văn hay, của tay bút người giỏi viết ra.

(7) Đoạn trường tân thanh 斷腸新聲, là khúc hát mới não nùng làm cho đứt từng khúc ruột.

(8) Xướng-phát 唱發, là xướng lên, khai phát lên trước.

(9) Trung-kỳ dĩ Nam 中圻以南 là từ Trung-cỷ trở vào trong Nam.

(10) Phổ-thông 普通, là thông suốt rộng khắp cả.

武待問 người Đường-hào (1), sửa lại truyện *Hoa-tiên* từ hồi thứ 24 trở xuống. Năm Thiệu-trị quý-mão (1843) ông Cao Chu-Thần 高周臣 có phê-bình truyện ấy và đề tựa nói rằng : « Truyện *Hoa-tiên* là « cảnh-thế-ngữ » nghĩa là lời nói khuyên răn thói đời; truyện *Kiều* là « thiệp-thế-ngữ » nghĩa là « lời nói lịch-thiệp đã trải hết thói đời. » Lời phê bình ấy rất là sắc đáng (2).

Nay xét trong truyện *Kiều*, lúc Kim-Trọng từ biệt Thúy-Kiều có dặn rằng :

*Gin vàng giữ ngọc cho hay,
Cho dành lòng kẻ chân mây cuối trời,*

Lời nói ấy rõ ra một chàng thâm-ư-tình (3), mà lại còn có ý nghi-tinh, e có khi làm cho kẻ má đào cũng ngậm ngùi; mà ân hận. So với câu trong *Hoa-tiên* lúc Lương-Sinh từ biệt nàng Dương. Dao-Tiên có câu rằng :

*Sớm khuya gác gác buồng thêu,
Ngọc vàng mình phải nung-niu lấy mình.*

Câu này lời tuy thực-thà, nhưng rõ ra một người trung-hậu-quân-tử. Tiếc thay chưa biết đích hai câu trên này lời nào là cổ hơn.

Xét trong truyện *Kiều* lại có câu :

*Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống làm ma không chồng.*

Câu này là đặt theo ý câu thơ chữ nho : « Sinh vi vạn nhân thê, tử tác vô phu quỷ »

Truyền rằng đức Dực-Tôn có đổi là :

*Sống thời tình chẳng riêng ai,
Khéo thay thác xuống là người tình không.*

Đổi lại như thế cũng thanh-tao, nhưng đặt như trên mới thực là đúng nghĩa.

Xem thế thì truyện *Kiều* thật hay đủ giọng, giá người ta muốn tả sự gì, vịnh vật gì, có thể mượn câu trong truyện *Kiều* mà tập thành ngay được. Như vịnh hoa thủy-tiên thì tập rằng :

*Than ôi sắc nước hương trời,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào nguyên lạc lối dẫu mà đến đây.*

Truyện *Kiều* thực là tả hết được nhân-tình vật-lý (4) trong thế-gian, tuy đặt câu có dùng điển-tích mà hóa hết cả điển-tích, chẳng khác gì câu ca-dao âm-hưởng tự-nhiên. Ông Dương Qui-Sơn 楊龜山 có câu rằng : « Tự tùng san hậu cảnh vô thi ». Nghĩa là từ khi đức Không-tử sửa lại kiuh Thi rồi, thì không còn có thơ nào nữa. Vậy ta cũng nói rằng từ khi ông Nguyễn-Du 阮攸 làm ra truyện *Kiều* rồi, chưa thấy có ai đặt ra truyện gì hay hơn nữa.

XV

Kề về đời Minh-mệnh, Tự-đức cũng nhiều cụ hay nôm như cụ Lý Văn-Phức 李文馥 Nguyễn-công-Chứ, 阮公著 Đặng Huy-Trứ 鄧輝著 (5) Cao Bá-Quát 高伯适 vân vân, không thể sao kê xiết được. Khi ấy các quan Sử-quán có phụng-chỉ soạn ra bộ *Nam-sử-diễn-ca*, kể từ đời Hồng-bàng cho đến đời Lê-mạt Nguyễn-Sơ, lời lẽ bình-dị, mà mạch-lạc cũng phân-minh. Truyền rằng nguyên-bản trước của ông cử-nhân Ngô-Cát 吳吉 người huyện Chương-đức, diển đoạn lịch-sử bà Triệu-Âu có mấy câu rằng :

(1) Đường-hào thuộc Hải dương, nhưng còn lịch-sử cụ Võ Đãi Văn cũng chưa xét rõ.

(2) Sắc-dáng 確當 là đích-sắc chính-dáng

(3) Thâm ư tình 深於情 là người trung tình đậm thắm.

(4) Nhân-tình vật-lý 人情物理 là tả được hết tình mọi người; lẽ muôn vật.

(5) Ông người Thừa-thiên, con quan Thượng-thư Đặng Văn-Hòa 鄧文和 thi đỗ Cử-nhân, thi hội được trúng cách, phải bài văn thi đình có một câu phạm trường-qui, bị cách tuột. Sau lại thi đỗ Giải-nguyên, làm đến chức Bình-chuẩn, đi buôn các nước, có qua Tàu qua Nhật, lại có lấy vợ ở ngoại-quốc. Ông có tập văn Hoàng-Trung 黃中.

Vũ dài ba thước giắt lưng,
Cưỡi voi đánh trống trong rừng kéo ra.
Cũng toan gánh vác sơn hà,
Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam.

Đức Dục-tôn có phê rằng : « Đặt như thế thì ra nước Nam không còn có đàn ông nữa hay sao ? » Nhưng ngài cũng dụ khen là « có tài », thưởng cho ông hai đồng kim tiền và một tấm lụa. Ông Ngô-Cát 吳吉 có vịnh câu :

Vua khen thẳng Cát có tài,
Thưởng cho tấm lụa với hai đồng tiền.

Thế thì ông Ngô-Cát cũng là một tay tài nôm ở thời ấy.

Đoạn diễn-ca trên này, sau ông Đặng-huy-Trứ có sửa lại như sau này :

Cửu-chân có ở Triệu-kiều, (1)
Vũ dài ba thước tài kiều muôn người.
Gặp cơn thảo-muội (2) cơn trời,
Đem thân hồ-liễu thay loài bông-tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn-thôn mấy cõi chiến-tràng xông pha.
Chóng gai một cuộc quan-hà,
Đến khi chiến-tử còn là hiền-linh.
vân vân...

Vậy thì cái bản « Quốc-sử-diễn-ca » mà phường-bản (3) bây giờ đã in ra đó, là bản của ông Đặng Huy-Trứ đã hiệu-chính (4) lại rồi.

Vả lại lối văn sử-bút rất là khó, mà bà Trưng và bà Triệu là hai bà nữ anh-hùng (5) nước Nam ta, vậy hoặc diễn ca, hoặc vịnh thơ, đều phải châm-chước (6) từng chữ, phải có lời phán-đoán (7) cho chính-đại-quang-minh (8), mới là vịnh-sử (9) mới là thơ văn vịnh-sử ; để cho ai đọc đến cũng phải khởi kính, khởi trọng (10), mà ghi nhớ lấy huân-nghiệp (11) các bậc nữ-anh-hùng ; chớ không phải chỉ đặt nhảm những câu : « má hồng má phấn, một có hai cò » mà cũng gọi là vịnh-sử được. Đó chẳng qua là thói đòi-bại (12) trong văn-giới (13), làm cho mất cả giá-trị các nhà đại-thi-gia (14), thành ra đem lối vịnh-sử mà làm một lối thơ nhảm-nhí, khá chẳng nên tuyên-trạch (15) lắm ru ?

XVI

Nói tóm lại thì văn-chương quốc-âm ta phôi-thai tự đời Trần, phát-đạt từ đời Lê, mà đến triều Nguyễn ta mới thực là toàn-thịnh. Nhưng kể về đường vận-văn, (16) biên-ngẫu-văn (17) thì hay thực, toàn-thịnh thực, còn như tản-văn (18) thì chưa thấy có mấy bài. Vì khi trước chỉ chuyên học Hán-văn nên lối tản-văn quốc-ngữ không mấy khi dùng đến. Nhưng đến bây giờ chính là thời phải nên luyện-tập

(1) Cửu-chân 九真 là Thanh-hóa, là nơi bà Triệu-âu ở.

(2) Thảo-muội 草昧 là mờ tối rậm rạp, là nói lúc loạn lạc.

(3) Phường-bản 坊本 là bản khắc bằng ván in bán tại các phố.

(4) Hiệu-chính 校正 là sửa lại cho đúng.

(5) Nữ-anh-hùng 女英雄 là người đàn bà anh hùng.

(6) Châm-chước 斟酌 là san sẻ, so sánh cho phải.

(7) Phán-đoán 判斷 là phán-quyết mà đoán-định ngay một lời.

(8) Chính-đại-quang-minh 正大光明 là ngay thẳng, lớn lao, rành mạch rõ ràng.

(9) Vịnh-sử 詠史 là vịnh những sự tích và các người danh-nhơn trong lịch-sử, làm thành ra thơ.

(10) Khởi kính khởi trọng 起敬起重 là làm cho nức lòng kính trọng.

(11) Huân-nghiệp 勳業 là công nghiệp đã lập thành.

(12) Đòi-bại 頹敗 là đổ nát hư hỏng.

(13) Văn-giới 文界 là trong nghề làm văn, trong một đám văn-chương.

(14) Đại-thi-gia 大詩家 là nhà làm thơ hay hơn cả, nhiều hơn cả.

(15) Tuyên-trạch 選擇 là kén chọn, so sánh.

(16) Vận-văn 韻文 là lối văn có vần, như lối thơ ca lục bát

(17) Biên-ngẫu-văn 駢偶文 là lối văn đối nhau từng câu, như lối phú.

(18) Tản-văn 散文 là văn xuôi, khác lối văn vần.

quốc-văn, phải nên trác-trọng (1) quốc-văn, phải làm thế nào cho lối tân-văn càng ngày càng phát-đạt lên mới thực là thiết-yếu ; chớ không phải chỉ ngâm nga câu cru-sáo (2) nữ-nát (3), giọng tân-thanh, hết giờ ngón lẳng-lơ gheo khách, lại pha câu ai-oán trên người, không những là làm cho người ta gợn sóng tình trong *bê-thảm*, mà lại làm cho người ta thêm nổi *thảm* về *khởi-tình*, sợ rồi thành ra một thói lưu-đãng (4) trong văn-giới, thành ra một thói khinh-bạc trong văn-giới. Than ôi thương thay ! than-ôi thương thay ! Câu ca câu lý giọng Chiêm-thành thì khác gì khúc « Hậu-đình-hoa » của Trần hậu-chúa (5), câu hát trống quân trống quýt trong trại lính Tây-sơn khi ở Bắc-hà, thì khác gì thơ Trịnh Vệ (6). Thế mà còn dặt nhau lên rùng mà xướng họa, xuống bề mà ngâm-nga, thế mà còn góp truyện mua vui ở trong đám ca-lâu tửu-quán (7), lên câu văn-chương mãi như thế, sợ rằng làm cho xã-hội chỉ say mê về câu tình giọng lẳng, khác gì một cái

tệ chỉ mê xem những truyện « Đại-thánh, Phong-thần ».

Than ôi ! Mầm quốc-văn đã nảy-nở từ bao giờ, mà đến giờ lại suy đi ư ? Nguồn quốc-văn đã lai-láng từ bao giờ, mà đến giờ lại cạn đi ư ? Nhưng có lẽ nào lại suy lại cạn đi được, chỉ vì những thói văn-lưu-đãng, chưa có người kiêu-chính (8) đó mà thôi ; thế tất cũng có người ra đứng làm chỉ-trụ (9) cho quốc-văn, ở trong buổi đời-ba (10) này, gia công mà vun trồng cho cõi rẫy quốc-văn, hết sức mà mở mang cho nguồn biển quốc-văn, phàm những câu văn hā-mĩa, giọng hát hoa-tình, đều đem cái ngọn bút phẩm-bình mà gia công phủ-chính (11), trước là chính lại những lối từ phú thi ca, cho khỏi lưu về đường dâm-dăng (12) rồi lại cồ-lệ (13) cho lối tân-văn như lối minh-ký luận-thuyết (14), làm sao cho mở mang phát-đạt thêm ra. Hoặc theo lối Tây-văn, thì phải luyện lấy tính-chất (15) Tây-văn, hoặc theo lối Hán-văn thì phải in lấy chế độ (16) Hán-văn, làm sao cho khởi-suy tế-nịch (17) được như văn ông Hàn,

(1) Trác trọng 側重 là trọng lệch về một bên.

(2) Cru-sáo 舊套 là lối cũ đã có thành sáo.

(3) Nữ-nát 扭捏 là bịa đặt, nắn nót, tĩa tót từng tí.

(4) Lưu-dãng 流蕩 là trôi rạt phóng dăng không có giới hạn gì cả.

(5) Hậu đình hoa 後廷花 là tên khúc nhạc-phủ của Trần Hậu-chúa 陳後主. Hậu chúa mê chơi, khi quân Tùy đến vây, hãy còn mê hát khúc Hậu-đình-hoa, có câu rằng : « Yêu người má phấn trong cung, như hoa sắp nở màu hồng ngậm hương. Hậu-đình đón kiệu quân-vương, trông ra lá ngọc cành vàng sáng trưng ».

(6) Thơ Trịnh Vệ 鄭衛 kinh Thi, nhiều thơ dâm phong.

(7) Ca-lâu tửu-quán 歌樓酒館 là nhà lầu hát xướng hàng quán bán rượu.

(8) Kiêu-chính 矯正 là uốn cho ngay, sửa lại cho chính đáng.

(9) Chỉ-trụ 砥柱 là cột đá, nghĩa bóng là để làm cái cột chống vững lại.

(10) Đời-ba 頽波 là chỗ đầu ngọn sóng vỡ lở.

(11) Phủ-chính 斧正 là sửa đẽo cho ngay.

(12) Dâm-dăng 淫蕩 là hoang dâm, phóng dăng.

(13) Cồ-lệ 鼓勵 là gióng-giã khuyến gắng.

(14) Minh-lộ 銘 là bài văn khắc vào bia, hay là vào cái đồ vật gì có ý khuyến răn ; Ký-đi là bài văn ký-sự. Luận-thuyết 論說 là bài văn nghị luận tràng thiên.

(15) Tính-chất 性質 là cái tính tự-nhiên, cái chất sẵn có.

(16) Chế độ 制度 là khuôn phép.

(17) Khởi-suy tế-nịch 起衰濟溺 là làm hưng khởi được văn lúc đời suy, cứu vớt được buổi lũng người đắm đuối. Người ta khen ông Hàn-Dũ đời Đường, có câu : « Văn khởi bát đại chi suy 文起八代之衰 đạo tế thiên-hạ chi nịch 道濟天下之溺 » vân vân.

hành-vân lưu-thủy (1) được như văn ông Tô, thì mới khỏi thẹn với các nhà Hán-văn đại-bút. Lại làm sao cho biểu-dương được sự nghiệp anh-hùng như văn ông Hà-mã (Homère); lịch-tự (2) được tình-trạng nông-công (3) như văn ông Hi-tiết-Đức (Hésiode); thì mới không thẹn với các nhà Tây-học văn-hào. (4) Trong một bài văn hoặc lúc thì đờng-đột như núi như non, lúc thì bát-ngát như mây như gió, hoặc nói cho linh-động như chớp giật, như sấm vang, lời lẽ cho thâm-trầm hùng-tráng, như tràng-giang đại-hải (5), mông mông mênh mênh không biết đâu là bờ là bến; như thể mới gọi là văn có hồn, như thể mới gọi là văn có khí. Chớ không phải chỉ chấp-chánh đầu Ngô mình Sở, râu ông nọ cắm cằm bà kia; chỉ vợ vét những câu bè ngỗ bè rùa, lại pha thêm giọng phò giọng phỉnh, giọng tán-tĩnh như đàn ngọt hát hay, mà cũng gọi là văn dẫu. Như thể gọi là văn vô-hồn, gọi là văn vô-khí, có khác gì những bức tranh tổ-nữ

tay thợ vẽ hàng Trống, những câu đối tết của các thầy khóa viết bán tại hàng Bồ, xem đến cũng không ai buồn đọc. Thế cũng gọi là văn! Thế cũng gọi là tranh với đối!

Tôi vốn vựng văn nôm, mà lại thích văn nôm, muốn học làm văn nôm mà không được, tôi mới kê-cứu lịch-sử quốc-văn, để xét xem trình-độ quốc-văn, cũng gọi là gặng cái tài-học thô-thiên của mình, gặng đầu nói dấy, biết đâu sao ra dấy, chớ chắc đâu đã tường-tạo đích-đáng, mà dám phẩm-bình nghi-nghị (6) điều gì. Những điều nói trên này là chúng tôi chỉ theo lời dạy bảo của các bậc tiền-bối, mà ghi chép lại đây để tự mình noi theo mà học tập, may mà dò biết được bờ bến quốc-văn chăng? Ngóng trông tiền-đồ (7) quốc-văn, tôi càng mong cho hậu-vận quốc-văn lắm.

(Còn nữa).

Tù-tài NGUYỄN HỮU-TIẾN.

- (1) Hành vân lưu thủy 行雲流水, là văn ông Tô-Thức như mây đi nước chảy.
- (2) Lịch tự 歷敘 là giải bày.
- (3) Nông công 農功 là công việc nhà làm ruộng.
- (4) Tây học văn hào 西學文豪 là người tài giỏi văn tây.
- (5) Tràng giang đại hải 長江大海 là sông dài biển lớn.
- (6) Phẩm bình nghi nghị 品評擬議 là bàn luận so sánh.
- (7) Tiền đồ 前途 là con đường trước mặt sắp đi đến, là trở sự về sau.

Tư-tưởng đẹp, lời văn hay

La culture n'est pas et ne peut jamais être une qualité inhérente particulière à une nation ou à une langue déterminée. C'est l'héritage de toute la race humaine, l'héritage chéri, accru et transmis d'une génération à l'autre, d'un coin de la terre à l'autre. Les langages humains sont les vaisseaux qui renferment la culture. Aucun langage n'a été dès son origine un langage de culture et aucun n'est incapable de le devenir à la fin.

DAVID JAYNE HILL.

Cái văn-hóa không phải là cái của riêng của một dân một nước nào, hay là của một thứ tiếng nào. Nó là cái hương-hỏa chung của cả loài người, cái hương-hỏa qui-báu, mỗi đời lại tăng thêm lên mà đời nọ truyền cho đời kia, xừ nọ truyền sang xừ kia mãi mãi. Các tiếng nói của người ta là những cái thuyền để chở cái văn-hóa, không có tiếng nào ngay từ đầu đã là tiếng riêng của văn-hóa, mà không có tiếng nào đến sau lại không trở nên một cái tiếng của văn-hóa được.

MỘT LỜI VĂN MỚI

SỐNG CHẾT MẶC BAY !

Trong học-giới báo-giới ta, chắc ai cũng đã biết tên ông PHẠM DUY-TỐN. Ông là một người rất nhiệt-thành với văn quốc-ngữ, và đã biệt-lập ra một lối văn riêng lấy sự tả-chân làm cốt. Mỗi bài văn của ông như một tấm ảnh phản-chiếu cái chân-tướng như hết.

Ông tin rằng phạm văn-chương đã tả được hết cái cảnh thực, là tự-khắc có cái sức cảm-động vô-cùng, không cần phải nghị-luận xa-xôi :

Văn-chương ta xưa nay thường lấy sự mập-mờ phảng-phất làm hay, càng thiếu-diều bao nhiêu càng huyền-diệu bấy nhiêu, nên ít dụng lối tả-thực, coi là tầm-thường. Nay xét ra văn-học họa-học của Thái-Tây, phần nhiều lại trọng lối tả thực hơn là lối phá-bút. Quốc-văn ta sau này tất chịu ảnh-hưởng văn Tây nhiều, lối tả-thực rồi tất mỗi ngày một thịnh-hành. Như bài văn ông PHẠM DUY-TỐN sau này cũng khá gọi là một bài tả-thực tuyệt khéo : đối hai cái cảnh trái ngược nhau, như bày hai bức tranh trước mặt người ta, mà tự-khắc nảy ra một cái cảm-giác, một cái tư-tưởng tự người đọc biết, không cần phải diễn-giải ra, là cái cảm-giác tức-giần, cái tư-tưởng thoáng-mạ kể « chêm-chện » này không biết thương lữ « lấm-láp » kia. Văn tả-thực mà được như vậy cũng đã khéo thay. Bản-báo-đăng bài này mà có lời khen ông PHẠM DUY-TỐN đã có công với quốc-văn.

PH. Q.

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm-tã. Nước sông Nhị-Hà lên to quá ; khúc đê làng ***, thuộc phủ ***, xem chừng núng thế lắm : hai ba đoạn đã thâm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân-phu kê hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ-gìn ; kẻ thì thuồng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bi-bôm dưới bùn lầy, ngập quá khỉu chân, người nào người ấy, lứt-thướt như chuột lột. Tình-cảnh trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên-thanh, ốc thổi vô-hồi, tiếng người xao-xác, gọi nhau sang-hộ, nhưng xem chừng ai-ai cũng đã mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thì mưa vẫn lấm-tã trút xuống, dưới sông thì nước cứ cuồn-cuộn bốc lên. Than ôi ! Sức người khó lòng địch nổi

với sức trời ! Thế đê không sao cự lại với thế nước ! Lo thay ! Nguy thay ! Khúc đê này hỏng mất !

Ấy, lũ con-dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối sức với mưa to nước lớn, để bảo-thủ lấy tánh-mạng gia-tài ; thế thời nào quan cha-mẹ ở đâu ?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững-chãi, dầu nước to thế nữa, cũng không việc gì.

Trong đình, đèn thấp sáng chung ; nha-lệ linh-tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn-ràng. Trên sập, mới kẻ ở gian giữa, có một mình Quan phụ-mẫu, uy-nghi chêm-chện ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải ruỗi thẳng ra, để

cho một tên người nhà qui ở dưới đất mà gãi. Một tên lính-lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc-chốc sẽ phẩy. Tên nữa đứng khoan tay, chực hầu điều đóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi-ngút ; tráp đồi-mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ lía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, vi thuốc, quần bút, tằm bông, trông mà thích mắt. Chung-quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu Quan, thì có thầy Đề, rồi lần-lượt đến thầy Đệi-nhất, thầy Thông nhị ; sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến Chánh-tổng sở-tại, cùng ngồi hầu bài.

Ngoài kia, tuy mưa gió ầm-ầm, dân phu rối-rít ; nhưng trong này xem chừng tỉnh-mịch nghiêm-trang lắm : trừ Quan phụ-mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. (So với cái cảnh trăm họ đang vất-vả lấm-láp, gọi gió lấm mưa, như đoàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong Đình rất là nhân-nhã, đờng-bệ, nguy-nga : nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới ; người nhà, lính-lệ khoan tay sắp hàng, nghi-vệ tôn-nghiêm, như thần như thánh, Thỉnh-thoảng nghe tiếng Quan phụ-mẫu gọi : « Điều, mây ! », tiếng tên lính thưa : « Dạ » ; tiếng thầy Đề hỏi : « Bẩm, bốc ? », tiếng Quan-Lớn truyền : « Ừ. » Kẻ này : « Bát-Xách ! . . . Ăn. », người kia : « Thất Văn ! . . . Phỗng », lúc mau, lúc khoan, ung-dung êm-ái ; khi cười, khi nói, vui-vẻ dịu-dàng. Thật là tôn-kính, xứng-đáng với một vị Phúc-tinh . . .

Ấy đó, Quan phụ-mẫu cùng với nha-lại, đương vui cuộc tổ-tôm ở trong Đình ấy. Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội, thì dầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thấy kệ.

Ồi ! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma-lực gì mà giun-giúi cho Quan mê đờc như thế ?... Này, này, đê vỡ mặc đê, nước sông đầu nguy, không bằng nước bài cao thấp. Đứng trên đê, mà dốc kẻ cắm cừ, người đổ đất, lấm nôi lấm-than ; sao bằng ngồi trong đình, đã sẵn kẻ bốc nọc, người chia bài, nhiều đờng thú-vị !

Than ôi ! Cứ như cách Quan ngồi ung-dung như vậy, mà hai bên tả-hữu, nha lại nghiêm-trang, lính hầu rậm-rạp, thì dõ ai dám bảo rằng : gần đó có sự nguy-hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sâu muôn thẳm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến, mà chẳng động tâm, thương-xót đồng-bào huyết-mạch !...

Mặc ! dân, chẳng dân, thời chó ! Con bài ngon, há nỡ bỏ hoài ru ! Quan-lớn ngài ăn, ngài đánh ; người hầu kẻ dạ, kẻ vàng. Sướng bao nhiêu, thích bao nhiêu ! Lúc quan hạ bài ù, ai-ai là người chẳng ngại khen tấ-m-tắc ! Một nước bài cao, bằng mấy mươi đê lở, ruộng ngập ! Vay mà không hiểu, thời thật là phàm !

Quan-lớn ù thông. Người đầu cánh, kẻ cuối tay, tranh nhau phỏ bài đề Quan-lớn rõ, rằng : « Minh vào đờc, nhưng không dám cố ăn kim ! » ; rằng : « Minh có đôi, mà không dám phỏng qua mặt ! » Hèn chi mà Quan chẳng ù luôn ! Quan ù, ấy là hạnh-phúc !...

Khi đó, ván bài Quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khênh vượt rầu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy Quan vẫn điềm-nhiên, chỉ lấm-le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khế nói :

— Bẩm, đê có khi đê vỡ !

Ngài cau mặt, gắt rằng :

— Mặc kệ !

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình, bảo thầy Đề-lại :

— Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy Đề vội vàng :

— Dạ, bẩm, bốc.

Vừa lúc đó, thì tiếng người kêu rầm-rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào-ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò, kêu vang từ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nồn-nao sợ hãi. Thốt-nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm-láp, quần áo ướt đẫm, tất-tả chạy xông vào, thỏ không ra lời :

— Bẩm... Quan-lớn,... dê vỡ mất rồi !

Quan-lớn đỏ mặt, tía tai, quay ra, quát rằng :

— Dê vỡ rồi !... Dê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xông-xộc vào đây như vậy ? Không còn có phép-tắc gì nữa, à ?

— Dạ, bẩm . . .

— Đuổi cổ nó ra !

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy Đề :

— Thầy bốc quân gì thế ?

— Dạ, bẩm, con chưa bốc.

— Thì bốc đi, chứ !

Thầy Đề tay run cầm-cắp, thò vào đĩa nọc, rút một con bài, lật ngửa, xướng rằng :

— Chi-chi !

Quan-lớn vỗ tay xuống sập, kêu to :

-- Đây rồi ! ... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội-vàng xòe bài, miệng vừa cười, vừa nói :

— Û ! Thông tòm, chi-chi này ! ...

Điếu, mày ! ...

.....

Ấy, trong khi Quan-lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh-láng, soáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không chôn, kẻ chết không nơi chôn, lênh-đênh mặt nước, chiếc bóng bơ-vơ, tinh-cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !

Làm ngày tháng Juillet 1918

PHẠM DUY-TỐN

Tư-tướng đẹp, lời văn hay

Hymne à l'Aurore

Suivant les pas des Aurores passées, tu es l'aînée des Aurores futures. Viens ranimer ce qui est vivant, Aurore, viens vivifier ce qui est mort.

Depuis combien de temps, l'Aurore vient-elle nous visiter ?... Ils sont morts les humains qui voyaient l'éclat de l'antique aurore ; nous aurons leur sort, nous qui voyons celle d'aujourd'hui ; ils mourront aussi ceux qui verront les aurores futures...

(Rig-Yeda, trad-LANGLAIS)

Ca ngợi vùng-dông

Ôi hỡi ! vùng đông ! người nối gót những vùng đông đã qua, người mở đường cho vùng đông sắp tới. Hãy đến mà tỉnh-thức kẻ sống, hãy đến mà phục-hồi kẻ chết.

Ôi ! vùng đông đến thăm ta tự bao lâu ? Những người tràn đượctrông cái ánh sáng vùng đông thừa trước đã chết cả rồi, ta đây đương trông cái ánh sáng vùng đông ngày nay rồi cũng chết như người ; mà những người đến sau ta trông cái vùng đông sau này rồi cũng chết như ta vậy...

NAM - ÂM THI THOẠI

Trước tôi đã chép câu thơ ngự-chế của đức DỤC-TÔN ⁽¹⁾, nay mới được y cả bài ; đầu bài là « khúc BẢNG-PHI ». Kinh-lục ra sau này :

Ớ thị BẢNG ơi ! đã mất rồi !
 Ớ tình, ớ nghĩa, ớ duyên ôi !
 Mưa hè nắng chái oanh ăn nói,
 Sớm ngô trưa sân liễu đứng ngồi.
 Đập cô-kính ra, tìm lấy bóng,
 Xếp tàn-y lại, để dành hơi.
 Mới tình muốn dứt càng thêm bận,
 Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

*
 * *

Cụ PHAN THANH-GIẢN đỗ tiến-sĩ, làm quan đến nhứt-phẩm, là một vị đại-thần có tài có đức mà cũng là nhà văn-học có tiếng thứ nhứt trong Nam-kỳ ngày xưa. Thi văn bằng chữ Hán của ngài đã in thành tập gọi là « tập Lương-khê ». Nay tôi có được một bài « Giã vợ nhà đi làm quan » của ngài, xin lục ra đây, để ai nấy cùng giữ lấy làm một vật báu :

Từ thừa vương xe mới chỉ hồng,
 Lòng này ghi tạc, có non sông !
 Đàng mây, cười tở ham dong-ruổi,
 Trưởng liễu, thương ai chịu lạnh-lùng.
 Ớn nước, nợ trai đành nỗi bận,
 Cha già, nhà khó cậy nhau cùng !
 Mấy lời dặn bảo con lâm-biệt,
 Răng nhớ, răng quên, lòng hời lòng !

Lời là lời nói với vợ, cái cảm-tình đối với vợ phải nặng, cố-nhiên ; mà cái cảm-tình đối với nước, với nhà, với cha và với mình cũng lại càng thêm nặng nữa ! Cái giọng thơ ấy, đời bây giờ cũng khó mà tìm thấy được ! Than thay !

*
 * *

Ông ÔNG-ÍCH-KHIÊM người Quảng-nam ; về đời Tự-đức, tăng mấy phen ra dẹp giặc ở Bắc-kỳ, cái tướng-tài cùng cái uy-vọng của ngài, không mấy người là không biết, nhưng cái nghề thơ của ngài thì dễ thường ít ai biết đến. Nguyên trước ngài đã làm Tham-tán đại-thần coi quân-vụ các tỉnh Bắc-kỳ, thì bấy giờ ông TÔN-THẤT THUYẾT quan còn nhỏ hơn ngài ; sau ngài về bộ, bị cách, lại trở ra làm huy-hạ ông THUYẾT. Mà ông KHIÊM người vẫn quá ngạo, nên ông THUYẾT giận, kiếm cớ mà xiềng lại và hạ ngục tại Lạng-son. Ngài ở trong ngục, có ba bài thơ, hay lắm, mà cũng vẫn là ngạo. Nhưng tiếc vì tôi nghe câu được câu mất, một bài được sáu câu :

Uả uả nhơn sao đến nỗi này ?
 Ờ ! đây danh-lợi buộc mình đây !
 Bên vai rồn-rảng đường đeo ngọc,
 Dưới bụng xanh-xoang tợ thắt đai.
 Cái tháp Trần-phồn ngồi bén đít,
 Khúc đờn Dũ-lý khảy theo tai.

Một bài được hai câu 1-2 :
 Ba bốn dinh kia đã trái rồi,
 Còn dinh này nữa, khắp thời thôi.

Một bài được một câu :
 Già mây ở lại, để ông ra.

Bài thứ nhất câu 5-6 cần phải chú thích : Nguyên ông KHIÊM ra lần này là ra mà lấy công chuộc tội, phải chịu ở dưới quyền phép ông THUYẾT. Nhưng lúc ngài mới đến thì ông THUYẾT đãi nhau như anh em, cho ngồi chung một chiếu, chưa được bao lâu, thì khóa cổ lại mà bỏ vào ngục, cho nên nói thế. Câu trong bài thứ ba là khi đã ra ngục, lời từ-giã kẻ ngục-tốt.

(1) Xem Nam-phong số 8.

Sau khi đức DỤC-TÔN thăng-hà, trong triều rối loạn, ông KHIÊM bấy giờ cũng là một tay cừ trong đám rối loạn ấy. Nhưng mà vì cái tài của ngài làm cho ông TƯỜNG ông THUYẾT phải kỹ, mới xiềng một lần nữa mà dầy vào Bình-thuận. Đi dọc đường, ngài có bài thơ rằng :

Minh ốc mang rêu rửa sạch ai ?
 Quen thói rung cây nhát khỉ hoài !
 Mèo quào phen đất chỉ khờn sức,
 Sứa nhảy qua đặng mới gọi tài !
 (1)
 Trông qua chưa khỏi đùng khinh khải (2)
 Chim sậy lông ra, dề đó coi !

Nghe nói vì bài thơ ấy mà cụ ÔNG ÍCH-KHIÊM là một người có thao-lược, có khi-khải, có văn-chương, phải chết đói trong ngục tỉnh Bình-thuận ! — Lúc ngài đỡ cử-nhân rồi, mới ra làm huấn-đạo ở Thanh-hóa. Có gián câu-đối ở trường huấn rằng :

Nhà đột đôi ba gian, một thầy, một cô,
 một chó cái.
 Học trò năm bảy đứa, nửa người, nửa
 ngợm, nửa lười-ươi,

Có cái tài đề-bình khiên-tướng, đánh bắc dẹp đông mà bảo đi gõ đầu trẻ, thì còn ai gõ được mà chẳng hóa ra bực mình !

* *

Có người ở Nam-kỳ gửi thư cho tôi, nói : « Câu thơ của ông TÔN THỌ-THƯƠNG (3) :

Ngảnh lại lâu xanh thương những trẻ.
chữ trẻ chớ không phải chữ kẻ ». Thưa phải, chữ trẻ thì hay hơn. Ông lại có gởi cho tôi một bài cũng đề ấy mà bớt đi một chữ là « đi đi tu », của ông HOÀNG MÃN-ĐẠT Tuần-phủ Hà-tiên, người đồng-thời với ông TÔN. Tôi xin tạ lòng ông mà chép ra đây để ai nấy biết cái nền văn-chương của Nam-kỳ ta đời trước, Thơ rằng :

Lâu xanh thành-thót tiếng chuông truyền,
 Tỉnh giấc cao-đường lúc ngửa nghiêng.
 Mượn chiếc thuyền (4) tình qua biển ái,
 Đưa con sóng sắc đến rùng thuyền.
 Trông gương trí-tuệ lau lòng tục,
 Làn chuỗi hồ-đề kết trái duyên.
 Mát-mẻ cửa không trăng gió sẵn,
 Dầu chưa nên phật, cũng nên tiên.

* *

Hôm nọ, ngồi nói chuyện gẫu với mấy cụ tú già. Một cụ đọc câu thơ của anh cùng-sĩ kia tả cái bộ tướng nhà nho bị đói bị lạnh, câu rằng :
 Một môi đắng hít, đờn môi gầy.
 Ba chén cay đưa, trống bụng reo.

Đã lạnh, đã đói mà còn đờn, còn trống, thật là cái thói nhà nho ta ! Tôi bèn nói : ông đồ này cũng gần quá ! lạnh, hút thuốc đủ ấm thì thôi, lại còn uống rượu nữa cho rộng bụng, chớ có phải đói đâu. Nếu đã chịu đói, thì tiền đâu mà uống rượu ?

CHƯƠNG-DÀN

(1) Bài này cũng lại mất hai câu nữa, cùng mấy bài trên kia, ông nào biết thì gởi cho.

(2) Khải là cạp.

(3) Xem Nam-phong số 8.

(4) Nam-kỳ gọi thuyền là thuyền.

BÌNH-PHẨM THƠ VĂN CÙNG

SÁCH MỚI

Quyển *Mối-sầu-Trung* (*văn-văn*) của HOÀNG THĂNG

I

Mới nhìn ba chữ *Mối-sầu-Trung* đã tưởng soạn-giả nhằm *ch* sang *tr*, mà quyền sách này tất khiến kẻ đọc đến lâm-li giọt lệ, lai-láng mạch sần, cái sần này tất là một cái sần nhà triết-học theo cái chủ-nghĩa « yếm-thế » mà than-thở nỗi đời, bồn-chồn cái đau-đớn của loài người ta nổi nổi chìm chìm trong bể khổ. Ai ngờ một quyển sách của một cậu học-trò mới *non hai mươi tuổi*, cũng có cái khẩu-tài, cái khiếu thông, mà không có tư-tưởng, lại chừa biết làm văn, chỉ vắn đàu nói đấy, bạ cái gì cũng ngâm, vớ cái gì cũng vịnh, xuất 50 trang giấy chừng được một vài câu lỗi là có ý-vị mà thôi, ôi ! giấy trắng mực đen « hồn chữ » có khi đến phải khóc thực.

Phong-dao đầu lại có :

Chồng em chồng giở chồng gái,
Hơn ai vì nổi Annam là chồng.
Chồng em chồng bướng chồng ngông,
Hơn ai vì nổi là chồng Annam.
Ai xui em có má hồng,
Đề người quân-tử chưa trông đã thèm.
Hề trông thời mới tòm-tem,
Vi bằng mó đến nhọ-nhem còn gì.

Ấy câu nào cũng đại-đề vô-nghĩa-lý,
vô-tư-tưởng đến như thế cả !

Thơ mà đến thơ « cụt gười », thơ « gheo phố Hàng gà » ; mà « gửi cho bạn » đến rằng :

Hai đầu, một bụng, tám tay chân.

Cùng là

Đã trót mang thân cụt với đời,
Minh còn chẳng sợ sợ chi ai ?

Anh em đầu đó khi ta thác,
Xin cứ chôn ta đừng đũa trời.

Vậy thời biết chôn vào chỗ nào được ? Mà cụt sao nổi được đời ? Ai có bắt mình phải sợ mà không sợ ? Bốn câu ấy thật chẳng ăn đũa vào đũa cả !

Thơ yếm-hậu thời đặt phần nhiều bài vô lối, còn thơ tứ-tuyệt được bài « hoa sen giấy » bài « chồi », thơ bát-cú được bài « chơi điều » bài « lạc đêm » bài « gửi thăm bạn » bài « dĩ già đem thu » hơi thông ; thế mà thôi ! Còn văn xuôi thời không được lấy một nửa câu, bài tựa tán ba chữ « mối sầu trung » là cái sần vào quăng nửa đời nửa đoạn, lại ngô-nghê lắm ! Rồi bài « mối sầu trung » cùng bài « chôn tài » lại vô-nghĩa mà không rõ ý muốn nói cái gì ? !

Than ôi ! « xuất-bản tự-do » đã hay rằng thế ; tấp-tễnh muốn bước chân vào văn-xã, sao không học nghề làm văn trước đi ? Nếu quốc-văn ta mà từ nay trở đi chỉ sinh-xuất ra được những tay văn-tài như người soạn « Mối sầu Trung » này thời đáng buồn thay cho cái hậu-vận văn ta.

Đây là nhiệt-thành mà nói, xin soạn-giả đừng vội giận, lại xem một bài lai-cảo cho bản-chí đăng theo dưới đây, rồi chịu khó mang sách đi hỏi các người thân-thích biết quốc-văn nhờ người ta dạy bảo cho, chắc đã có khiếu thế thời sau này sẽ nên một tay làm văn giỏi được, tôi mong cho soạn-giả lắm. Xin cố đi « có công mài sắt có ngày nên kim » đừng thấy người chê mà vội nản.

NGUYỄN MẠNH-BÔNG

II

Báo *Nam-phong* nay mở rộng đường ngôn-luận cho quốc-dân, tôi đây cũng là một kẻ quốc-dân, sách có chữ « thất-phu hữu-trách » vậy kỳ trước tôi vì nhiệt-thành với quốc-văn mà đáp thơ thầy Ng. H. V. kỳ này muốn nhân đó mà bàn cách làm văn. Nhè đâu lại gặp ngay quyển « Mỗi sàu trung » của thầy HOÀNG-THĂNG xuất-bản, cái tức mình lại càng giống khi xem cái thơ của thầy Ng. H. v. Nam-kỳ ! Bởi vậy lại phải bớt công việc mình ra mà thảo một bài lai-cáo gửi vào ngọn gió Nam yêu quý của quốc-dân.

Ồ ! Văn « mỗi sàu trung » với văn Ng. H. v. cùng nhau một lớp một hội, một bên thời rất lỏng-bông, một bên thời rất thô-bỉ, một bên riêng mặt đám « khâu dằm », một bên riêng cầm đám « chệt khách ». Cái văn Ng. H. v. gàn thế nào, nát thế nào, đã bàn qua, và đã được người bàn rõ-ràng đủ lẽ rồi nay dám xin bình-phẩm văn « Mỗi sàu trung » và bàn qua qua về cách viết văn một chút vậy.

Văn thơ có dấu bài thật là « voi chọi bỏ bì », không thời thành « chó chạy ruộng khoai », không phải kể : chỉ như đặt phong-dao dù *phủ* (nói thực), dù *tị* (ví xánh cái nọ ra cái kia), dù *hưng* (nhân đối cảnh này mà nhớ đến truyện khác), thời đều cốt cho tỏ giải được chân-tinh, có thể chỉnh-đốn được phong-hóa. Bởi vậy kinh *Thi* (là một quyển phong-dao xưa của nước Tàu) đức Khổng phu-tử phải san.

Nay cứ đếm chữ thành câu, đủ câu thành bài, nhiều bài thành sách, sách mách-qué sao gọi được là « Mỗi sàu trung » (chung) ? Suốt quyển toàn như chim không đất mà sàu !

Xa nghe rừu rít (1) còi lều,
Nhớ ai Hà-nội nửa sàu nửa lo.

Lo vì việc chữa xuôi cho,
Sầu vì chữa được truyện-trò cùng nhau.

Thi không đổ mà sàu !

Ai xui con mèo bắt chuột,
Ai xui thầy khóa đi thi.

Thế-gian lắm sự cũng kỳ,
Bỏ chồng bỏ vợ cũng vì khoa-danh.

Ghen vợ chồng người mà sàu !

Khen ai mới khỏe thức đêm,
Mất không cay mắt lòng êm tắc lòng.

Tưởng rằng có một mình không,
Hóa ra lại có anh chồng kề bên.

Hám tiền của đời mà sàu !

Ông Tiên ông Tiền (2) ông Tiên,
Ba ông cùng có thế-quyền hơn anh.

Dù anh lên đám mây xanh,
Ba ông cũng kéo cõ anh lôi về.

Ồ ! có bởi những sự đó mà sàu chẳng nữa, thời nên gượng sàu làm vui..

« Mỗi sàu trung » (Chung) ba chữ hay ! Giải-thử văn cũng suy-tsoát rừa-rừa vậy thời nói chi ! Song tiếc cho ! Ba chữ ấy theo nghĩa người làm sách thời lại là « Cái sàu lần ở khúc dĩa đời, ở khoảng xuân xanh » thời chữ *trung* lại vô-nghĩa rất vậy !

Vô-nghĩa hay thế nào, tôi không phải ở phái tiểu-mạ dỗi công chỉ-trích mà làm chi ? Chỉ vì nổi hiện-thân này đối với vận-hội văn-chương quốc-âm nhà đã không được cái công viết lăm bài, nhiều lỗi, lại không có sùỵ ra một quyển sách nào, công kia việc nọ từng-bạn bên mình không được theo riêng nghề bút mực, có nhiệt-thành với quốc-văn há lại chẳng nhân đó mà bàn cách viết văn, thời chẳng hóa ra không nhiệt-thành, quên nghĩa-vụ lăm ru ? Cái nhiệt-thành giục phải nói, cái nghĩa-vụ ép phải nói :

Phàm viết văn nên dàn từng thế, sửa từng câu, cân từng chữ, cái đó ai cũng biết, cốt nhất lại là vẫn có tư-tưởng ý-kiến mới được. Nhất là phong

(1) Còi lều không bao giờ rừu-rít.

(2) Ông gì là ông Tiên ? Trong quyển này *tr, ch, x, s* cũng không được phân-minh (NÙNG).

dao, như đã nói ở trên, cốt để tả nhân-tình, chính phong-hóa, càng phải có tư-tưởng hay, ý-kiến đặc-biệt lắm. Song phải theo cái phương-diện chung mà làm hoặc thể *hưng*, thể *phủ* thể *tị* mặc lòng.

Nay tôi kể mấy câu khá nhất trong «Mối sầu Trung» mà bàn cách làm văn :

Lạy trời thời gió lung-tung,
Đề cho thực-nữ anh-hùng gặp nhau.

Lạy trời thời quả địa-cầu,
Đề cho ta được bạn-bầu với trăng.

Bốn câu ấy không biết dàn thế ! « thời gió lung-tung » thế nào mà đề « gặp nhau » được ? « Thời quả địa-cầu thế nào cho với trăng bạn bầu » được ? Vả « bạn bầu với trăng » là *huyền-tướng*, « anh-hùng thực-nữ gặp nhau » là *chân-ý*. Nên dàn cho cái huyền-tướng đi trước mà dứt lại cái chân-ý chặn sau.

Chiều chiều lượn mát dưới trăng,
Trông lên chỉ thấy chị Hằng ở trong.

Câu ấy không sửa câu, nên thành ra « cuội » cả. Ai trông thấy « chị Hằng ở trong cung trăng » bao giờ !

Trời đông ai thời lạnh-lùng.

Ài thời được trời ? trời thời được chi ? Sao không đặt là

Gió đông ai thời lạnh-lùng.

Thế nhưng mà *gió đông* thời về xuân cũng chẳng lấy gì làm *lạnh-lùng* cho lắm (1)

Trông non mà lại nhớ nhờ non sông.

Chữ *sông* vào cuối không đặt ! Sao không lấy màu mà đặt rằng :

Trông non mà lại nhớ nhờ thề non.

Ồi ! văn-chương là một việc thốn-tâm thiên-cổ, có phải dễ đâu ? Xem mấy câu đó đủ biết soạn-giả không biết dàn thế, nên những đoạn lộn-sộn đây

trong trang giấy ; không biết sửa câu, nên những câu rom-rác đầy trong quyển văn ; chẳng biết cân chữ, nên lắm đoạn hồ-đồ ! Người làm văn phải có biết *dàn thế*, *sửa câu*, *cân chữ* thời mới đủ truyền-bá được một bài văn, điều hay đủ cho người học, điều dở đủ cho người chữa ; rồi mượn truyện này mà tả ý-kiến kia, đem cảnh này mà tả truyền ra tư-tưởng khác, tha-hồ nói tình, xong mượn tình mà biểu ra một cái thể-giới ngoài cõi tình, hay đề tình mà luyện trong cõi tình thời phải cho chung-tình, chính-tình, chân-tình, chứ có đâu cái lối tang-gian như là

Em là con gái hái dâu,
Thấy anh mũ trắng trên cầu giồng chơi.
Ước gì anh biết đến tôi,
Cùng nhau ta rủ nhau ngồi trong dâu.

Ồi ! rất là khả-ố cho đũa con gái nào lại lẳng quá thế vậy.

Cứ bảo văn vần đề nói tình nói cảnh, (là nhằm), gặp cái gì nói cái ấy, trông vật gì làm văn ấy, thấy người nào hát người ấy :

Văn-minh khắp cả hoàn-cầu,
Ông sư cũng húi cái đầu năm xu.

Cố làm ra điệu tự-nhiên, làm ra có tài ứng-khâu mà đến :

Cái áo khách trắng,
Cái quần lính thâm,
Ai xui con cóc nghiêng răng, (2)
Trời cho tí nữa hóa ông hùm (3)

Thế thời máy nào in cho kịp sách, kho sách nào chứa cho hết sách, đất đầu mà cắm nhà cho các bực văn-nhân ! Văn thế thời vô-cùng-lận được, tôi đây không có tài giỏi cũng có thể kéo luôn :

Cái bia sách vàng ! !

Cái chữ đề đỏ ! !

Ai xui người nào làm sách đó ! !

Trời cho tí nữa hóa ông hổ ! !

Hữu-Tô PHẠM XUÂN-NÙNG.

(1) Gió Bắc và gió Thu thời mới lạnh-lùng, thời gió lung-tung cũng vô-nghĩa.

(2) Giở lên 3 câu phong-đao ở trong Mối-sầu-Trung.

(3) Câu này ở bài Từ-khúc điệu song-khai đề ảnh vợ chồng cậu X... của soạn-giả.

Sách NGỌN ĐÈN KHUYA của ông MÀN-CHÂU NGUYỄN MẠNH-BÔNG

In tại nhà in Ngô-Tử-Hạ, mới xuất-bản tháng Janvier này giá mỗi quyển 0 \$25

Dưới ngọn đèn xanh, một mình canh khuya, bàng-khuàng, bàng-khuàng, nghĩ hết truyện mình lại đến truyện đời, tưởng hết việc này lại đến việc khác. Người ta phần nhiều ai cũng như vậy. Nhất là những khách đa-sầu đa-cảm (1), hoặc nhân cái lúc ấy mà đem cái u-tình (2) phát ra nhờ văn, hoặc ngâm lại câu văn mà nhớ lại sự cảm-phát ngày trước. Câu văn thêm cái cảm-tình, cảm-tình lại thêm câu văn. vậy thời « ngọn đèn canh khuya » chính là lúc sinh cái sầu cảm, mà cũng được tả cái sầu cảm.

Thế nhưng mà : văn-vơ trông bóng một mình, để ai thấu cái u-tình cho ai ? !

Vậy nên đã nhờ cảnh « đèn khuya » mà gây nên cái tình văn-chương, thời lại phải đem văn-chương mà công-bổ ra, làm một cái kỷ-niệm « những lúc đèn khuya » cho mọi người cùng biết.

Quyển *Ngọn đèn-khuya* này xuất-bản, có lẽ là vì thế chăng ?

MÀN-CHÂU NGUYỄN-quân vốn là một người thư si (3), tình-si, chứa sẵn cái lòng đa-sầu đa-cảm : « Ngọn đèn xanh ngắt, thư-phòng một ai » (4) kể đã lắm lúc « lòng chẳng dứt mà bưng, ruột chẳng nung mà nóng » (5), ấy cũng là vì cái văn-chương mà buộc mỗi sầu cảm ! Vậy những khi hạ-bút (6), những lúc ngâm-nga, thuần là tình-ý chứa-chan, sâu-bi dẻo-dắt cả... Nhưng hẳn cũng tự-nghĩ :

Cái thân mình đã « mắc vào vòng đào-chú » âu cũng phải « theo thời mà giả nợ đi cho xong ». Nên trong khi án sách ngọn đèn : sầu riêng một mình vui riêng một mình vui là vui với văn chương thời lại phải tìm bạn văn-chương cùng vui. Quá nửa cái cảm-tình chia ra cùng bạn văn-chương, cũng là vì thế. — Non một nửa cái tình riêng. thời thuận những giọng nhớ thương, những tình ai oán, đem nhờ đồng-tâm làm câu kỷ-niệm ; đối với cái tình người bạn văn-chương tuy có khác. nhưng rút lại cũng vì cái cảm-tình mà ra. « Cánh hồng bay bổng, chim yến lạc đàn, nhớ ai không cánh bay tìm được, trông-tr một gánh. (7) Hồi-tưởng (8) đến bao nhiêu tin nhận thư hồng ngày trước. lại bàng-khuàng thêm nhớ đến miền Sông Bo (9) ! Ấy thời chiếc bóng canh tàn sáu cũng là phải ; mà chỗ đó cũng là thêm vị cho câu văn « đèn khuya », vì văn có tình thời thường dễ cảm. Ôi ! kể nghe văn còn cảm, thời cái người chung mỗi cảm-tình ấy tắc lòng làm sao ?

Thời cái chân-tình (10) của người làm văn chỉ nên bàn qua cái văn người làm nên bàn kỹ.

Tôi may được NGUYỄN-quân quá, yêu, cho xem tập văn này, nhưng tự-lượng học-thức còn hẹp đâu dám vội dự, phần bình luận. Vậy chỉ xin lấy tình người bạn thân yêu mà trích bàn vài câu.

(1) Đa-sầu đa-cảm 多愁多感 = Sầu nhiều cảm lắm, ý nói hay buồn hay cảm, lắm khi sầu, thấy cảnh ngộ tình kia hay sinh cảm sinh sầu.

(2) U-tình 幽情, cái tình riêng của mình, một mình mình biết, một mình mình hay.

(3) Thư-si, 書癡 = là kẻ ham mài sách vở, chính là ngầy về sách.

(4-5) Trích ở bài « Ghi lời chị Nguyệt » đăng báo Nam-phong kỳ 14 trong bài này chỗ nào, có dấu « » thời là trích ở văn ông BÔNG.

(6) Hạ-bút 下筆 = Đặt bút xuống viết, làm văn.

(7) Cung ở bài « Ghi lời chị Nguyệt » cả

(8) Hồi-tưởng 回想, Tưởng giở lại, nghĩ về trước.

(9) Sông Bo là tục-danh của Sông Bồ thuộc về tỉnh Thái-bình (chỗ mà hiện bây giờ nhà bình-phẩm này đương ở)

(10) Chân-tình 真情 = Cái tình thực-thà không phải là cái tình giả-giới.

Đại-khai MÀU-CHÂU NGUYỄN-quân có tài lưu-hoạt, phàm hạ bút là viết ngay, không chịu tí-mỉ nắn-nót cho nhời văn tiêm-sảo, vậy cứ nói cho công-bằng thời văn-văn này cũng chưa dám quá khen, nhưng đáng khen vì lắm câu êm-ái mà tả được cái chân-tình, lắm câu dẻo-dắt mà khiến người cảm động. Phàm lối vận-văn nếu đã gò-gắm từng chữ thời thường dám bớt phần tự-nhiên, mà không tả hết được cái chân-tình vậy.

*Đã chán phong-trần với tuyết sương,
Đông qua rồi lại bóng xuân-quang.
Ai về nhẩn-nhủ người tri-kỹ,
Chờ gió Nam sang sẽ đã vàng.*

Ấy là những câu tự-nhiên mà dễ nghe.

*Trăm mối tơ vương mấy đoạn sầu,
Ngọn đèn lưu-hắt chốn thư-lâu.
Xem thơ Lục Phóng-Ông ⁽¹⁾ mà then,
Cảm cảnh giờ thu lại nhớ nhau.*

Thời là những câu nào-nùng mà dễ cảm. Những « câu hát vật » thời rất êm tai, như :

*Gió thu sơ-sắc hồ sen,
Kể về Hà-nội người lên lĩnh Bờ.
Sóng Bờ nước chảy lờ-ờ,
Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi,
Câu văn tình ấy, thể mới là chính-tình.*

*Em ôm bó mạ xuống đồng,
Miếng ca tay cấy mà lòng nhớ ai.
Ngửng lên em lại trông giời,
Bóng chiều đã xế mà người chưa sang.
Thời cũng ra nhời phong-dao ⁽²⁾ lắm.
Càc bài sầm cũng êm mà mới cả.*

Bài « nhời-oanh » thời văn vui mà ý rất cao.

Song đó là xin trích bàn qua, còn các lối thơ ca, các từ-khúc mới, thời còn nhiều Xin nhời các ngài xem sách bình-phẩm.

Nói rút lại thời NGUYỄN-quân là một tay làm báo, nguyên là chuyên nghề văn xuôi, lối vận văn phần nhiều chỉ chuồng về tự-nhiên mà tả cho được hết cái tinh-tử. Đương buổi quốc-văn còn mở rộng, chắc rằng : NGUYỄN-quân đã chịu khó lưu-tâm thời ít nữa hẳn cũng có buổi hoàn-toàn.

Tôi nhân lượng biết cái lòng NGUYỄN-quân, « Ngọn đèn khuya » đây mới là ghi cái cảm-tình về trước ; non nước còn dài, cái xuân còn trẻ, còn lúc canh khuya tựa án, kêu ngọn đèn cao, thời lửa lòng còn bốc, mà duyên văn ran-rứu sau này còn lâu

Tôi cũng được lạm-dự vào làng văn, cũng từng đã được nhiều phen cùng với NGUYỄN-quân « đèn khuya chung bóng » chung cái tình văn, chung mối sầu-cảm, vậy xem tập văn này cũng phải chia cái cảm-tình cùng ai....

*Đêm khuya gió lọt mái ngoài,
Ngọn đèn xanh ngắt canh dài buồn.
Xem văn riêng nghĩ một mình, [tênh.
Khiến người trăm mối tơ tình vãn-
[vơ ⁽³⁾.*

Nhân lại sức nghĩ mấy câu đó của tôi ; Dưới đèn khuya cầm bút viết bài dự bàn vào quyển « Ngọn đèn khuya » của NGUYỄN-quân.

Cử-nhân TRỊNH-ĐÌNH-RU Thái-bình

(1) Lục Phóng-Ông 陸放翁 = Là một nhà thi-nhân Tàu, làm thơ không hề than cá tuổi mình già, cái phận mình thấp, như các lối của những nhà thi-sĩ khác ở Tàu. Mà thơ lại có cái tinh-thần thượng-vô.

(2) Phong-dao 風謠 = Câu hát của dân-sự xứ nào tả cái thói hay thói giờ của xứ ấy, tự-nhiên không có nói bông-lông mà theo cái thú của người xứ ấy, cái tình của người xứ ấy, như hững bài thơ Quốc-phong 國風, trong kinh Thi 詩 là một tập góp các câu hát của 15 nước ở Trung-quốc ngày xưa, và những câu hát của ta.

(3) Bốn câu này đã đăng trong Nữ-giới-chung bây giờ đổi làm báo « Đèn-nhà-nam » (Ru).

VĂN - UYÊN

THƠ CA CŨ

HÁT NÓI

Nhớ chinh-phu

Trước lầu thú-phụ mira hoàng-diệp, đầu ngựa hành-nhân gió tịch-dương. Khách thiếu-niên vô-võ đôi phương, trướng gấm sẽ chạnh lòng nơi ải tuyết. *Vọng Trường-an phiến nguyệt, tắc châm viên-tái chi hàn-y* (1) *Kiến phế-mạch thùy-dương, tắc động thú-lâu chi hà-tướng* (2); ngày lần lửa thoi đưa bóng thoáng, khúc tương-tư ai đặt nên lời. Vầng trăng ai xẻ làm đôi?

Cáo quan về nhà

Tiết-Phùng hưu ca lão khứ giã (3), *Đào-Tiêm dĩ phú qui lai hề* (4). Chỉ vân-sơn nhận lấy đường về, đừng theo đuổi phong-trần chi mãi mãi. Trời đất nê-nang người khí-khái, nước non bênh vị mặt tài-tinh. Đạo-Trích lợi Bá-Di danh (5), Thú-lĩnh Đông-lăng (6) ai phải chẳng? Thử nhắc đồng cân xem nhẹ nặng, chén bảy giờ còn e tiếng mai sau. Dầu người đá cũng gặt đầu.

Hợp thiếu ly đa

Nhân thế hần phùng khai khẩu tiểu (7), khách giang-hồ thường hợp thiếu ly đa (8). Nay bắc nam xum-hợp một nhà, gần đủ cả thắng - cảnh, lương-thời, thưởng-tâm, lạc-sự. *Hào trúc ai ti dư túy hĩ*, (9) *thê phong lãnh nguyệt dạ như hà* (10), thú nguyệt-hoa là nợ sẵn với cầm-thư, cuộc thi-tửu để riêng người phong-nhã. *Quân bất kiến hoa lạc hoa khai xuân khứ giã*, (11) hãy chơi cho lăn-lóc đá kéo hoài. Kia kia hải-giác thiên-nhai (12).

Cuộc công-danh

Cuộc công-danh không không có có, có rằng không, không có cũng ừ. Nào ai hay trời đất những bao giờ, mà đã chắc non sông là mấy tuổi. *Hồn hồn nhất đại khối, diều diều như nghĩ quần* (13); lọt lòng ra ai cũng có quân thân, mang lấy nợ lẽ lần khần không trả. Cuộc kim-cổ bày thôi lại xóa, cái râu mày nào biết đại hay khôn, trăm năm cũng một tiếng đồn.

ĐÔNG-CHÂU sao-lục

(1) Trông thấy bóng mặt trăng ở Trường-an, thời nện vải để may quần áo rét đưa ra ngoài cửa ải. — (2) Trông thấy cây dương-liêu rủ ở bên đường, thời động lòng nhớ chồng đi lính đóng ở ngoài thú-lâu. — (3) Tiết-Phùng làm bài hát kể tình cảnh mình đã già. — (4) Đào-Tiêm khi cáo quan về, làm bài phú *Qui khứ lai từ*. — (5) Đạo-Trích là tên đũa ăn trộm, chỉ ham lấy lợi; Bá-Di là người đi ăn, không thêm ra làm quau với nhà Châu. — (6) Thú là núi Thú-dương, chỗ ông Bá-Di ở ăn. Đông-lăng là tên đất, là nơi Đào-Trích ở. — (7-8) Trong đời ít gặp người thường được tươi cười, vì khi xum họp thì ít khi biệt ly thì nhiều. — (9) Lúc tiếng trúc rên rĩ, tiếng tơ ai oán ta đã say lắm rồi. — (10) Gió lạnh trăng xuống đêm nay ra làm sao. — (11) Chẳng, không xem hoa nở rồi lại rụng thì là mùa xuân đã qua rồi. — (12) Kia xem như người ở góc bể, người ở chân trời, ly biệt nhau xa biết chừng nào. — (13) Trời đất lì như một khối lớn, người ta nhỏ như một đàn kiến.

Cảnh già

Giật mình nay đã chẵn năm mươi,
 Lân-thần nào hay tuổi tác rồi.
 Mũi tuyết phát-phơ già dễ tới,
 Đàng mây khát-khoái bước khôn lui.
 Lá thân tan tác thương bề bạn.
 Nành gấm đua chen thẹn trẻ trai.
 Vườn cũ lần về thăm cụm cúc,
 Vài thặng cháu trẻ lượm hoa roi.

Vô tình tiễn biệt

Sách có chữ *vô tình tiễn biệt*. Khách với mình xưa quen biết chi nhau. Quê quán đâu nhà cửa đâu? Chán vì nổi nước lã ao bèo thêm đênh-đoảng. Dưới nguyệt chén quỳnh khi thảng thởng. Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi. Thảm-thiết chi mà giọt ngọc tuôn rơi. Mai đã ngược

xuôi người một xứ. *Cô nhận nam phi, vẫn bắc khứ, Hành-nhân Tây vắng thủy Đông lưu.* Khách về đã có bạn khâm trừ. Vui-vẻ đêm thu cùng mở tiệc. Đây cũng ôm cầm theo liễu-mạch. Thú cầm ca, còn lắm khách vui chơi. Kia kia cá nước chim trời!

Linh-Giang

Bước tới Linh-giang bóng đã chiều,
 Linh-giang phong-cảnh biết bao nhiêu.
 Miêu nghe lúp-xúp nhà quanh núi,
 Hàng quán lao-xao chợ dưới đèo.
 Ngoài biển lắng tai con sóng vỗ,
 Trong mây đáp-duông tiếng chuông reo.
 Ồi đồng ! ta hỏi sự đâu vắng,
 Rằng mới chơi đâu đã mấy chiều.

Quan Thượng Võ-KHOA

THƠ CA LAI-CÁO

Dịch Đường-thi

春 思	I	草	桃	東	春
	色	花	風	日	
	青	歷	不	偏	
	青	亂	爲	能	
	柳	李	吹	惹	
	色	花	愁	恨	
	黃	香	去	長	

送 李 侍 郎 赴 常 州	II	雪	楚	今	明
	晴	水	日	朝	
	花	吳	送	相	
	散	山	君	憶	
	北	道	須	路	
	風	路	盡	漫	
	寒	難	醉	漫	

Tứ Xuân

Ngàn dâu sắc cỏ xanh vàng.
 Bông hoa man-mác đưa hương dậm
 [trường.
 Gió đông chẳng cởi niềm thương,
 Ngày xuân dằng-dặng như nường
 [trêu ai.

Đưa Lý Thị-lang đi Thường-châu

Chiều mây ngọn gió pha-phối,
 Sông Ngô núi Sở mây hồi chia tay.
 Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
 Đường bi lãn ghĩ nỗi sau này mà kinh.

III

首 蓓 峯 寄 家 人	首	胡	閨	不
	蓓	蘆	中	見
	峯	河	只	沙
	邊	上	是	場
	逢	淚	空	愁
	立	沾	相	殺
	春	巾	憶	人

Gửi thăm nhà

Ngày xuân chiếc bóng quan-thành,
Trên sông sa giọt lệ tình thương ai.
Buồng trong riêng những ngậm-ngùi,
Sa-trường khuất nẻo xót người tương-
[tr.

IV

十 五 夜 望 月	中	冷	今	不
	廷	露	夜	知
	地	無	月	秋
	白	聲	明	思
	樹	濕	人	在
	棲	桂	盡	誰
	鴉	花	望	家

Đêm rằm trông trăng

Trời hôm chim gọi đầu hè,
Hoisương canh vắng đêm-dì. Hoa.
Đêm thâu chung bóng trăng, là,
Mà riêng thu-tử mặn mà vng h
Cao-bằng Ngọc - KIỂM.

Thú vui làm ruộng

(Lỗi thơ thất-ngôn cổ-pho)

Nhớ xưa học sách có chữ rằng:
« Nông-giả thiên-hạ chi đại nhân ».

Lại rằng « dân dĩ thực vi thiện ».
Đọc hai câu ấy không biết chán.
Bây giờ học hành đã giỗ-giang,
Mà việc công thương mình cũng nản.
Minh muốn quay về việc nông tang,
Tay làm hàm nhai chẳng ai oán.
Độ năm ba mẫu ruộng ngoài đồng.
Lại năm ba mẫu vườn trên cạn.
Ruộng thì cấy lúa lấy gạo ăn,
Vườn thì trồng cây lấy lợi bán.
Các thứ hoa mẫu ngô, đậu, khoai,
Các cây ăn quả hồng, thị, nhãn.
Trâu chăn bò giắt năm bảy con,
Cào, cuốc, cây, bừa ấy là bạn.
Thầy tớ làm ăn một thú vui,
Vợ con khó nhọc không ta-thần.
Thức khuya dậy sớm cũng chẳng nề,
Tay lấm chân bùn cũng chẳng quản.
Nước cây lửa cỏ không ngã lòng,
Nón lá áo toai chẳng ngao-ngán.
Khán trời gió thuận lại mưa hòa,
Không phải thủy tai không hạn-hán (1).
Ngoài ruộng thì lúa chín đỏ hoe,
Trong vườn thì cây quả nhan-nhãn.
Lại thêm trồng được mười mẫu dâu,
Dâu tốt chẵn tấm đề lấy kén.
Đã có tơ rồi ta dệt hàng,
Vải the hàng tấm kể từng kiện.
Đồ mặc đồ ăn đã đủ rồi,
Đoạn mùa nhàn hạ ta ăn chơi.
Cả mè rau rút mà phong-vận,
Cơm trắng rượu nồng một thú vui.
Lô-hoặc ngon mùi thanh-dạm đó,
Cao-lương cũng chỉ thế mà thôi.
Câu thơ Thất-nguyệt (2) dưới bích thóc,
Chén trà đồng-âm mùi hồng-mai.
Bên đồng lúa rom cơn gió mát,
Ngoài vườn hoa quả bóng trắng soi.
Khấn trời năm năm được phong-lâm,
Chúc Vua muôn tuổi trường-trị ngôi.
Lương thuế bao giờ cũng nộp đủ,
Chăm nghề đá-sắt để sinh nuôi.

Kỳ-hoa-tử ĐẶNG BÁ-DỰ

(1) Hạn-hán = Năng mẫn mùa.

(2) Thất nguyệt Thơ Thất... chép những công chuyện làm ruộng.

Địa-cầu tổng-ca

Tròn vành-vạnh quanh theo mặt nhật,
Trái Địa cầu là chất Hoàng-tinh.

Ngày đêm một giao lặt mình,
Một năm vừa giáp một vành Thái-dương.
Đất năm giải chia Hàn, Ôn, Nhiệt,
Cùng bốn phương Nam, Bắc, Tây, Đông.

Năm bề lớn rộng mệnh-mông,
Nước ba dất một vốn không đổi dời.

Năm châu lớn chia đôi thế-giới :
Á, Âu, Phi, một cõi đất liền.

Mi-châu nam, bắc năm riêng,
Úc-châu kia góp những miền cù-lao.

Người khắp ở châu nào cũng có,
Bốn màu da đen, đỏ, trắng, vàng.

Đỏ đen dân trí tầm-thường,

Âu-châu da trắng nên trang anh hùng.

Da vàng ta ở Á-đông.

Đốc-học Hà Tĩnh TÔN-THẤT PHÁN

Mừng ông Bạch-Thái-Bưởi

Buôn bán như ông nhất nước nhà,

Tiếng tăm lừng-lẫy khắp gần xa.

Cờ vàng gió phất miền Nam-hải,

Hiệu Bạch sơn in cõi Bắc-hà.

Âu học ba con vừa tiếp báo (1),

Kim-tiền một sắc đã ban ra.

Công-ti thịnh-vượng trăm năm mãi,

Quyền-lợi ta cầm lấy của ta

Đông-giang PHẠM ĐÌNH-TRẠC

Chết cho nước

(Dịch thơ Tây)

— Cha đi đâu đấy cha ơi ?

— Cha đi lấy súng, ra nơi chiến-trường.

— Không, cha xưa lúc tráng-cường,

Cha đã nhập-ngũ, nay đưng đực nào !

Cuộc này là cuộc binh-đạo,

Ba con xin quyết xem sao phen này !

— Thêm cha là bốn càng hay !

— Thằng em tử trận vừa rồi,

Bội-tình gấn ngực, cha ôi, xem này.

Xin cha hãy cứ về ngay,

Kéo đêm rét mướt kéo ngày xông-pha.

Tình cốt-nhục, nghĩa quốc-gia,

Hai con xin quyết đi ra phục-thù !

— Thêm cha vào nữa là ba !

— Cha ơi, số phận rủi kỳ,

Tử sinh, sinh tử ai thì vẹn hai !

Vừa rồi lại thác một người,

May còn một mống là tôi nổi dòng.

Chữ rằng hồ thỉ tang-bồng,

Minh con xin quyết trả xong thù này.

— Thêm cha vào nữa là hai !

— Ba con nay bỏ chiến-trường,

Không sảng không vắn tuyết sương lạnh-

Nổi này ai biết cho không ? [lùng.

Vì chưng quốc-biên phải cùng hi-sinh.

Tôi là tình nguyện cựu-binh,

Một mình xin quyết đình-ninh báo-thù !

Sao cho trọn nghĩa thờ vua !

Giáo-học trường Pháp-Việt NGUYỄN THẾ-ĐẠT

Khuyên các đứng nam nữ

Người sang trọng cõi doanh-hoàn,

Giữ gìn phận-sự cho toàn mới hay.

Trai thì nắm giữ thảo ngay.

Ơn sáu phải tính ngai dầy phải lo.

Đường quyền lợi rất cam go,

Chung nhau bồi đắp chớ cho ai dành.

Việc cơ xảo phải đua tranh,

Nghề nông, công, cổ, tập-tành cho xong.

Gái thì cầm giữ đức tông,

Thờ cha kính mẹ khuyên chồng răn con.

Giàu sang ra sức chịu đòn,

Tề gia trị-trợ vương tròn trước sau.

Tảo mộ là việc đứng đầu,

Thức k... dậy sớm lo âu mọi bề.

Còn... những việc trắng huê.

Trai mê... đức, gái mê hư mình.

Nhớ... 寒 ánh-huân đình-ninh,

Ghi truy... ong sách Thi-kinh đề đời.

Trên... Trong bực mấy người,

Ngàn thu... gia đề tiếng cười nhướn-nha.

Chi bằ... mình phải lo xa,

Tránh đi... khỏi, mới là người ngoan.

(1) Ba con trai ông Bạch-Thái-Bưởi

Đường... Pháp.

Lời khuyên dỗ rất châu-toàn,
 Khuyên ai có chí phải toan trau lòng.
 Một mai tiết rạng danh trong,
 Trai xong đạo cả, gái xong lễ thường,
 Tiếng khen bay khắp bốn phương,

Việt-Nam phong-hóa có nhường ai đâu.
 Từ đây tấn-bộ dục mau,
 Văn-minh là chỗ đua nhau vẫy-vùng.

MADEMOISELLE SON-ĐẠI
 (Vĩnh-long)

VĂN XUÔI

Văn khóc cha

Ngày 24, tháng 10, năm Mậu-ngo, niên-hiệu Khải-Định thứ 3, con bồ-côi Lãng, phục trước linh-sàng phụ-thân khóc rằng :

Trời ơi ! Đất ơi ! Sao đất cùng trời chẳng xét soi ? Tôi có tội gì hồi đất trời ? Núi Chay mây ám, sông Nhuệ nước trôi, ruộng dâu bãi bẽ, vật đời sao đời, nóng nổi này gây dựng bởi vì ai ? Khốn nạn thay cho tôi ! Ngửa cổ kêu trời, kêu không nên tiếng, cúi đầu khóc đất, khóc chẳng ra hơi, nức nức nở nở, xụt xụt xùi xùi, máu theo nước mắt, hai hàng tuôn rơi, tờ chia khúc ruột, chín đoạn toi-bời. Sầu này dặng-dặc biết thừa nào người ?

Khốn-nạn cha ôi ! Con nghĩ như cha, thật là vất-vả suốt một đời ! Nhớ cha thừa xưa, vốn là con nhà tôn-áo, dòng-dõi thư-hương. Vì động lòng em, phải xuất-thân ra gánh gồng chông-làng, thừa mười tám tuổi, quỳ gối nộp bút nghiên mà theo việc nhàn nhàn ruộng, quên nhà vì nước, hết sức dặng-hương, do binh-đình mà ngũ-chương, cứ thư-lại, on vua cũng chút giấy văn, ngạo khi Cao-bằng, khi Lạng-sơn, thế Thái-nguyên, khi Tuyên-quang, khi Phú-tĩnh Nghệ, khi đóng đồn Vàng, khi tru-ngũ, khi tải-lương, khi bàn toạ cầm tay mà tính-gỗ binh lương, khi gọng bút gài tai mà dong-duổi lên gông-lực, thời trèo đèo lặn xuối, lúc đải gió

dầm sương, hai mươi năm lẻ, trải bao nhiêu độ lao-nhương !

Thế mà việc quan lao-lục, vẫn còn bức về sự học, tuy khi gối trống tựa yên, chẳng trễ tay kinh miệng đọc, chỉ dấu chẳng thành, vui không biết học.

Kịp khi con lên tám tuổi, cha đã ba mươi. Con còn thơ dại, đang độ ham chơi, cha rằng : « Để con không dậy, lỗi ấy vì ai ? Cốt cho đi học, mới được nên người, ta đã thất học, lẽ để con lười ! » Đầu xuân năm ấy, dưng thầy về nuôi, chiều thầy hết đạo, năm bảy năm trời. Con tuy ngu dốt, lòng cũng không nguôi. Có khi việc quan thư-thả, tạm được nghỉ-ngơi, thời cũng ngọn đèn cuốn sách, mở đọc làm vui, ngâm nga đóng-dã, khiến cho đua theo, mà khuya sớm mài dùi. Hiếu học như cha, con tưởng chẳng có mấy người !

Tuổi con mười hai, miệng chưa sạch hơi, khi ấy cha mừng trên có hai cụ toàn đời, cha lấy làm một sự gia-đình rất vui, liền vì con mà kiếm chốn tìm nơi, khiến cho gia-thất sớm hài, để cho hai cụ hỉ-hả tươi cười. Con tưởng như cha vì con lo toan hết sức, vì con xếp đặt hẳn-hoi, thật là công-lênh bằng bề bằng trời !

Con mười bảy tuổi, chẳng may mẹ con lại sớm qua đời, cha thời gà sống nuôi con, gông-lực đất gánh, con thời gà con nhà mẹ, thừa bé bồ-côi, sự nhà sự

về, chưa kịp than-thở đôi-hồi, mà ngày hai mươi hai, cha đã vội đi châu Phật châu Trời!

Hỡi cha ơi! Hỡi Trời ơi! Trời sao nhỏ hẹp hòi? Cha tôi xuân này, mới tới tuần bảy mươi, trời có hiếm gì một tuổi, để cho cha con tôi sẽ được xum họp, vui rón một hồi, mà nữ lòng chia rẽ làm đôi!

Đã hay rằng! đạo trời sinh sinh hóa hóa, sống gọi thác về, chẳng ai qua khỏi, trong vòng hóa-cơ. Cha đã tới cõi, còn có ngôi chi? Nhưng con trách duyên tử phận, chẳng được ra gì, chẳng biết lấy gì báo hiếu, chẳng biết lấy gì đền nghi, mà cha đã vội, cha bỏ cha đi, thiệt là trăm năm bức-tức, muôn kiếp thâm-bi!

Khốn-nạn cha ơi, cha sinh ra chúng con, từ khi hôn máu cho chí bây giờ, tuổi ngọt năm mươi, biết bao công trình khó nhọc, biết bao ân đức tài bồi, mà con thời nghèo hèn khốn-khó, bôn-tầu lòi-thối, chưa có lúc nào lòng con được hả, chưa có lúc nào bụng cha được vui! Lúc sống con đã chẳng có gì quà bánh dưỡng nuôi, lúc bệnh lại không được thang thuốc trông coi, lúc chết cũng không lấy gì mà táng táng hân-hoại. Con nghĩ thân con là một là trăm tội nghìn tội, muôn tội tội trời, mà để xấu để hồ, để như một đời!

Thôi! thôi! thôi! Cha ơi! Cha ơi! Cha con cách biệt, từ nay mà đi, cha con cách biệt, đứng đôi nơi! Con dẫu có lòng cô đầy, bỏ bèo lộn tươi, đặt thờ dóm cúng, nào biết cha Con dẫu muốn sớm khuya xum họp vầy vui, tìm đâu thấy người? Thiệt là chua xót Thiệt là đau-dớn lòng tôi! Trời ơi! Con nghĩ đến lời thời chẳng cho ăn, lúc chết tế rười», mà còn thấy

mực chảy, bút hạ châu rơi. Hồn cha có thiêng, hoặc ở dưới đất, hoặc ở trên trời, dám xin xét soi!

NGUYỄN PHAN-LÃNG.

Nói về sách « Mối sâu trung »

Quốc-văn nước ta bây giờ, còn đang thuộc về thời-kỳ ấu-trĩ, như măng mới đang nhú mầm, như hoa mới đang kết nụ, như chim non mới đang bập-bẹ học gáy, như trẻ nít mới đang lững-thững học đi. Phàm những người có chí ở quốc-văn, ai ai mà chẳng muốn mong cho sớm đến ngày thành búi thành cây; ai ai mà chẳng muốn mong cho chóng tới khi phát hương phát nhị; ai ai mà chẳng muốn mong cho đua hơi đua tiếng, để mau đến độ đồng-thanh; ai ai mà chẳng muốn mong cho cứng gối cứng gân, để nhanh đến kỳ tấu-bộ? Đó là cái hi-vọng chung của quốc-dân ta, chính đang nghênh cổ, kiềng chân, ghé mắt trông ngóng về bọn thiếu-niên tân-tiến ngày nay.

Từ khi quốc-văn xuất-hiện đến bây giờ, trước-thuật nghe cũng đã nhiều, in bản kê cũng đã lắm, đàn kêu sao thối, vãng-vut như ve, ngọc nhả châu phun, vãi vung như châu, ta thường có ý lấy làm mừng cho tiền-dò quốc-văn, mà lại có ý lấy làm sợ cho hậu-vận quốc-văn! Nhưng ta vốn là con nhà cựu-học, tuy chưa lấy gì làm già, mà kê cũng đã là già, tai đã nghên-ngãng vậy, mắt đã tò-mờ vậy, về đường quốc-văn, phần làm đã không có tài, phần xem lại càng biếng-nhác, vậy nên trước mắt dẫu có châu rơi ngọc rụng, cũng chẳng biện ra rằng ngọc rằng châu, bèn tai tuy có đàn ngọt hát hay, cũng chẳng nghe hiểu là đàn là hát, tuy cũng có lúc sách bày trước mắt, người đọc bên tai, nhưng người ngạo rằng hay, thời cũng là đàn là hát, tuy cũng có lúc sách bày trước mắt, người đọc bên tai, nhưng người ngạo rằng hay, thời cũng

dở, thời cũng gặt đầu là dở, chớ chưa từng có một lời nào là một lời bi-lý, mà cũng chưa từng có một câu nào là câu tán-dương chi cả. Vì là văn-chương mà được vào trong bực phẩm-bình cũng đủ khó, mà cái mực thước để phẩm-bình văn-chương lại càng khó lắm. Ta tưởng văn-chương tức là một cái vật, mà bình-phẩm tức là một cái cân, cân vàng cân đá cũng là cân, cân bông cân bắc cũng là cân, cân tất phải tùy vật qui tiện khinh trọng làm thăng-bằng, chớ hà-lặng có bụng gì thiên-tư, mà tự làm ra nhẹ nặng? Tuy vậy, nhưng ta chưa phải là cân, đầu dám nói đến sự cân mà mó tay vào cái cân thăng bằng, để nhắc xem nhẹ nặng!

Ta vốn là một người đa-sầu đa-cảm, thường hay thích nghe giọng sầu, ưa xem văn sầu, yêu nói lời sầu, vui tả cảnh sầu, mà dịp này lại nhân gặp một cái sầu trung-thiên, châu như như tuôn, ruột đau như cắt, ngồi không buồn cựa, nằm những thở dài, muốn giải sầu mà sầu không dứt, muốn nuốt sầu mà sầu không xuôi, nghĩ chẳng ra lời, bút không buồn mó, đang khi bức-tức giần-giọc, dầu-dĩ một mình, không biết than-thở cùng ai? Bỗng có một vị cầm một cuốn sách lại bên cạnh, đọc mấy câu rằng: *Mỗi sầu trung, mỗi rối lung-tung, mỗi rối lung-tung gỡ giúp cùng, vân vân...*

Ta đang cơn sầu, chợt nghe thấy câu văn sầu, lòng nào cầm được, mà không cảm? liền vùng dậy hỏi: thơ gì? của ai? Vị ấy rằng: thơ « Mỗi-sầu-trung » của một vị thiếu-niên, tên là Hoàng-Thăng, mới in hán. Đón lấy xem, vừa trông qua cái nhan sách, chưa kịp xem suốt, giờ ngay xuống cuối sách, thấy có mấy câu đề hậu, đặt nầy mình! Sợ thay cho thầy Hoàng-Thăng! mà lại lo thay cho cả những bậc thiếu-niên tuân-tú như thầy Hoàng-Thăng!

Ồ! sầu, là một cái khi thu vậy. Khi thu tiêu-diêu túc-sái, tất có trải qua trong tuần xuân-sinh hạ-trưởng, rồi mới kết nên, chưa có khi nào đang mùa sinh-trưởng, mà lại có cái khi tiêu-diêu túc-sái bao giờ. Thế thời sầu không phải là cái cảnh của những bậc thiếu-niên, mà những bậc thiếu-niên cũng chưa nên vội sầu.

Thầy Hoàng-Thăng tuổi ngót hai mươi, đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, đang sức đua ganh, vì cũng như măng đang độ non, cây đang độ lớn vậy. Dầu có « lung-bung » chẳng nữa, ta tưởng cũng chưa « lung-bung » là bao nhiêu, mà dầu có « đôi co với đời », ta tưởng cũng chưa « đôi co » mấy nổi! Thế mà chưa chi đã vội « rối », chưa chi đã vội « sầu », chưa chi đã vội « kêu trời », chẳng biết thầy vì ai mà sầu, vì ai mà rối, vì ai mà kêu đó ru? Vì mình đó ru? hay là vì đời đó ru? Bảo rằng vì mình, thời đang buổi thanh-niên đã có sự gì đáng sầu, mà đã rước lấy sầu? bảo rằng vì đời, thời đang buổi bây giờ, không thấy có ai là sầu, can gì mà phải chia sầu? Thế thời mỗi sầu của thầy, không biết bởi đâu sinh ra, mà thầy sầu quanh, sầu quẩn, sầu vẩn, sầu vơ, đến nỗi rối rối lung-tung như vậy? Lại thầy hường thầy lại muốn quăng cái bong-bong ấy ra, bán cho thiên hạ kén cho thiên-hạ cũng lại gặt quả nỡ quẩn, gỡ vẩn gỡ vơ, thêm lung-tung như thầy hay sao? Ta sợ thầy hạ hết thầy đều như thầy, mà mình vào cả trong cái lưới sầu, lung-tung trong thành sầu, thời thế-giới có lạnh lạnh ra thế-giới sao được?

Đã thế, thì rằng, ở đời cũng có cái sầu, nhưng không có từng đoạn, sầu có từng khúc, sầu có từng lúc, sầu có từng cơn, cũng nầy cái cây, sầu cảnh này lại sinh cảnh khác, cây mía sầu dần nở hoa, đoạn này xấu mà đoạn kia, đoạn này xấu mà đoạn

kia tốt cũng nên, khúc nọ héo mà khúc khác tươi chưa biết, hà-tảng có mối-manh nào? Chẳng qua chỉ tại người chấp nối, cho nó lòi-thời dặc-rối ra đó mà thôi! Cái sần của thầy, chẳng biết nó là cái sần ngoại-cảm, hay là cái sần nội-thương? Ta dám chắc rằng nó còn là cái sần ngoại-cảm, chớ chưa phải là cái sần nội-thương, mà dẫu cho có phải là sần nội-thương chẳng nữa, thời cũng còn là cái sần trẻ, chớ chữa phải là cái sần già, chắc còn có thể dễ chữa được lắm! Ta xem lời tựa của thầy có nói rằng: « trẻ nên biết sần mà bốc thuốc sẵn cho sần, nhớ phải chữa ngay. » Thế thời phương thuốc chữa sần, tất thầy cũng đã sẵn có và ta cũng sẵn lòng chúc-vọng cho thầy, sớm tìm phương thuốc mà chữa, kéo mà hoài mất một đoạn xuân xanh!

Nay chữa sần chẳng gì bằng văn-chương; vậy cõ-nhân có cái gì uất tức trong bụng, bức bối khôn khuây, tất phải ngâm vịnh thành ra câu thơ, cảm hoài viết nên câu phú, để tả cái cảnh sần, giải cái tình sần, phá cái khối sần, cho hả cái lòng u-uất. Thầy chừng hẳn cũng có ý thế, vậy cũng muốn đem văn-chương vấn thế, để tả sần, giải sần, phá sần đó chăng?

Xem những thể văn của thầy nói đàng nói cay, kể thời cũ tung lăm mối thật! Nghe nói tóm lại, thời chỉ trong một đủ hiểu ý-kiến của thầy, sỡ dĩ muốn « đòi-co không phải là không duyệt khác bất-tất nói, mà cũng xiết, hằng nói một câu, đây cũng chẳng có tiền, nghiên với đời, ai ơi lấy lấy ra cũng được đủ cười tự-hồ ý thầy chính lấy tự-phụ, mà lại lấy « bút cười, kể ra thời cũng đàng Không những thầy lấy lán

mà tôi cũng lấy làm buồn cười, không những tôi lấy làm buồn cười. tức chi ai ai cũng phải lấy làm buồn cười, như thế thời muôn thắm nghìn sần, cũng đã đủ một trận cười như không, còn gì là sần, mà còn sần đâu mà giải?

Thôi thôi! thầy ơi! Sần làm chi? đeo sần làm chi? trò đời chẳng qua cũng như một đám phùng tuồng vậy. Dẫu mà kể giọng Nam-thương, hát khúc Nam-ai, cho có gào-gặt thắm-thiết đến như thế nào cũng chỉ pha trò một câu khôi-hài, là mất hết cả.

Nay thầy đã muốn đem văn thơ làm một cái vật khôi-hài, để tiêu-khiển cùng những kẻ giai-nhân tài-tử, trong ánh thiếu-niên, chí-thú như thầy, tu-tướng như thầy, kễ cũng hiểm có thực! Tôi yêu vì cái tuổi thiếu-niên, mến vì cái văn thiếu-niên, hằng nên vui lòng gắng sức, hết cái nhiệm-vụ thiếu-niên, chớ nên bức-tức với trời, mà kêu ca mãi trời, cũng chớ nên vội oán hận với đời, mà « đòi-co » mãi đời, không những rằng không có ích gì đến ai, và lại dễ khiến cho những bức tài-tử giai-nhân cảm-mạo vì những câu văn, sinh ra phiền lòng não dạ; thế thời mỗi sần gỡ biết bao giờ cho xong? mà câu cười cái bút cái nghiên, để đời biết đến bao giờ cho hết?

ĐÀM-XUYÊN

Hai buổi chơi Hội-chợ

I

Hôm chủ-nhật 15 Décembre tôi vừa xuống đến cửa nhà Đẩu-xảo Canh-nông thời gặp ngay cái bi-kịch quan Toàn-quyền SARBAUT bị người Tây tên là Desvignes bắn một phát súng; bèn trở lại nhà, rồi xuống nhà Thương Đồn-Thủy hỏi thăm tin, cho biết cái ngôi phúc-linh xứ Đông-dương ta không

Mấy hôm bị công việc phận-sự mình bó buộc không rỗi thời giờ mà qua thăm cảnh Hội, cho thỏa được bụng nhiệt-thành mong-mỏi biết cuộc thương-nghiệp, nông-nghiệp, công-nghiệp và kỹ-sảo nước mình. Ấy cũng bởi thế cho nên đến chiều hôm thứ năm 19 Decembre tôi mới cùng một đứa em bé đi xe lại xuống xem Hội.

Bước chân ở nhà đi, tôi nghĩ rằng: trước là nhờ quan Toàn-quyền SARRAUT nhiệt-thành muốn mở-mang đường tiến-bộ về thực-nghiệp cho cõi Đông-dương ta, mới dựng cái Hội-chợ này; thế mà rủi cho ngài hôm bước chân ra làm lễ khánh-thành rất trọng-thể ấy, đương đi với các quan thủ-hiến các sở, vừa vào qua cổng-sắt, đến trước gian hàng thứ tư thứ năm thời bỗng có một người Tây đứng núp sau đám đông người mà phạm đến thân-thể ngài bằng một cách rất khả-ố! Thế thời có lẽ Hội-chợ cũng giảm sự vui-vẻ hẳn? Hay là Hội-chợ cũng chẳng được đồng-đào hoàn-toàn? Vì truyện *Kiều* nước ta có câu :

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!*

Vậy có lẽ phong-cảnh Hội-Chợ cũng có chia buồn với cái vết thương của quan chúa-tể nhân-tử, đại-lượng, nhiệt-thành với quốc-dân ta chăng? Tôi lại phảng-phất đến hôm chủ-nhật ấy, tôi mới đến ngoài cửa trông thấy cờ bay phấp-phới, nhà mới lợp gạch cùng ngói cái đỏ cái vàng san-sát, người đi lại chen nhau. Tôi cùng đứa em bé bước lên xe, đi chừa-chan những tư-tưởng...

Xe đến đầu phố Phủ-doãn thời đã đổi sang tư-tưởng khác, nghĩ hình như là quan Toàn-quyền vô-dạng ngài sắp lại mạnh, thời giang-sơn có vẻ vui mừng, cho nên trời quang mây tạnh, chiều hôm ấy xe hơi, xe ngựa, xe

hàng chạy như guồng quay tợ, trông vui mắt lắm; lại người nhà quê, kẻ chợ người thanh-lịch, kẻ lam-lũ, bông con bé cái, giắt mẹ hầu cha, đánh bè đánh bạn, cô áo xanh, cậu áo tím, thầy áo đoan, bà áo hoa, ông quan đeo mền-day choáng ngực, cậu bếp mặc binh-phục chỉnh-tề, thực chẳng khác một cái rạp hát khéo của hóa-công bày ra, mà người đi xem này quên hẳn mình là một kẻ đa-sầu đa-bệnh, nhường theo cảnh-trợng mà lẳng-hái, có cái khái lẳng-ván, trông như là nước Nam ta đã thành một nước rất văn-minh trong thế-giới, dân-gian vui-vẻ thái-bình, chạy số vào cái võ-đài cực-lạc mà nước Pháp đã duri-dặt bọn ta lên.

Xe gần đến Hội-chợ thời vừa gặp một bọn ước chừng ba bốn mươi cô nữ-học-sinh ở trường Hàng-vôi vào xem hội đi ra, hẳn là các cô lưu-học-sinh lớp Sư-phạm và lớp sơ-đẳng tiểu-học; xếp hàng đi thùy-mị mà nghiêm-trang, mà có vẻ thông-tuệ mẫn-nhuệ lạ thường! Các cô-giáo đi kèm hai bên, coi cũng thứ-tự, tôi bắt xe đi từ-từ lại mà ngắm cái quang-cảnh bọn quần-thoa tương-lai làm vợ làm mẹ những bọn hậu-tiến nước Nam ta vậy; thông-ghe những tiếng cười câu nói, giọng điệu thấy có mới-mẻ. Xe đi xuống ^{thông} tới nữ-quân ấy đi lên, rồi mà khi ^{đến} đất tại, trong tư-tưởng tôi lại gọi ^{những} học-cô lên nhường ngọn nước trên ^{đầu} chảy xuống. Tôi nghĩ lại cái ^{đàn} đàn-bà nước ta xưa, và các bà ca ^{đàn} đàn theo tục cũ bây giờ, dâu về ^{đàn} đàn học-vấn tri-thức có kém, song le xét ^{đàn} đàn « tứ-dức » « tam-tòng » được khi ^{đàn} đàn của xã-hội ta huân-đào cho, cũng ^{đàn} đàn hay nên giỏi. Người đàn-bà con gái ^{đàn} đàn người giúp-đỡ trong gia-tộc, còn văn ^{đàn} đàn hiã-vụ đối với nước đối với xã-hội ^{đàn} đàn hết thảy theo ý người đàn-ông, « ^{đàn} đàn tề gia hậu trị-quốc » « ^{đàn} đàn đạo ^{đàn} đàn quân-tử từ vợ chồng

Thái-triều ai...
Thường...
bi lẩn

mà ra». Như vậy thực là phải lắm. Nhưng ở đời phong-hội mở mang theo ý phần đông người cấp-tiến muốn mang hết thầy công việc đời lại trách đến cả bọn nữ-lưu, «thời-buổi nào kỹ-cương ấy», ta cũng lại mong vào cái đám chất hồ vóc liễu kia nữa. Ôi! nếu mà cái đạo xưa nét cũ giữ vẹn được, lại có cái tư-tưởng mới, tài năng mới thời qui-giá đến đâu. Chắc hẳn trong bọn các cô di đày, hoặc cô-giáo còn trẻ, học-trò còn non, các cô đã được sinh trong xã-hội qui-bán này, các cô đã được soi cái gương tốt của tiên-nhân để lại, các cô hiểu những lời dạy dỗ của tổ-tiên trong những quyển « Nữ-tắc », quyển « Nguyễn-Trãi gia-huấn » v. v., các cô đều biết rằng những cái điều ấy, cái gương ấy, cái thói nết ấy là chân-trọng, là chính-đáng; các cô lợm-lặt lấy các cái tư-tưởng mới, học-tập lấy các cách sinh-lý mới, kỹ-nghệ mới, các cô đứng lăm hai chữ « văn-minh », hai chữ « tự-do » mà các cô sai-lạc con đường cao-thượng, thời nước Tô Hồng-Lạc bốn nghìn năm này thực là mong-mỏi vào các cô vô-hạn vậy!

Đến cửa Hội-chợ, tôi dắt đứa bé em theo, cờ Đồng-minh chen nhằng phất cái vẻ thắng-trận, trông như cái lá cờ mà nương thấy trong có cái hình ảnh ái-quốc của người Pháp, cái ảnh tôn-hân chuộng công-lý, chuộng học-đạo, chuộng phú-cường, chuộng khai-hóa cho các giống hèn yếu của nước Đồng-minh, đến cái ngọn cờ hồng trên góc có ba sắc xanh, trắng, đỏ, cờ của nước Đại-Nam ta, mà nhìn cái tinh giao-thiệp của vua Thế-Vinh ông Bà-da-Lộc, cảm cái công-đức đại-độ Cao-Hoàng, tưởng đến cái cờ của thầy Đại-pháp. Ôi! Cái cờ kia, hồi hồi dân Nam-Việt ta ở tay trong ấy là cái hình-ảnh tổ-tiên, là cái quốc-hồn của ta, nay nay

Đại-Pháp đã được chen bóng với các hồn kia, vể-vang thay! đáng để ý vào đó vậy thay!

Vừa vào hai giấy hàng trước cửa thời gặp ngay hiệu *Hương-kỳ* cho người bán các ảnh những người Nùng, người Mán, người Mèo, người Thổ, người Nhắng các hạng người ở thượng-du về, coi trong các cái ảnh ấy thực là rõ được các giống người chen nhau rải-rác ở các khe núi chân đồi trong giang-sơn gấm vóc nhà ta, chỉ vì núi non ngăn-trở, ít giao-thông mà chậm đường tiến-thủ; cho nên còn dẫu-ngu, hủ-lận, thô-bỉ hơn ta, e rằng sau này bị cái lệ đào-thải của thiên-diễn mà cũng đến mòn-mọi hết thôi! Tôi có mua một ít ảnh làm kỷ-niệm.

Hai giấy ấy ở ngoài này, thuận là của các hội của những người Tây, bán các đồ chế ở bên này, và khai-khẩn ra ở bên này, cùng buôn bán ở bên này, tôi xin thú thực rằng trong lòng tôi đã chứa sẵn cái bụng phục cái văn-minh về kỹ-nghệ, về cơ-khí, về thương-nghiệp, về công-nghiệp của người Pháp rồi, cho nên tôi chỉ xem qua những than mỏ, đồ tơ sợi, đồ sứ và các đồ khác nữa v. v. đi một lượt rồi tôi đến xem nơi khác, kẻo bấy giờ bóng chiều đã xế, thời giờ nó làm cho tôi phải sơ-lược, mà không nhớ được hết. Song nói tóm lại thời cái gì cũng tốt, cái gì cũng đẹp mà phần nhiều là nhân cái vật-liệu hay là thổ-sản của nước ta mà chế ra, làm tinh-sảo ra, thế mới biết cũng là của mà vào tay người Pháp thời cái giá-trị nó lên biết thế nào! Ta nên soi gương mà học đòi lấy người Pháp! Trong cái giấy hàng ấy cũng điếm có hàng của người Nhật-bản, bán đồ sơn, đồ vẽ, đồ đúc kèn và kẹo bánh. Đồ Nhật khéo thời có khéo, song tự tôi coi thấy đơn bạc mà không có ý kiên-cố, chỉ dùng để mà chơi thời được, Tây nhiều lắm.

Tôi giảo bước đi sang phía tay trái nom cái bãi cỏ, sau giầy hàng bên tả có cái ao con, làm cái nhà thủy-tọa bằng lá nổi ở giữa, và một cái diều-dài lợp bằng giang đàng góc kia, coi cũng có cái thi-vị một chút. Đường đó có cái hàng bán rượu bày bàn ghế san-sát, tôi trông thấy một người bạn tôi cũng làm nghề đồn-diền cho nên đương ngồi chạm cốc với các ông Tây đồn-diền, coi thực là thú-vị, rõ-ràng bình-đẳng, chẳng còn có chút ghê-lạnh gì nhau rằng kẻ Pháp người Nam. Tôi đi qua đấy để đến xem chiếc tàu « Perle » nhỏ, cốt sắt mà ngoài thời bằng xi-măng (ciment) trên đèn điện sáng choang ; các ông Tây, bà Đầm và các cô, các cậu con Tây trèo lên trèo xuống chơi tự-do lắm. Người Nam ta ít người lên được, vì cái tàu ấy nhỏ, người chủ tàu không muốn cho lên đông quá.

Qua chiếc tàu ấy thời tôi liếc một lượt đến các đồ của người Nam ta mới chế ra, học-trò các trường kỹ-nghệ làm, rồi tôi qua hai giầy các hàng Annam, xem qua một lượt, sang ngay chỗ con gà mái bốn chân, người ta dốt vào trong cái chuồng vuông bằng gỗ, hai chân trước đứng đi như thường còn hai chân sau co lên, có người bảo tôi rằng : « ông xem đó mà xem, họ khâu hai cái chân ấy vào thịt con gà này, cho nên hai chân ấy khó đi không có sinh-khí nữa ». Tôi xem có thấy hai chân quặp lên không cựa-cậy được mà khô-khan lắm, không biết rằng có thực thế không ? Có người lại bảo : « đó là hai trứng để làm một ».

Xem qua rồi tôi sang chỗ bày các thứ rau, các thứ hoa, các thứ cây cảnh, rồi xem đến các giống ta nuôi trong nhà là thỏ, chuột bạch, gà gô, gà sống, gà mái, gà thiếu, ngỗng, ngan, vịt, chim bồ câu v. v. Đủ các giống chim chơi như khướu, yến, họa-mi v. v., thời nhiều con cũng lớn lạ ch. Thái-triều ai. Thường khắc

hay vịt, ngỗng hay ngan những con to hơn các con thường ấy tôi theo gia-nghiêm tôi đi làm quan thừa bé đã được từng trông thấy nhiều khi, lại thường khi được ăn thịt các giống ấy nữa. Nhưng thịt nó không ngon bằng thịt các con thường, vì nó béo quá, xương nó cứng quá, da nó dày quá, chỉ là để chơi làm cảnh và dùng làm cỗ thờ-thần là đẹp mà thôi, vì nuôi lâu năm mới được to như thế, mà cũng có giống có thể to được thời nuôi mới nên to hơn các con khác.

Rồi sang đến nơi các thứ dê, dê đực, dê cái, dê sỏm, dê con, dê nhỡ, con béo, con gầy be be trong các khoang các cũi, cùng với đàn-cừu lông tốt mà trắng, lông mượt mà sạm. Cói xinh thay cái cách xếp đặt các khoang. Gần đấy có cái khoang những ô để lợn : lợn nái, lợn sề, lợn con, lợn đực, con to lớn hip cả mắt, con bé nhỏ mình thật lẳn, lẳn con vừa dài vừa cao, vừa béo, khi tôi học ở Sơn-tây cũng đã được xem những làng về vùng Nam-an, Cốc-thôn, Thịnh-thôn, Cam-giá, lắm con lợn khác thường như thế, người ta gọi là ông « Ý » để mỡ thịt thờ thần, cũng như các con gà tôi nói truyền trên kia, người ta cũng gọi là ông « Ý ». Ôi ! nghĩ đến cái lòng nghê-hung kinh trời thờ thần chân-trọng biết là sao. Thế mới biết dân mình là con dân ở đất ơn nghĩa, sùng-bái người hay tôn-trọng các bậc anh-hùng và triết, dẫu đời xa người khuất vẫn còn đeo nặng tấm lòng yêu nước ở trong, đến đời cũng tế thần mà nâng-niu qui-trọng nhân nghĩ đến mà nói vài lời. — Tôi xong đó tôi qua đến những cái nhà nuôi trâu, nhà chứa bò, nhà chứa ngựa, kiểu nhà gạch phân ô để ngựa đứng, khéo mà vừa-vặn, lại riêng một nhà chứa cỏ để phát cho các giống. Có một con bò dài mà to được giải nhất, còn nhiều

con bé hơn con bò ấy mà to hơn các con bò ta thường gặp nữa. Trâu ngựa thời cũng nhiều con béo tốt lắm. Hết các chỗ ấy, tôi đi ra đến chỗ sở Thú-y cắt người đến để trông nom vào các con trâu, con bò, con dê, con lợn đem đến Hội-chợ, gặp người anh em, cùng học bảy giờ đã đỗ Thú-y, đứng nói truyện, đã ba bốn năm trôi nay, mỗi người một nghề, mỗi kẻ một nghề, nhân ngày Hội-chợ mới được cùng nhau hỏi sự bình-yên, vui lòng thay !

Trời đã gần tối, người vẫn còn đông, thằng bé em giục về, tôi phải vội qua giã các đồ sản-vật và kỹ-nghệ của xứ Nam-kỳ, Cao-man, Văn-nam và tỉnh Hà-đông là tỉnh nhà tôi. Rồi ra lối bên hữu liếc qua các nhà Mán, gặp một toán nhạc-bình Lang-sa đương thanh cao hòa nhạc nghe thú sao ! Đền điện bật lên khắp các nơi, người về năm-nạp, xe chày ầm-ầm, hai anh em tôi phải trở về nhà, thằng bé con xem ý thích lắm, mà riêng tôi ngồi mâm cơm ăn thuật truyện cho người nhà, nghĩ đến cái vui Hội-chợ mới lại nhiều lắm vậy. Thế nhưng mới xem qua một buổi thời chưa xiết được, cho nên tạm để tu-tướng đi sang sự khác, mà lòng thời quyết đến sáng hôm thứ sáu là đi xem cho thật tỏ-tướng.

II

Sáng hôm sau, tiếp tục việc bạn thân, khuyên nên đi xem Hội-chợ cho kỹ về làm một bài ký-tả, nên đăng vào tạp-chí Nam-phong, cũng họ tôi đã sẵn có, nay lại được cao-mức này nữa, ta lại đi cho đến nơi nào

Trời mưa phùn, đường sá những bùn lầy, trèo lên xe nước rất là lâm-lâm, đến khi đi bao kín quanh cánh gà áo tôi chẳng trãi quanh đường, nhưng tiếng xe đi ngoài biết rằng cũng đông người bắt đầu đi xem như mình. Đến Hội-chợ n

vắng hơn hôm qua. Mà giầy hàng ngoài có một vài nơi đóng cửa. Tôi đi đến khoang thứ 6 gặp ngay một người anh em thân, cùng nhau xem đồ tơ của nhà máy sợi Nam-định làm rất công-phu, dệt ra các thứ lụa, nhiều theo lối tây mà những con tơ của ta đem làm ra từng cuộn treo rất là ngoạn-mục, khi bước chân ở đó ra nghe tiếng kèn ở các khu nhà Mán, Mèo, Thổ, thổi lên lại xen có tiếng thanh-la tiếng trống bèn rủ nhau đi từng lều một mà xem.

Thoạt tiên vào cái lều Thổ và Nhắng ở Lào - kay về, ngồi ở cái lều ấy mà trông ra là gần cửa bên hữu tôi còn nhớ chiều hôm qua, ở chỗ ấy rào nửa chung quanh, có một ông Tây ngồi ở cửa để thu tiền, những người lớn trẻ con ai vào xem thời phải trả hai xu, trong ấy bày các đồ chơi, mấy thằng bò-din bằng gỗ đeo mặt nạ, ăn mặc như vua Uy-liêm và các tướng Đức trông hung-ác lắm, song tiếc thay không hồn ! Lại có cây đu ước chừng năm sáu cái đu giầy đay treo cái thuyền sơn xanh, cứ hai cậu bé hay cô bé trèo vào ngồi trong thuyền ấy cầm cái giầy dún lên cũng bồng lắm. Mới hay cách sinh-nhai của con người ta ở đời văn-minh này sinh ra lắm lối lắm vậy. Nhưng hôm ấy trời mưa nên chỗ ấy không có gì cả. Hai người chúng tôi vào chơi cái lều ấy, ông Lý bọn Nhắng và Thổ-đen ấy đã bạc đầu râu, ăn mặc y như chú Chiệc, ngồi ở giữa, còn các cô các cậu Nhắng kẻ ngồi, người nằm, anh ngủ ngáy o o, cảnh-tượng rất là tự-nhiên. Chúng tôi ngồi nói truyện một lúc, ông Lý dẫn-giải cho hay mọi thứ người, gọi các cô con gái ra, có hai cô ăn mặc áo mới ba như là các cô đầu Hàng-giấy, mới nhìn đã tưởng chị em trong xóm Bình-khang sớm bên hơi đồng mà từ chốn phồn-hoa bạn cùng chân xim bóng đá, mãi mới dám cầm lấy cái điều cây hút thuốc. Ông Lý cười cười phép hai cô, thời lời oanh

thưa lại ngọng-ngịu mới dám chắc là chị em đường ngược thật! Ai ngờ người Nhắng, người Thổ-den mà bề ngoài như thê làng khuê-tú dưới Đồng-bằng, chỉ vì ngây-ngò một chút mà thôi! Cho hay văn-minh cái quần cái áo thời dễ, chứ văn-minh cả người thời khó lắm thay!

Các lều ở trong cái khu ấy nhà-nước lấy kiểu đúng như ở trên đường ngược, các dân ấy cư-xử nhà cửa thế nào nhà-nước làm như thế, những hạng người ấy nhà-nước phát cho mỗi ngày mỗi người 0\$40, trẻ con 0\$20, còn các ông Lý và các quan Châu thời khác, tôi hỏi thấy họ nói thế. Họ ăn ở thô-lược quá chừng. Ông Lý ấy ở Lào-kay có mền-đay danh-dự (Médaille d'honneur) nói với chúng tôi rằng : Có chân nghị-viên ở Tư-vấn nghị-hội Bắc-kỳ.

Chúng tôi lại sang một lều Thổ-den và Mán khăn đỏ, thầy Lý ấy trẻ tuổi, ăn mặc khách, tay cầm ba-toong, biết tiếng tây, vợ cũng ăn mặc như đàn-bà Tàu, ra dáng lâu-lĩnh lắm. Có hai cái mền-đay bên võ, thầy Lý ấy coi bộ Nguyên là người Tàu sang lớn vào dân Thổ mà làm đàn anh, cho nên ăn ở sạch-sẽ hơn, tôi vào thời nhằm lúc sai người đi vẫy nước Crésyl. Vẫy xong, thầy ngồi sai đàn em thổi kèn, đánh trống, nổi thanh-la lên; kèn thời chỉ *tò-te tí-te*, còn các cái kia đình cả tai, nhưc cả óc. Ôi! Minh lấy làm không hay, họ chắc thú lắm vậy! Cho hay cái tâm-lý con người ta, thế mới biết rằng cái sự yêu ghét, sự vui buồn của mỗi hạng người một khác nhau.

Qua sang những lều Mán-Tiền Chợ-Rã, các người Mán Cao-lan, Mán quần trắng, Mán Mèo, Mán Xá, Mán sơn-đâu, Mán Thanh-bản, Lò-lồ v.v... bọn thời ở Sơn-la về, bọn thời ở Bắc-kạn xuống, bọn thời ở Tuyên-quang ^{đến Cao-một} cái lều người Thổ dân ^{Thái} trên ai

đỏ và biên chữ đề, có bốn chữ: *Hồ-việt-nhật-gia* 胡越一家 và mấy câu đối nôm bằng tiếng Thổ, tôi hỏi thời ông thầy đồ Thổ nói rằng: ý nói Hội-chợ vui mà thích rằng được Nhà-nước cho về đề cùng người Kinh (Thổ gọi người Đồng-bằng ta là người Kinh) cùng họp. Thông lắm! Ôi! cho hay cái cảm-tình đồng-chủng đồng-tộc không phải là người ngu-đần lại chẳng biết chi. Cái sức thiêng-liêng nó khiến người trong một nước tự-nhiên thương sót nhớ-nhung nhau.

Trời mưa nặng hạt, tôi và người anh em tôi quanh-co khắp các lều đến ba giờ đồng-hồ rồi mới bước chân ra ngoài khu đất ấy. Khi tôi ngồi nói truyện hay đến thăm các nhà Mán thời tôi nhớ ngay lại khi còn 15, 16 tuổi theo gia-nghiêm đi làm quan; khi châu Văn-lãng, lúc phố Đại-từ, nào chơi Chợ-chu, nào qua sông Hoa-ngạc, trèo đèo lặn suối, lên thác xuống ghềnh đã nhiều phen cùng bọn lính Thổ linh Mường chui lau lách sậy, đánh cạm cây cạm cáo, bắn gà cỏ gà gô, đánh nhựa chim lưới chim, khi đốt bụi nửa đề phòng cọp, khi phát lối gianh kéo bện chân, đến bây giờ gặp-gỡ người đã quen, bồi-hồi nghĩ trước, thắm-thoắn mấy chốc nữa ^{chúng} óc đầu đã điềm trong mái, ^{chúng} trên hoài-bảo của mình chưa đủ ^{chúng} ba. Ông xanh còn định xoay ngu ^{chúng} đến đâu?

T ^{chúng} n ^{chúng} t mưa, tôi ra ngay chỗ kỹ-nghệ ^{chúng} Hà-Đông tôi làm, tôi nhận kỹ cả ^{chúng} 風 khảm ngũ kim và sà-cừ của ông V ^{chúng} n-Định, mới chế tạo được 4 năm 寒 ^{chúng} có được thưởng chương-mỹ-b ^{chúng} thứ ba; những các thứ gấm tự ^{chúng} mới dệt thực kỹ và khéo của ^{chúng} Hồ Văn-Ái và ông Nguyễn Xuân- ^{chúng} đồ chạm gỗ các thứ khay, đĩa tử ^{chúng} tượng v. của hai ông Nguyễn ^{chúng} n-Hưng và Nguyễn Đức-Đầu; và cúc (bouton) bằng sừng

các hàng vật khác v. v. Xem ra thời cửa hàng nào cũng xinh-xắn, các đồ chế ra cũng tinh-sảo cả, chắc rằng sau này tiến-bộ lên còn nhiều cái lạ cái khéo nữa. Vậy dám mong các nhà công thương nước ta trong khu ấy hết lòng mỗi ngày một chế ra kiểu mới đồ mới, tìm cách mà làm những cái thiết-dụng cho người ta để dành lấy mỗi lợi-quyền cùng ngoại-quốc, nước ta thực trông mong ở các ngài nhiều lắm.

Tôi đứng lán nhất ở chỗ mà để cái máy con đã gạo, cái máy ấy người chế đã khéo, song chỉ chơi được thôi. Mà có làm lớn lên cũng khó dùng được, vì nếu muốn lợi-dụng được nó phải chế thêm thế nào nữa mới được. Ấy là ý riêng tôi tưởng thế, tôi không sành nghề làm máy, cũng không dám bàn hộ người chế máy điều gì. Xem xong đấy, chúng tôi kéo lại chỗ các đồ của trường kỹ-nghệ Bắc-kỳ mới chế lắm đồ tốt mà đẹp lắm, cũng lắm đồ tiện-dụng hằng ngày cho người ta như chổi, bàn-chải, chiếu dứa giải đất, ghế, bàn bẳng thừng kết thành và bằng mây bằng gỗ giầy bằng mây đi tối v. v. Coi đó đủ biết nhà nước Bảo-hộ dạy-dỗ cho, mà học-trò trường ấy cũng gắng sức tiến lên con đường tinh-sảo, chắc càng ngày càng lắm nghề khéo mãi lên vậy.

Trời đeo hạt mưa xuống rất mau, tôi cùng người anh em bạn đi dạo bước ra về, tạt qua một lều Mèo-đen nữa, để cùng nhau hút thuốc Lào, thấy có cái bàn thờ nhỏ, có hai câu đối hai bên cửa khảm thờ rằng :

*Mang tiếng mèo đen nhưng dạ đỏ.
Đã từng trên núi lại đồng bằng.*

Hỏi ra mới biết của một ông đồ người Mèo-đen làm, nghe cũng có ý vị thay! Trong cái lều ấy bước ra, từ-giã người bạn thân rồi mỗi người một ngả, tôi trở về nhà. Chỉ tiếc rằng mình xuống gặp cái khu nhà chứa các đồ Nam-kỳ và Trung-kỳ đóng cửa! Hôm trước nhìn qua chưa được kỹ lắm.

Tôi lên xe về, cái cảm-giác của tôi nó nồng-nàn vô-hạn, mỗi một chỗ tôi xem là một lòng mừng, lòng mong, lòng ao-trước. Về vấn-đề thực-nghiệp nước ta còn kém cõi quá, ngày nay mới được ít nhiều tranh-cạnh với đời trong đám thị-trường, còn phải mong mỗi tróc-ao cho được thêm lên thôi mới hòng cái cuộc kinh-tế nước mình phát-đạt được. Trong cái Hội-chợ Hà-nội này, quan Toàn-quyền SARRAUT mở ra cũng là để cho đường công-thương nước mình nhờ đó mà tăng-tiến lên, ngài họp hết các hạng người trong xứ ta lại cho quen thuộc nhau, giao-thiệp với nhau, để dễ đường mậu-dịch sau này. Cái ích-lợi Hội-chợ ai ai cũng đã rõ. Nay tôi là người thăm cảnh gọi có vài lời tả-cảnh tả-tình để giải cùng bạn đồng-nghệ. Ước rằng mỗi năm rồi lại một lần chép bài kỹ-thuật chơi Hội-chợ này một khác đi. Cái đó là ở sự tiên-đo của nhà thực-nghiệp vậy. Viết đã là hết, xin nhắc lại rằng: quan Toàn-quyền SARRAUT hiện nay bệnh-tật đã gần bình phục rồi. Quốc-dân n

Hano. 風 寒 1918 Decembre

NGUYỄN MẠNH-BÔNG

chất trên ai.

ác bị làn g

LỜI CÔNG-LUẬN VỀ CÁI THƠ THẦY NG.-H.-V.

Bản-báo lại mới tiếp được cái thơ sau này ở Huế gửi ra, xin cũng y nguyên-văn mà đăng cho rộng lời công-luận

Thơ « cực chẳng đã » hỏi Nam-Phong

Cực chẳng đã nghĩa là thôi không muốn nói; nhưng nói chẳng lẽ thôi; vậy phải có mấy lời, xin ngỏ lại *Nam-phong* thử.

1° *Nói cho sáng thế-lệ.* — Thế-lệ nước mình, xưa nay đều dùng chữ Hán cả; lịch đánh Nguyên đời Trần, cáo bình Ngô đời Lê, buổi chữ Hán thịnh mà quân Tàu, phải thua, vẫn đã có nghiệm. Đến lúc Thánh-triều mới mở nước, phong ông Bách-đa-Lộc, tức là Bi-nhu Quận-công (悲柔郡公), mà văn tế cũng dùng chữ Hán; phong chúa tàu Long, chúa tàu Phụng là Quận-Chấn, Quận-Thắng (阮文震, 阮文勝), mà đặt tên cũng dùng chữ nho; giao-thiệp với qui-quốc còn làm vậy, huống là trong nước. Đức Hoàng-đế trên nổi nghiệp xưa, ngoài đôn lân-nghĩ, nhơn hiếu rạng nghe bốn bề, ăn tín rộng khắp muốn phượng; nên Chiếu-Dụ giữ lệ thường, chính là khuyêta nhơn-tâm phong-tục đó. Mới rồi Dã-Lai một binh; mà đầu đơn như chớp, tôn quyền trái, mà phun bể nhơn-ân, biết lòng dân ngày nay, cũ da lịch ông dân ngày xưa, nên thế-lệ bấy giờ phải theo thừa trước.

Thơ nó nói muốn thoro trong nước, thời cứ lẽ chung bác, theo chuyện phải mà bản; s dám nói ngược, nói ngang. không-kinh-nhường, nói vô-phép! Nếu bảo rằng, y giờ dư-luận tự-do, ai muốn nói r ở thời nói; nhưng nói những câu ngai trái, chẳng là hư-hại nhơn-tâm lắm h ao? Nhơn-tâm hư mà có lẽ văn-mi? Nếu bảo rằng nó là người

chi cũng chẳng làm chi, thời thơ nó gửi đăng báo, vấy ra cả Trung-kỳ Bắc kỳ, sao nó dám nói đến quá lời, coi trời như lá má? Nó đã không kính-nhường với trong nước, còn biết kính-nhường với bề ngoài nữa đâu? Luật bất-kính đã rõ-ràng, tưởng nên xin tòa án Nam-kỳ nghĩ-xử.

2° *Nói cho tỏ lòng dân.* — Lòng dân nước mình, xưa nay lấy cương-thường làm trọng, gã Ngô vô-lễ, sao hậu ngự biết vác gạch mà quăng? Chú Chiếu làm xằng, sao chị Đào biết bô thùm mà nạt? Bởi vì, tác cỏ ngọn rau, ơn vua lộc nước, bụng tôn thân ai cũng như ai, chẳng những Trung-kỳ Bắc-kỳ mà thôi, chớ cả Nam-kỳ nữa cũng thế. Xem như Tam-hùng nghĩa-khi, Lục-tĩnh trung-thành, tiếng-tâm còn rực-rỡ sử xanh, ai mà chẳng tai nghe mắt thấy. Mãi cho đến bây giờ, những người ralam việc, cũng nhiều kẻ ăn ngay nói thiệt, giữ nét gìn lời, chẳng phải mền đức Triều-đình dạy nuôi, nhờ ơn Bảo-hộ diu-dắt, mà được như thế hay sao? Há có một ai mà ăn nói như cái thơ nó hử? Nếu nó không biết chữ; thời nó chỉ nói lấy mình nó, sao nó dám vu cho cả Nam-kỳ? sao nó lại vu đến cả những bậc Cao-đẳng nữa? vu mà đến nỗi ra rứa, tướng Nam kỳ là một xứ lòng trung khí nghĩa, cũng nên nghĩ phạt cho nghiêm.

3° *Nói cho thấu gốc tiếng.* — Nước mình hơn mấy ngàn năm nay, ăn ở cùng nhau, ng lời nhau, dầu những lúc chưa Tàu, như buổi Lạc nói Hùng

truyền, sao biết phân giống Rồng giống Tiên ? sao biết gởi xin gươm xin ngựa ? Dẫu những người chưa học chữ Hán, như những hạng đàn-bà con trẻ ; sao người này nói, người kia hiểu ? Sao xứ này nói xứ nọ nghe ? Tự thừa lọt lòng cha ra lòng mẹ, để người mà tiếng cũng để theo ; về sau ăn thời vóc, học thời hay, giữ tiếng mà hồn cũng phải giữ. Thơ nó nói : thương tiếng mẹ-đê, chỉ biết có mẹ, sao chẳng biết có cha ? Đặt tiếng « sao đất », chỉ biết có đất, sao chẳng biết có trời ? Bao ông Trương Vinh-Ký dựng hồn cho tiếng mình, thời buổi ông Trương Vinh-Ký chưa sinh, hồn tiếng mình bởi đâu mà dựng ?

Ờ ! Ờ ! Nêu cột-đồng ai dựng, lạch quynh sắt ai đào, cát lấp sóng vui, hồn Mã-Viên Cao-Biên sao vắng vắng ? Tháp Đồ-bàn còn kia, thành Ấng-cô còn nọ, srong che rêu phủ, hồn Chiêm-thành Chơn-lạp biết đâu đâu ? Buổi ông Lý-Thường-Kiệt đánh Tàu, hồn ai ngâm bên

thuyền sông Nguyệt ? Lúc ông Trần-Hưng-Đạo giết Chêc, hồn ai vừa chơn ngựa trước lãng thế chớ ? Đều chẳng cần bác từng câu từng đoạn làm chi thêm phiền ; chỉ một đoạn nó nói đến Bè-Trên, mà qui-báo có chắm đi hai khúc, chua vào mấy hàng ; thời không nói không được. Hỡi ơi ! chắm, chắm chắm ; chắm bao nhiêu lại tím gan bấy nhiêu. Hỡi ơi ! chua, chua, chua ; chua chừng nào lại đau lòng chừng nấy. Nó nói đau lòng sùng sùng nồ, đau lòng gỗ gỗ kêu, chớ nào nó có đau chỉ đâu ? Chỉ làm cho người ta thêm đau đớn ! thêm dận-giụi ! nổi tức-tối ! nổi buồn-rầu ! Vậy phải mượn ngòi bút Xuân-thu ra tay phủ-việt.

Nam-phong ôi ! Nam-phong ôi ! đã dâng thơ nó, xin dâng thơ tôi ! kéo thôi không muốn nói, nhưng nói chẳng lẽ thôi : một muốn cho sáng thê-lệ, hai muốn cho tỏ lòng dân, ba muốn cho thấu gốc tiếng mình, nên « cực chẳng đã » mà phải nói.

Nam-son NGUYỄN NHU-NÔNG



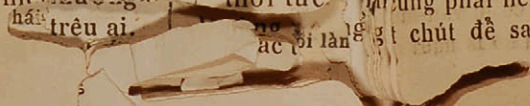
Lại đọc thấy trong Lục-tĩnh-tân-văn ở Sài-gòn một bài của ông CHU LĂNG-VÀN cũng bàn về cái thơ thầy NG.-H.-V., xin trích ra và đăng sau này.

Từ từ lời nói

Tôi coi trong Nam-Phong số 16, cái thơ ngô của ông Ng.-h.-V. người Nam-kỳ, bài-bác cái lối của ông Phạm-Quỳnh nói nhiều chữ nho quá, lá thơ ấy mới coi ở đầu thời phải bật cười, sau xem xuống gần hết cái thơ, thời mới rõ rằng ông Ng.-h.-V. có tư-tưởng rộng, có tri-thức cao, song chỉ tiếc ông nói khí giải lối-thôi quá, và trong lòng ông hơi nóng-nảy, thương nòi giống, thương tiếng nói của mẹ quá cho nên ông hăm-hăm cầm bút viết cũng chẳng nghĩ chi đến tiếng thô-tục, tiếng nôm-na và cũng sót chữ Chêc vào không. Mới mở đầu lá thơ của ông đã thấy những chữ Hán

Từ từ - tưởng ông Ng.-h.-V. hãy xét lại những cái thơ ông viết đó thời ông viết những cái chữ Hán nó đã in vào óc con người ta mấy ngàn năm nay, có những tiếng đã thành ra hẳn tiếng ta rồi, là đàn-bà con nít và những người chưa học chữ Tàu bao giờ, cũng hay 風 (phong) nên quen miệng và cũng không hay 寒 (hàn) bản-đối làm gì, để vậy cũng là 寒 (hàn) thêm ra.

Có một người rằng ông Chủ-bút Nam-Phong (Trần) khi nhiều chữ Tàu thiệt, bọn Tân-độc ta, có lúc coi cũng tức mình ; lá thơ ông coi phải ngừng lại mà nghĩ hoá ra phải coi tự-vựng, song tức thời tức a những phải ném xuống mà



minh dặng thêm nhiều ra, ông cứ khăng-khăng rằng không phải mượn tiếng ngoài thời không được, sao như tiếng Đại-Pháp là một thứ tiếng rất rộng hơn cả toàn-cầu mà còn mượn tiếng Latinh, Hy-lạp ; dịch một quyển Cách-tri, Hóa-học, như những chữ : *Oxygène* chữ Tàu là *dưỡng-khi*, *azote* là *đạm-khi*, *sulfate de potasse* là *Hôi-lưu-dưỡng*, *carbonate de potasse* là *Hôi-thán-dưỡng*, vậy mà ông nói dịch nguyên tiếng Annam thời dịch sao được.

Còn những tên tỉnh, tên xứ như là Washington, Sài-gòn mà dịch theo tiếng Tàu là Hoa-Thịnh-Đốn, Tây-Cống thời cũng khó nghe thiệt.

Vậy cứ như ý ngu của tôi, nên dùng tiếng Langsa mà dịch theo ra tiếng ta thời hơn, còn những tiếng nào, mình đã dùng quen chữ Tàu rồi cứ để y nguyên cũng không hại gì.

Nước ta đương lúc thời-đại đổi cũ thay mới phân-vân, cách ăn bận, cách ăn nói, cách viết thơ từ cũng còn hỗn độn quá, ngời lẫn-thần một mình nghĩ lại hồ người một mình ; đã như có một người ngoại-quốc thấy cách mình nhỏ-những như vậy cũng phải tức tởm.

Không cái gì khó coi bằng : đội mũ Tây, chơn mang giày tây, bận cái áo Annam giải lạt.

Còn khi viết thơ, trên *cher ami*, ở giữa nói bằng ngữ, đả pha thêm một *toi, vous*, rồi sau hết *Bien* khó coi nữa.

Nếu cứ xét mãi như vậy, thiếu gì chuyện, song tôi đề sửa lại lần lần mới được, dần mà bắt sửa ngay, tôi e k

vi xưa kia mình đã bị anh đui là anh Tàu dắc mình vô trong xó tối đã bao nhiêu năm rồi. bây giờ mình mới được nhờ ơn Đại-Pháp cầm cái đuốc giới sáng dắc ta ra khỏi chỗ tối tăm mà đưa ta đến chỗ văn-minh.

Nhờ cái đuốc sáng giới của bảo-hộ đó, ta mới biết, mới ngó lại chỗ cũ là chốn Địa-ngục.

Nhân dịp được cái ánh sáng của quan thầy mà các ngài muốn hớp tớp đi cho mau tới nơi, tôi sợ có khi vấp, vậy không gì bằng lần lần bước tới, đi bước nào chắc bước ấy còn hơn.

Một quyển *Télémaque* là một quyển khó dịch ra tiếng Annam thay mà cái tài ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng khá khen, đã công-phu, khổ-tâm mà tìm tôi, moi móc tiếng Annam mà dịch nổi. chớ có phải là người biếng mà mượn chữ Tàu đâu. Xét cho kĩ thời ông Ng.-h.-V. chớ có nên trách ông Quỳnh vội.

Vậy thời ông Quỳnh nên lấy lẽ công bằng, lấy các lời ich chung. mà nghe một chút xiểu người đồng bang Nam-kỳ mà đặt thêm làm gì những tiếng chữ Tàu mà ta có thể nói tiếng Annam được như là tiếng *Bác-lâm-hội*, mà tiếng ta có tiếng là *hội Đẩu-xảo* ; tiếng *Báo-phục*, ta có tiếng là *báo-thù*, *trả thù*, rồi thời có phải ai ai cũng hiểu không ?

Tôi là người ở giữa, tôi viết bài này không có ý bài bác ông nào cả, cứ lẽ công bằng, cứ lẽ tự nhiên mà nói, còn những câu dư-luận cao xa, xin nhường các bậc cao minh xét nghĩ,

CHU LÃNG-VĂN

(Luc-linh Tân-văn, 28 Novembre 1918)

khóc vừa nói : « — Mẹ ơi, làng đã cử phải con rồi, quan phủ đã chấm rồi, con kêu mãi không được, mà đến mai con đã phải đi rồi. Thôi mẹ ơi, rồi đây mẹ không thấy mặt con, con không được nhìn mẹ nữa ... » Anh ta nói đến đây, ửng lên mà không nói được. Bà mẹ run lật đặt gọi con : « Con ơi ! ... Con ơi ! ... — Này mẹ ơi ! ông Trời hại mẹ con ta cho đến nỗi nào ! Cha con mất đi tự bấy, được mỗi mình con ; nhà thì nghèo, con thì dại, họ hàng chú bác không ai nhìn nhận. Bới đất nhặt cỏ, mẹ đã từng bữa cháo bữa rau mà nuôi cho con nên được thế này. Nhà nghèo khổ, con phải xếp cái nghiên cái cháp của cha con để lại mà mang cái cày cái cuốc ra đồng, cày cấy cho người để kiếm bát gạo về đỡ mẹ nuôi vợ nuôi con. Cam phận cơ-hàn con đã mừng trong nhà yên ổn. Lúc sớm khuya, mẹ mẹ, con con, ba bà, chau cháu, vợ vợ, chồng chồng, mong đem chữ hiếu-thuận hòa-hợp làm vui, dầu lưng rau dĩa muối cũng là ngon là ngọt. Mặc miệng đời hay dở khen chê, tương trời đã danh riêng cho chữ an-bản. Ai ngờ vận cùng chưa hết, cơ cực còn đến nỗi này, khiến cho con lia mẹ, chồng lia vợ, cha lia con. Ôi ông Trời ơi ! mẹ già, vợ dại, con thơ, từ đây biết trong cạy vào ai. Ông Lý ơi, ông Lý ơi, nông nỗi này ông đã thỏa chưa, ông ăn ở thế con trời đất nào ! »

Anh ta nói bấy nhiêu điều, nghe như mưa ; giận từ trong lòng, không sao nói được, kêu lên : « Ôi Trời đất ơi ! ai làm thế này ! » Rồi bà cụ rú ra mà khóc phức xuống giường. Tiếng khóc tuy mà kêu ấy, tưởng sẽ được mây tấc tung lên đến tận trời. Ai nghe thấy hỡi ai làm thinh ch...

Anh ta thấy mẹ nhọc, khuy... năm nghĩ ; rồi ôm lấy con, tròn mặt vợ, nước mắt chứa chan, mà rằng : « Minh ơi, tôi trông vợ chồng... năm duyên kiếp, nghèo cứ...

khô cũng có nhau, ai ngờ lấy nhau chưa được ba năm, được một chút con vừa mới biết ngồi. ăn ở với nhau đã được bao lâu mà đã phải lia nhau ! Rồi đây tôi lênh đênh mặt bể, thui thủi quê người. Nào biết khỏi phong ba vùi dập, chắc nào qua hòn đạn mũi tên : mai tôi đi ấy là ngày tôi chết. Thôi mình ơi ! duyên phận nhờ nhàng, tôi đành phụ bạc với mình, thân tôi nào quản dấy bề chân trời, tôi còn chút mẹ già cậy mình thờ phụng : mình nuôi lấy con, giòng giòi tôi còn có dấy. Minh ơi. chữ tông phu tông tử mình có ngại nào, Lòng tiết-hiếu Hoàng Thiên nào phụ. mai này trời hẳn đền công. Thôi mình ơi, kiếp này đã nhờ, kiếp sau xin thế chẳng đời nhau ! »

Vợ nghe chồng nói, tưởng như ruột đứt ra từng đoạn, ngồi rú xuống đất, nắm lấy tay chồng mà khóc, khóc nước mắt mà không biết nói làm sao. Bà mẹ thấy vậy cũng ôm lấy con mà khóc. Ôi cảnh mới thảm sao ! Một mẹ, một chồng, một vợ, một con, bốn khúc ruột một lưỡi dao bằm cứa ; thồn thức như mưa ngâu sùi sụt, rền rĩ như rế khóc mùa đông, toi bời như cánh hoa tàn, ủ rũ như cây phải lửa. Này cùng lúc đêm khuya, người trong lầu son, trên nệm gấm, có ai tưởng đến cảnh sàu-bi kia trong giữa cánh đồng mù mịt ; có ai nghe thấy mẹ con kia vợ chồng kia trong cái lều tranh lạnh lẽo, đang than than khóc khóc nỗi cơ-hàn, tình ly-biệt ấy không ?

Sáng hôm sau, trời chữa rạng đông, phu tuần đã đến kèm thúc đi rồi ; thoi vôi vàng quan tiền mảnh áo, bát gạo nắm cơm, vợ bòn nhặt bỏ vào khăn gói cho chồng ; rồi chồng sách gói, mẹ trống gậy, vợ ôm con, kẻ trước người sau theo ông lý chầy lỉnh ra tỉnh. Giọt lệ rắc đàng, trông nhau mà khóc, tưởng chi đến đường dài mỗi một, thiết gì đến hộp nước miếng cơm. Khốn nạn kia ai đưa ai đi đâu mà một người đi, năm bảy người...

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ-GIỚI

Bản-báo định từ nay dùng lối nhật-kỳ để chép các việc lớn trong thế-giới ở mục Thời-đàm này. Vậy mỗi tháng cứ theo thứ-tự ngày mà lược-dịch ra đây các điện-tin quan-trọng, để tập thành như một bộ « Thế-giới-dại-sự-kỳ », giúp cho các nhà khảo-cứu sau này. Những bài nghị-luận thì đăng ở các phần trên. — Kỳ này bắt đầu tự trung-tuần tháng 11 đến 20 tháng 12 năm 1918.

18 tháng 11. — Điện Paris: Vua nước Anh GEORGE V và hai ông Hoàng-tử tới Paris. Vua tới thăm nước Pháp là lấy cái tư cách làmlogg-trưởng các quân-đội nước Anh, nên không có quan Nội-các Anh nào đi hộ-giá, và nước Pháp đón tiếp cũng lấy thuần lễ nhà binh. Vua và hai hoàng-tử sẽ đi thăm các hàng trận.

— Quan Thống-trưởng FOCH dẫn quân vào thành Strasbourg (ở châu Alsace).

— Vua Đức ký tờ thoái-vị (acte d'abdication) ở Ameranger, xin bỏ ngôi vua nước Phổ (Prusse) về nước Đức (Allemagne).

30 tháng 11. — Điện Washington: Bộ sứ Mỹ sang dự hội nghị-hòa ở Paris sẽ có các quan như sau này: Quan Giám-quốc WILSON làm chủ, quan ngoại-trưởng LANSING, quan đại-tá HOUSE, quan WHITE và quan trưởng BRISS.

1 tháng 12. — Điện Paris: Quan tổng-lý Nội-các Pháp CLÉMENCEAU, quan nh-trưởng Pháp FOCH, hai quan thương-thủ LAFAYETTE và SONNINO tới Londres để thi quyết trước với Chánh-phủ Anh và việc hòa.

4 tháng 12. — Điện Washington: Một chiếc được một kiều-tàu bay đi từ địa-điểm (hydrophane), lớn nhất cả trong thế-giới ở được năm mươi người, chạy bằng lực đẩy động-motor (moteur) mỗi cái mạnh mẽ hơn hai trăm mã-lực (chevaux), và đi mau hơn một trăm hai mươi cây-lô-mét.

5 tháng 12. — Điện Lyon: Quốc-trái thứ tư của nước Pháp được cất 27 ngàn triệu 2 vạn 5 nghìn quan tiền ta 7 milliards

25 mille francs), hơn cả các kỳ trước, như năm 1915 được 15 ngàn triệu, năm 1916 được 12 ngàn triệu, năm 1917 được 14 ngàn triệu.

— Điện Paris: Vua ALBERT nước Bỉ (Belgique), Hoàng-hậu ELISABETH và Hoàng thái-tử LÉOPOLD tới Paris.

7 tháng 12. — Điện Strasbourg: Quốc-hội (Assemblée nationale) của hai châu Alsace-Lorraine tuyên-ngôn rằng hai châu ấy có quyền được đòi sáp-nhập về nước Pháp, quyền ấy là quyền quyết-định, không ai nghị-luận vào được

8 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc POINCARÉ cùng với quan Nghị-trưởng Thượng nghị-viện DUBOST, Nghị-trưởng Hạ nghị-viện DESCHANEL và quan Tổng-lý Nội-các CLÉMENCEAU, tới thành Metz là thủ-phủ châu Lorraine. Ba quan thống-chế (maréchaux) FOCH, JOFFRE, PÉTAIN nước Pháp, quan đại-trưởng DOUGLAS HAIG nước Anh, quan đại-trưởng PERSHING nước Mỹ ra nghênh-tiếp. Quan Thống-chế FOCH dâng lời mừng. Quan POINCARÉ đáp lại cảm ơn và nói rằng cứ xem như cách nhân-dân đón tiếp quân Pháp thì hẳn rằng lòng dân hai châu Alsace-Lorraine vẫn luyện-ái Mẫu-quốc. — Nhân tướng PÉTAIN mới được thăng chức thống-chế, ngay nơi duyệt-binh quan POINCARÉ làm lễ trao cái trượng thống-chế (bâton de maréchal) (1) cho ngài.

— Điện Lyon: Quan Giám-quốc THOMAS MASARYK của dân Tcheco-Slovaquestới Paris. — Xet dân Tcheco-Slovaques là một dân hơn 10 triệu người thuộc quyền nước Áo tự năm 1620, ngày nay nhân việc chiến-tranh mới thoát-li được quyền áp-chế của Áo và tuyên độc-lập, dựng thành một nước

(1) Chức Thống-chê (maréchal) là chức cao nhất trong nhà binh Pháp, được cầm cái huy-
hiện riêng gọi là cái « trượng thống-chế » (bâton de maréchal). Chức ấy ở nước Pháp từ năm
1870 không ban cho ai cả. Ngày nay mới có ba quan đại-
trưởng JOFFRE, FOCH và PÉTAIN được đặc-cách thăng chức này.

dân-chủ, Đồng-minh đã từng công-nhận. Quan THOMAS MASARYK nguyên dạy triết-học ở trường Đại-học Prague, là thủ-đô nước Tcheco-Slovaques, tự năm 1915 đã được dân bầu làm chủ Quốc-dân-ngữ-hội (*conseil national*), nay hiện đương ở Washinghou lại được tin hội cử làm giám-quốc, bèn tự Mi qua Anh, rồi qua Pháp, đề thương-thuyết mọi việc, rồi về nước lập chánh-phủ mới. Tới đầu cũng được tiếp đón long-trọng lắm, vì các nước đều có lòng yêu mến một dân đã phải chịu khổ áp-chế trong ba trăm năm, tới nay mới được tự-do và độc-lập.

9 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc POINCARÉ tới Strasbourg, là thủ-phủ châu Alsace. Các tướng Đồng-minh và cả nhân-dân nghênh-tiếp long-trọng lắm.

10 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc POINCARÉ tới thăm Colmar và Mulhouse là hai tỉnh lớn ở châu Alsace.

14 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc WILSON tới Paris-Dân Paris nghênh-tiếp một cách cực long-trọng. Tới vào 10 giờ, Quan Giám-quốc POINCARÉ, quan Tổng-lý CLEMENCEAU ra đón, mời về trọ ở dinh của Vương-tước MURAT khi xưa. Bữa trưa xoi cơm ở điện Elysée (là dinh quan Giám-quốc Pháp), có 2 trăm các quan dự tiệc. Quan Giám-quốc Pháp đọc lời mừng và cảm ơn cả quân dân nước Mi đã hết sức giúp nước Pháp và giúp Đồng-minh. Quan Giám-quốc Mi trả lời nói rằng ngày nay đã chiến thắng cần phải nghị hòa thể nào cho sau này không nước nào dám phạm-ác như nước Đức nữa. — Tòa Hội-đồng thành phố Paris nghị tặng quan

Giám-quốc WILSON cái chức « công-dân thành Paris » (*citoyen de Paris*). — Trường Đại-học Paris tặng ngài chức « danh-dự-tiến-sĩ » (*docteur honoris causa*) về văn-khoa và luật-khoa.

— — Điện Paris : Hội-đồng đình-chiến quan Thống-chế FOCH làm chủ đã ký tờ ước lãn hạn đình-chiến đến ngày 17 tháng giêng năm 1919 (hạn trước tự ngày 11 tháng 11 đến ngày 14 tháng 12 là hết). Hết hạn sau đó nếu các chánh-phủ Đồng-minh có thuận thì lại tăng cho đến ngày bắt đầu nghị-hòa xong. — Ước đình-chiến có phụ thêm một cái ước về tài-chánh nói rằng nước Đức muốn dùng tiền bạc, giấy bạc hay là « giá-phiếu » (*valeurs*), hoặc ở trong nước hoặc ra ngoài nước phải có Đồng-minh thuận-nhận mới được.

15 tháng 12. — Điện Paris : Quan Giám-quốc nước Bồ-đào (Portugal) SIDONIS PAES bị thích-khách bắn súng lục chết ở kinh-đô Lisbonne. Quan Hải-quân tổng-trưởng CANTO CASTRO được bầu lên thay.

17 tháng 12. — Quan Thống-chế JOFFRE được nghênh-tiếp vào chân hội Hàn-lâm (*Académie française*). Trong bài diễn-thuyết ngài cảm ơn hội và nói rằng hội đã bầu ngài là có ý lấy ngài là đại-biểu cả nhà quân Pháp mà muốn tỏ lòng yêu mến cả nhà quân Pháp.

18 tháng 12. — Vua nước Ý VICTOR EM-MANUEL III tới Paris thăm quan Giám-quốc Pháp thêm cái tình thân-mật hai dân Đều rồi ra hàng trận duyệt các quan Ý ở

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan Toàn-quyền Sarraut bị thích-khách. — Trong tháng này có xảy ra một việc làm kích-động cả nhân-dân trong suốt cõi, là việc quan Toàn-quyền SARRAUT bị thích-khách bắn súng lục ngày 15 tháng 12 hồi ngài ra chủ lễ khánh-thành hội chợ Hà-nội. Các nhật-báo đã kể tường đầu đuôi cái việc đại-ác ấy, và chỉ tên ác-phạm cho thiên-hạ thóa-mạ. Tên đó là một người Tây tên là DESVIGNES, nguyên chức trên ai, hiện ở tỉnh Hà-đông, nhân việc quan, tự lấy làm oan-uổng, đem lòng oán-giận Nhà-

nước, đi lần viết giấy viết thơ nói bày hạ đến c to trong xứ, rồi mà đến lập tâm phạt bị rất hung-ác đó. Bữa ấy quan Toàn-quyền Sarraut đi chợ, kèn thổi mừng chưa dứt bước và tiếng, thì DESVIGNES đứng bên chạy xô ra chĩa súng bắn người quan SARRAUT mà bắn một viên, rồi quăng súng ra, lùi vào trong đám người, ông để chân-chộn trốn. Việc đó nghe nói, người chung quanh không ai ngạc nhiên, ai ngạc nhiên thì nói là quan đi sau quan Toàn-quyền quan nào bị. Duy có quan

Nguyên-soái LEBLOIS đi canh ngài, trông thấy tên ác-phạm lúi về chạy ra nắm chặt lấy, rồi hô lính canh-sát bắt. Trong lúc bấy giờ thì quan Toàn-quyền còn đi được mấy bước, rồi tay đề vào sườn mà ngã dần ra. Các quan chạy xô lại vực ngài lên, gọi xe hơi vào, theo lối ngài truyền đưa về nhà thương Đồn-thủy. Hết thầy mọi người đứng đấy, người Tây người Nam ai nấy đều kinh-hoảng vô cùng, mỗi đầu ai cũng tưởng quan Toàn-quyền bị bắn vào mạng-mỡ và lo không biết có thể cứu được không. Tên ác-phạm thì điệu ngay về sở cảnh-sát gần đấy, hỏi sơ một lượt rồi tống ngục. Quan Toàn-quyền đưa về nhà thương, quan thầy thuốc xét đạn không vào chỗ phạm, tuy tên hung-đồ muốn bắn vào sườn ngài mà may giữa lúc ấy ngài lại quay ra nhìn lữ người Mán đi qua đấy nên chệch vào xương hông mà xiên xuống dưới mông. Lập tức cho gọi quan Docteur LE ROY DES BARRES là bậc danh-y ở Ha-nội đến mổ lấy đạn ra, quá trưa thì có tin thông-báo của phủ Toàn-quyền cho dân-gian biết rằng quan Toàn-quyền chỉ bị thương mà thôi, vết thương không lấy gì làm nặng lắm, qui-thể vẫn được bình-thường. Ai nấy được tin đó vui mừng xiết kể, vì từ buổi sớm nghe ngài bị thịch-khách khắp trong dân-gian, cho đến đàn bà con trẻ đều một lòng thương xót, chỉ cầu Trời khẩn Phật cho ngài được thoát nạn. Kể này nói: « Trời thật phù-hộ quan Toàn-quyền ta. Người lành lẽ đâu phải chịu nạn ? » Người kia bàn : « Chẳng qua là cái hạn của ngài, nhưng ngài có hồng-phúc, dẫn cái chết đến nơi cũng tránh khỏi. Trời Phật nào nữ phụ nào ! Cứ t-mặc mà nói, ngài thật là người nhân-đức, kẻ hiền-từ ? »

biết lòng dân ái-mộ quan SARRAUT là LAI, ng nào ! Cứ t-mặc mà nói, ngài thật là người nhân-đức, kẻ hiền-từ ? »

cái lòng ái-mộ đó. Từ xưa đến nay dân ta có quan Toàn-quyền nào được chết như thế này, miễn bằng ngài. Là vì cái chánh-chức của ngài trong mấy năm ở đây, cái danh-tên từ quảng-dại của ngài đã phổ-cập trong dân-gian, đầu đàn bà con trẻ, đến những đàn Mường Mán ở thăm-son cùng-cả, một vị phúc-tinh cho cả nước Nam. Một vị phúc-tinh như vậy lẽ đâu lại bị hại sao ? Không, không có lẽ thế, trong dân-gian nói phải : Trời phù-hộ người nhân-từ ?

Ấy sự vui mừng trong dân-gi, mà sự vui mừng của những bợ

SARRAUT, lại kể sao cho xiết ! Trước nghe thấy cái hung-tin ai cũng nghĩ người ra, rụng rời như sét đánh bên tai, rồi trong bụng nôn-nao không biết có qua khỏi được không, sau được tin ngài không việc gì, ai nấy mới yên tâm và một lòng chúc-nguyên cho ngài chóng phục-hồi như cũ.

Nay ngài đã gần khỏi hẳn rồi. Tuy ngài có cái hạnh-phúc lạ mấy lần gặp sự nguy-hiểm, — như hồi trước đã đi tòng quân mà bị thương, đầu năm nay bị xe hơi đè lên người mà bị thương, lại ngày nay bị súng-lục kể ác-phạm mà bị thương lần nữa, — mà lần nào cũng qua khỏi được, nhưng thực là cái hạnh-phúc chung của cả dân An-nam ta không đến nỗi phải mất một tay lương-tễ, tự xưa nay chưa từng gặp bao giờ.

Nam-phong-tap-chi xin thay cả quốc dân dâng lời kính-chức cho qui-thể lại được an-khiên như thường, để ngài lại ra sức khai-hóa cho dân ta được nhờ. May lắm ! may lắm !

Hội-chợ Hà-nội. — Hội-chợ Hà-nội họp từ ngày 15 tháng 12 năm 1918, đến cuối tháng thì tan. Ngày khánh-thành nhân cái việc ác-phạm kể trên kia mà hội lúc mới đầu có kém vui đi nhiều. Nhưng sau được tin quan Toàn-quyền không việc gì thì chợ lại đông đúc vui-vẻ lắm. Bài kỹ-thuật đăng ở phần trên đã tả rõ cái cảnh-tượng Hội-chợ cho những người ở xa không về xem được. Nay xét cái mục-đích của Hội-chợ là muốn năm năm họp các nhà buôn bán, nhà công-nghệ Tây Nam để làm cái dịp trình bày các đồ hàng cho thiên-hạ biết, giúp cho việc mậu-dịch trong xứ được nhiều điều tiện-lợi, và ngăn cái hoạn người ngoài đến xâm chiếm thương-quyền của mình. Phàm việc buôn-bán trong một nước muốn cho thịnh-lợi thì người có đồ hàng với kẻ có tiền mua phải được trực-tiếp mà quen biết nhau, cho khỏi những sự mối-lái phiền-phí cho cả hai bên. Người mua muốn cần-dùng thứ hàng gì được biết ở đâu có đồ hàng ấy mà gửi ngay về mua, chắc được cái hàng như ý mình. Người bán cũng được tùy ý người mua mà chế ra cái hàng thích-dùng, chế rồi bán được ngay, không phải qua nhiều tay nhiều người mới tiêu-thụ được. Lại trong nước có cái nghề gì mới mở, cái sản-vật gì lạ, cũng có dịp mà phô bày ra cho thiên-hạ biết. Có nhiều thứ hàng-hóa nguyên của nước ta mà người Khách buôn lấy rồi đem bán, ăn lãi một gấp hai. Lại có thứ hàng-lúa vốn trong nước có mà mình cứ đi

PHONDR

mua dùng của người ngoài. Đến như những vật của man-ngược hay là những thổ-hóa của các xứ trong cõi Đông-dương này, trước kia không biết mà dùng hoặc cứ phải mua ở người ngoài buôn lại, nay nhờ có Hội-Chợ biết sản-xuất ở đâu mà khi cần đến có thể gửi thẳng về mua được, tiện lợi biết bao nhiêu. Hội-chợ này thật là ích-lợi nhiều đờng. Tuy năm nay mới mở là lần đầu mà đã vui-vẻ đông-đúc như vậy, chắc mỗi năm san này lại càng phát-đạt thêm lên, vì càng nhiều người quen biết và thành cái lệ thường hàng năm.

Thánh-dụ bỏ khoa-cử ở Trung-Kỳ. — Hoàng-Thượng mới giáng tờ Dụ bãi khoa-cử ở Trung-kỳ, xin cung-dịch như sau này :

- « Ngày 4 tháng 11 năm Khải-định thứ 3.
- « Bộ học phụng-Thượng-Dụ rằng :
- « Cứ như các lễ viện Cơ-mật hội-nghị ngày 22 tháng chín và tờ phiến của Bộ-Học đứng xin ngày 18 tháng 10 (tức là 24 tháng 11 tây) năm nay, thì học theo cách khoa-cử ngày xưa không thích-dụng với đời bây giờ. Tuy từ trước cũng vì dùng cách khoa-cử ấy mà ta được nhiều người thông-thái làm vẻ-vang cho nước nhà và lịch-sử, nhưng đến đời bây giờ thì khác nào như cây có hoa mà không có trái. Phàm nước nhà muốn cho văn-minh tiến hóa, lễ công rõ-ràng thì phải cải-lương chế-độ trong nước dần-dần. Và lại nên theo lòng nguyện-vọng của dân mà deo lấy hạt giống cách-trí, khiến cho dân trong nước đều thông chữ quốc-ngữ và chữ Pháp mà trong chương-trình việc học cũng không hề bỏ hẳn chữ tàu, bởi vì ngày sau dùng người phải lấy hạng người học-thức cho rất phổ-thông vậy ;
- « Chuẩn định rằng :
- « Khoản thứ 1. — Từ nay bãi hẳn khoa-cử.
- « Khoản thứ 2. — Khoa thi Hội sang năm sẽ là khoa cuối cùng.
- « Khoản thứ 3. — Phạm cách lựa bỏ quan-lại thuộc về văn-ban và cách học cách thi sẽ định riêng chương-trình.
- « Khoản thứ 4. — Viện Cơ-mật và Bộ-học phải chiểu dụ thi-hành.
- « Khâm thủ.
- « Số 123. — Học-bộ cung-lục »

Trong *Thời-dàm* kỳ trước (số 17 trang 240) bản-báo đã bàn qua về sự cải cách trên ai thi-cử ở Trung-kỳ. Nay lại có lời Thánh-dụ bãi

khoa-cử thì biết Triều đình đã quyết-chí cải cách vậy. Sự học ở nước Nam ta sẽ bước vào một thời-kỳ mới. Mong rằng sau này việc học việc thi sẽ được tiến-bộ hơn trước.

Nghị-viên há không phải là một chức trọng sao ? — Gần đây nghe nói có

mấy ông nghị-viên ở hội Tư-vấn Bắc-kỳ (*Chambre consultative du Tonkin*) đệ đơn xin quan Toàn-quyền ban phẩm-hàm cho các nghị-viên, nói rằng chức nghị-viên dân-gian không biết trọng và ở nơi hương-thôn không được cái địa-vị xứng-đáng. Coi đó thì biết rằng cái trình-độ dân mình còn kém thật. Các nước đều lấy nghị-viên là một chức-trọng không gì bằng, mà duy có nước mình là coi thường và khinh rẻ. Sự đó là bởi cái tục hủ-lậu trong dân-gian xưa nay chỉ biết có quan là trọng, không biết người đại-biêu cho mình ở chốn nghị-hội đề binh-vực quyền-lợi cho mình và kiểm-soát công-việc của quan-lại còn trọng hơn quan-lại biết bao nhiêu. Nhưng cũng do cả các ông nghị-viên phần nhiều chưa thoát khỏi cái mê-mộng quan-trường, cái-mê-mộng ông hàn, ông bá, chưa cho cái chức mình làm trọng, còn mong người ta trọng sao được ? Đã hay rằng dân ngày nay chưa biết nghị-viên là cái vật gì, nhưng cái phận-sự ông Nghị-viên là phải làm thế nào cho dân nó biết mình là người có ích cho nó, là người sẵn có lòng bênh-vực quyền-lợi cho nó, bàn-bạc những việc công-ích cho nó, nói tóm lại là người đại-biêu cho dân đối với chánh-phủ, đối với quan-lại, nó phải trọng-vọng mình, cần gì mà phải ai với ai. Làm nghị-viên phải là người đứng đầu không thuộc ai, chỉ lấy cái danh-nghĩa làm đầu, thế mà dân là trọng, hà-tất phải gọi là trọng hay ông bá, ông bát hay ông cửu mới là trọng ? Còn mơ-mộng những sự hư-danh thì chưa có cái tư-cách làm người đại-biêu dân được. Cái tư-cách ấy tự mình phải giữ gìn, tự mình phải làm cho người dân biết mà còn trọng mình, vì mình là người tài mắt của dân, người gương mẫu cho dân ; hà tất Nhà-nước phải cho mình trọng ?

Vậy thì ông nghị-viên phải biết tự-trọng mới được, thì cái chức nghị-viên của mình mà đứng hi vọng cái địa-vị. Phải biết rằng đời nay làm nghị-viên còn gấp mấy mươi làm quan, vì quan chỉ có cái quyền bàn-bạc việc lợi ích cho quan chẳng qua là cái chân tay sai-khiến mà thôi.

Chẳng xem như trong Nam-Kỳ coi chức « hội đồng » (tức là nghị-viên) rất là danh-giá, nhiều người tranh nhau mà làm. Ngoài ta cũng phải bắt chước mới được, các ông nghị-viên chớ nên tự khinh mình mà để cho dân nó khinh.

Tờ Châu-tri của quan Thống-sứ Bắc-kỳ về các trường tiểu-học. —

Mới rồi quan Thống-sứ Bắc-kỳ có gửi một tờ châu-tri cho các quan Công-sứ đầu tỉnh về việc chia đặt các trường tiểu-học và việc dạy chữ nho trong các trường ấy, bản-báo tức không kịp dịch toàn-văn mà đăng báo. Theo bộ « Học-chánh tổng-qui » mới thì các trường tiểu-học chia ra làm hai hạng : một hạng gọi là « Sơ-đẳng tiểu-học » (*écoles primaires élémentaires*), một hạng gọi là « cụ-thể tiểu học » (*écoles primaires de plein exercice*). Sơ-đẳng tiểu-học là những trường chỉ có hai lớp hay là ba lớp mà thôi, và dạy học phần nhiều bằng chữ quốc-ngữ. Cụ-thể tiểu-học có đủ cả năm lớp, dạy học bằng chữ tây, cho đến thi được bằng tiểu-học-tốt-nghiệp (*certificat d'études primaires*). Trong « Tổng-qui » định rằng mỗi tỉnh ít ra cũng phải có một trường cụ-thể cho con trai và một trường cụ-thể cho con gái ở tỉnh-lỵ, còn các phủ-huyện hoặc các tổng-lang muốn đặt bao nhiêu trường cụ-thể hay là sơ-đẳng cũng được, tuy quan únh hỏi ý các nghị-viên hàng tỉnh mà tư-bẩm lên xin chánh-phủ. Nay quan Thống-sứ sức cho các quan Công-sứ phải chia hội-đồng hàng tỉnh để bàn kỹ nên chia những trường nào là cụ-thể, trường nào là sơ-đẳng. L'ART nh xin đặt thêm bao nhiêu, cũng phân các trường sơ-đẳng thì nên biết phân biệt nào muốn học chữ tây, nơi nào chỉ học chữ quốc-ngữ mà thôi. — Lại về việc dạy chữ nho thì nhà-nước vẫn để quyền cho người dân tùy ý muốn cho con học hay không. Việc đó quan Thống-sứ cũng hỏi cho các quan Công-sứ phải hỏi-ý các

tỉnh và kê ra những trường tiểu-học nào còn xin học chữ nho.

Coi cái cách thức nhà-nước bảo-hộ sắp đặt sự học như vậy thì biết rằng muốn theo ý dân nhiều. Việc đặt trường, việc dạy chữ đều muốn tùy, cái lòng sở-nguyện của dân, không cưỡng bắt chút nào. Sức dân có thể lập được bao nhiêu trường học thì cho phép lập, muốn học chữ tây hay chữ quốc ngữ cũng đều được tùy ý các nghị-viên hàng tỉnh, là những người thay mặt dân để bàn bạc việc công-ích. Vậy các ông nghị viên phải bàn bạc cho cẩn-thận, cho sác-đáng để khởi phụ lòng dân tin cậy.

Thê-lệ về sự muốn nông-phu ở Nam-kỳ. —

Quan Toàn-quyền mới ký một tờ nghị-định ngày 11 tháng 11 năm 1918 đặt tờ thê-lệ về sự muốn nông-phu ở Nam-kỳ. Nam-kỳ hiện còn nhiều đất bỏ không, chưa cấy cấy, Nhà-nước muốn cố-động cho các nhà điền-chủ đến mà khai-khẩn lập đồn-điền. Muốn khai-khẩn cho rộng, cần phải có nông-phu cho nhiều. Vậy cách-thức muốn nông-phu phải cho phân-minh nhất-định thì kể làm người thuê mới được chắc bằg. Vả Nam-kỳ không đủ người làm, tất phải cần đến người Bắc-kỳ Trung-kỳ là những nơi thường có nhiều người mà không đủ việc, những năm đói kém phải khổ sở lắm. Nay nếu dân Trung-kỳ Bắc-kỳ vào làm nông-phu ở các đồn-điền trong Nam-kỳ thì đã có thê-lệ của Nhà-nước bênh-vực gũ-gìn cho, được thập-phần chắc-chắn, không phải lo sợ gì. Khi vào làm thì người chủ đồn-điền phải làm giấy giao-kèo, hai bên cam-đoan theo thê-lệ: tiền công, giờ làm, cơm ăn, chỗ ở tiền tàu bè khi đi khi về, thuốc thang khi đau khi ốm, v. v., nhất-nhất trong lệ đã định cả, và người muốn phải chịu hết. Nhà-nước lại có đặt quan thanh-tra, đi tra xét các đồn-điền xem người muốn đãi người làm có được tử-tế không. Như vậy thì người làm được chắc bằg quá, không còn lo ngại gì. Ước gì ngoài Bắc ta nhiều kẻ không có việc mà làm đi vào trong Nam-kỳ mà kiếm công ở các nơi đồn-điền, rồi sinh-cơ lập-nghiệp trong ấy, thật là hay lắm. Xin các quan ta nên cố-động sự đó.

TẶNG NAM-PHONG

— Anh làm gì đó? — Đọc Nam-Phong.
 — Thằng nhỏ cụ sai đi đâu rồi? — Đi lấy tập Nam-Phong.
 — Chị Ba, sao không đi xoi cơm cho rồi? — Ừ, để xem hết trang Nam-Phong này đã.

Ấy đó! Ta thử xem chỗ nào, người nào là không đọc Nam-Phong. Từ quan quyền cho đến học trò, dân già, ai ai hễ biết Quốc-Ngữ thì đời tập xanh, tập đỏ để hai chữ Nam-Phong.

Té ra Nam-Phong là một cái gió, thổi không động cây, không rung lá mà tiếng mạnh tựa gió bão, ổn ổn đật giật tứ phang.

Nhờ gió Nam-Phong, mây đen tan tấu, sắc trời trở xanh.

Nhờ gió Nam-Phong, quét sạch bụi trần, hình đất láng trơn.

Nhờ gió Nam-Phong, quốc-văn xuất thế, chen chiều hoàn cầu.

Nhờ gió Nam-Phong, vin tay con trẻ, trèo thang tiên-bộ.

Nhờ gió Nam-Phong, nhờ gió Nam-Phong,

muôn việc đều khai-hóa. . . .

Thiệt là công nặng nghĩa dày ta đương chịu. Nhưng, tưởng ta tuy không làm dạng như ông Quỳnh, ông Trác chủ-bút Nam-Phong mặc lòng, ta há dễ khoanh tay mà chờ xem cuộc thế hay sao? Người cùng ta cũng là dân nước, người đã mở mang, đem đảng chỉ nẻo cho ta, thì ta nên theo lây mà đi, phải làm làm sao mà giúp cho người mở thêm cho rộng đảng mà dắt tay nhau lên con đường ấy. Muốn như vậy thì ta chỉ biết mua Nam-Phong cho nhiều mà hóng gió ấy thì lần lần chắc hẳn gió ấy cũng càng thêm mát mẻ, thì nước ta chắc hẳn cũng càng được đèn văn-minh chói rạng.

Anh em mua lây Nam-Phong.

Huế, le 6 Novembre 1918.

Tụy (Huế)



óc (số 11 trang 24)

trên ai

việc a
 gh
 hi
 y
 ch
 ng
 寒
 風
 Th